

15 THÁNG 10 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười một

ĐẶNG TIẾN tự túc du học và học bổng du học *
VÕ QUANG. YẾN đi tìm cấu tạo vật chất : ba mảnh
quark * ĐOÀN THÊM những ngày chưa quên : hạ bệ
và suy tôn * NGUYỄN VĂN XUÂN một thời mới *
ĐÔNG HỒ chung quanh « bài thơ mưa mất áo » * TAM
ĐIỂM phê bình nội dung triết học ở trung học * NGUYỄN
HIỂN LÊ thư ngỏ gửi một thanh niên : Tiền (dịch ANDRÉ
MAUROIS) * PHẠM TRỌNG NHÂN lá thư Cambridge *
NGÊ BÁ LÍ ít tài liệu về nhà Tây-sơn * TỪ TRÌ thế-giới
trong những tuần qua * PHAN NHỰ THỨC mịt mờ.
và ngoài kia * TRẦN HOÀI THƯ khi về Bà Di * Ý
YÊN đường hoa trở lại * VÕ HỒNG gió cuốn *
TRẦN ĐẠI giữa đường * **SINH HOẠT** thời sự
văn nghệ * lễ kỷ niệm
sinh nhật đức Khổng -
Tử * Nhớ Đinh Hùng *

259



TRONG GIA-ĐÌNH ẸM-ẮM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỘT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai "HÒA TIỀN"!

BÁCH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 259 ngày 15-10-1967

ĐẶNG TIẾN <i>vấn-đề du-học tự túc : Tự túc du học và học bổng du học</i>	3
ĐÔNG HỒ <i>chung quanh " bài thơ mưa mắt áo " (thi thoại)</i>	7
TAM ĐIỂM <i>phê bình nội dung Triết học ở Trung-học : Siêu hình học và Triết học Đông phương</i>	15
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : hạ bệ và suy tôn</i>	19
VÕ QUANG YẾN <i>đi tìm cấu-tổ của vật chất : ba mảnh Quark</i>	29
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>một thời mới (văn học miền Nam)</i>	33
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống : Tiền (dịch ANDRÉ MAUROIS)</i>	39
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	43
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>lá thư Cambridge</i>	55
TRẦN ĐẠI <i>giữa đường (truyện ngắn)</i>	61
NGÊ BÁ LÍ <i>ít tài liệu về nhà Tây-sơn</i>	68
PHAN NHỰ THỨC <i>(Mêkung) mịt mờ — và ngoài kia (thơ)</i>	71
TRẦN HOÀI THƯ <i>khi về Bà Di (thơ)</i>	72
Ý YÊN <i>đường hoa trở lại (thơ)</i>	73
TỪ TRÌ <i>thế-giới trong những tuần qua</i>	75
SINH HOẠT :	
NGÊ BÁ LÍ <i>lễ sinh nhật Đức Khổng Tử</i>	79
THẾ NHÂN <i>nhớ Đình Hùng (cuộc nói chuyện do Hội Bút Việt tổ chức)</i>	79
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ : 25\$ Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách khoa trân trọng cảm ơn các tác giả dịch giả và nhà xuất bản đã gửi cho những sách sau đây:

— **Nếp cũ: Tín ngưỡng Việt - Nam** (quyển thượng) của Toan-Ánh, do Nam-Chi tàng-thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách trên đây, tiếp với cuốn "Nếp cũ: con người Việt Nam" đã được xuất bản từ năm 1965, và sẽ còn tập hạ kế tiếp nữa. Tập thượng này dày 476 trang trình bày từ sự thờ phụng tổ tiên, các đạo thờ thần, lão giáo, nho giáo, đến Phật giáo và đạo Hòa-Hảo, Cao-đài tại V.N Có nhiều hình ảnh, tài liệu. Giá 380 đ.

— **Đắc Khanh và Màu sắc quê hương** tập thơ của Phan Lạc Giang-Đông, do tác giả gửi tặng. Sách in khổ 21x28 dày 62 trang gồm 15 bài thơ và nhiều phụ bản của: Tạ Tỵ, Mai Chửng, Huy Tường, Đặng Giao và những lời tựa lời bạt của: Thế Phong, Vương Tân, Trần Tuấn Kiệt, Du tử Lê, Khải Triều...

— **Trà đạo** tiểu luận nguyên tác: The book of tea của Okakura Kakuzo bản dịch của Bảo Sơn do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 7 chương, trình bày: các môn phái trà, Trà Thất, Trà Tượng v.v... Bản đặc biệt.

— **Phật-giáo Việt-Nam** và hướng đi nhân bản đích thực của Trần Thạc-Đức do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 166 trang, gồm 2 phần: Xây dựng Đạo Phật Việt-Nam và Con đường nhân bản Phật giáo. Bản đặc biệt.

— **Quốc sư Vạn-Hạnh:** truyện kịch lịch sử 4 màn của Lê văn Siêu do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 290 trang gồm 4 màn kịch. Bản đặc biệt.

— **Thâm ý qua hình tượng Phật Bồ-Tát** của Thanh Từ do Hoa-Đàm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm

8 chương, nói về thâm ý qua hình tượng Phật Thích-Ca Mâu-ni, A-di-đà, Di-lặc, Bồ-tát Quán-thế-Âm, Đại-thế-chí, Văn-thù sư lợi, Phổ hiền, Địa tạng. Bản đặc biệt.

— **Vài nét chính Luân-lý Phật-giáo** của Thanh Từ do Hoa-Đàm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 112 trang nói về Luân-lý Phật giáo đối với Phật tử tại gia và xuất gia. Giá 40đ

— **Nghĩ trong một xã hội tan rã** tiểu-luận của Thế Uyên trong tủ sách Xã-hội-mới, do Thái Độ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang, Giá 65đ.

— **Trình bày tập thơ** của Hiện-Hữu do Học Thuật xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 58 trang, khổ 19x27, gồm 52 bài thơ. Giá 80đ.

— **Thơ Ý** tập thơ của Ý do Vương Đức Lệ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang gồm trên 40 bài thơ, Giá 50đ.

— **Vùng trú ngụ** tập thơ của Tô Đình Sự (tức Song-Nguyên Hoài-Thảo), do Dẫn Thân ở Phan Rang xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang, in ronéo 2 mặt, gồm trên 40 bài thơ.

— **Việt-Nam quê hương yêu dấu** tập bài và hình ảnh trình bày quê hương Việt Nam của Nguyễn cao Đàm và Nguyễn cao Linh, do Gấm Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 128, trang khổ 21x27, gồm những bài và ngót 90 hình ảnh nghệ thuật của 2 nhiếp-ảnh-gia danh tiếng, nhằm vào các đề mục: Hoa đồng cỏ nội, Cao nguyên, Biển cả, Đồi cát, người phụ nữ, người quân nhân V.N vv...

— **Tân cảnh** nguyên tác Climats của André Maurois, bản dịch của Mặc Đỗ, tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 168 trang. Giá nhất định 30đ.

GÓP Ý VỀ :

Vấn-đề du-học tự túc

● ĐẶNG - TIẾN

(Xin xem BK. TĐ. từ số 258)

Tự túc du học và học bổng du học

Đề mục này đáng lẽ thuộc về đoạn «kế hoạch du học» nhưng tôi cố tình tách rời đề nhấn mạnh vào tầm quan trọng của nó.

Mỗi sinh viên tự túc hàng tháng được chuyển 150 Mỹ kim, theo giá 118đ = 1 Mỹ kim: chính phủ trợ cấp 38 đ, cha mẹ đài thọ 80đ trên mỗi mỹ kim. Nói là trợ cấp, kỳ thật chỉ là miễn sắc thuế «đảm phụ kinh tế» 38đ đánh trên mỗi mỹ kim; sự miễn thuế, trên tinh thần, là một sự trợ cấp, để khuyến khích tư nhân gửi các con em ưu tú đi du học.

Tôi thấy phi lý. Trợ cấp hoặc miễn thuế đều phi lý.. Được xuất ngoại trong một giai đoạn đau thương của xứ sở đã là một đặc ân vĩ đại, còn được trợ cấp 38đ x 150 = 5700đ một tháng, là phi lý. Nói là trên thực tế, không trợ cấp, chỉ miễn thuế, cũng phi lý nốt; tại V.N. người bệnh uống thuốc tây phải trả thuế, trẻ con uống sữa phải trả thuế, sinh viên trong nước mua sách ngoại ngữ phải trả thuế, còn sinh viên du học không trả thuế, tôi cho là phi lý. Hoặc là dân chúng trong nước vì được cái sung sướng nghe tiếng đại bác nên phải trả thuế? Còn du-học-sinh bị tước đoạt cái quyền thiêng liêng «anh dũng đền nợ nước» nên cần được biệt đãi?

Miễn thuế để khuyến khích du học? Đừng khuyến khích cũng có khối người vận động cho con xuất ngoại: $\text{Đánh thuế } 100\% : 80 \times 200 = 160 \text{ đ} = 1 \text{ Mỹ kim}$

cũng lắm kẻ vô đơn. Một số phụ huynh du học sinh quả tình lo cho con học, một số khác chạy cho con xuất ngoại như ngày xưa các kỳ mục chạy chức cửu phẩm. Nhưng có đánh thuế 38đ, ngân sách quốc gia cũng không giàu thêm mấy hột, xã hội VN cũng không bớt chênh lệch được bao lắm.

Do đó, chúng tôi không đề nghị cắt trợ cấp du học, nhưng xử dụng khoản trợ cấp đó một cách khác, là tạo học bổng du học cho sinh viên. Một cách cụ thể hơn: sinh viên du học tự túc phải trả 38 đ thuế đảm phụ, tức là trả 80đ + 38 = 118đ trên một Mỹ kim. Nhưng số 38đ đó, thay vì nhập vào ngân sách quốc gia, sẽ được xử dụng thành «quỹ du học»; như vậy cứ hai sinh viên tự túc du học thì có thêm được 1 học bổng (38đ trên 1 Mỹ Kim $\times 2 = 76\text{đ}$ gần được một Mk). «Quỹ du học» này tài trợ được cho 1/3 tổng số sinh viên xuất ngoại, cộng vào số học bổng quốc gia đã có từ trước và số học bổng do các quốc gia bạn viện trợ, thì số sinh viên du học có học bổng có thể xấp xỉ với số sinh viên tự túc xuất ngoại.

Số học bổng dồi dào sẽ tạo nhiều lợi ích vật chất và tinh thần quan trọng :

— Nguyên tắc cấp học bổng xưa nay vẫn là chọn sinh viên giỏi và nghèo. Nguyên tắc này, nếu được áp dụng nghiêm chỉnh, sẽ tạo được những chuyên viên thuộc mọi giai tầng xã hội. Du học lúc đó không còn là đặc quyền của một giai cấp.

— Số học bổng do « quỹ du học » sẽ do quốc gia VN cấp phát, nghĩa là nhà nước tự do chọn người, chọn ngành, chọn quốc gia để đào tạo chuyên viên không bị giới hạn bởi các điều kiện của các cơ quan ngoại quốc đặt ra, như từ trước đến nay. Do đó chính phủ có thể thảo kế hoạch đào tạo chuyên viên phù hợp với kế hoạch phát triển đã trù liệu.

— Học bổng ưu tiên cho những sinh viên nghèo : những sinh viên này sau khi tốt nghiệp ở ngoại quốc sẽ về nước nhiều hơn sinh viên tự túc, vì nhiều lẽ sau đây :

* Hết học bổng, họ sẽ hết tiền sinh sống ; trong khi sinh viên tự túc, dù chính phủ có cắt chuyển ngân, họ vẫn sẵn tiền cha mẹ đã gửi tại các ngân hàng ngoại quốc, hoặc chuyển ngân lên.

* Sinh viên nghèo có nhiều ràng buộc với quê hương hơn, có khi phải về nước để làm việc nuôi gia đình vợ con, mẹ, em... trong khi sinh viên giàu không phải giải quyết những vấn đề vật chất tại quốc nội.

* Về tinh thần sinh viên nghèo, đối với họ, tiện nghi là ao rau muống, cà dầm tương, quán cóc cà phê, tô canh rau ngót : trong khi đối với sinh viên giàu, tiện nghi là nhạc stéréo, xe hơi Sport... cho nên không ham về nước.

* Về gia đình, sinh viên giàu đều có anh em, họ hàng ở hải ngoại. Cha mẹ mỗi năm bay sang thăm một đôi lần, cho nên họ không thiết hồi hương ; sinh viên nghèo trái lại, nghĩ tới xứ sở nhiều hơn vì cô độc ở hải ngoại.

Một biện pháp cuối cùng là khi cấp học bổng chính phủ có thể thỏa hiệp với các quốc gia bạn là không gia hạn chiếu khán lưu ngoại cho các sinh viên VN đã tốt nghiệp. Nếu không thỏa hiệp được thì gửi sinh viên đi các nước khác ; dù sao, việc tạo áp lực để triệu hồi các sinh viên học bổng cũng dễ hơn là đối với các sinh viên tự túc.

— Một khi đã về nước, các sinh viên nghèo sẽ thấu hiểu tình trạng đất nước hơn là các sinh viên giàu. Họ có khuynh hướng tự nhiên là phục vụ trở lại giai cấp họ xuất thân : trong viễn tượng đó, nước nhà hy vọng sớm có chính sách quân bình các giai tầng xã hội.

Đã đành là những điều tôi nêu lên không nhất thiết phải hoàn toàn đúng. Đó chỉ là những nguyên tắc bình đẳng, mà một khi đưa ra áp dụng sẽ không có giá trị tuyệt đối như hoài bão của người đề xướng. Không riêng gì tại VN đây rầy những « vì cái này, vì cái nọ » mà du học sinh không hồi hương, tại Phi châu cũng vậy, một số sinh viên da đen hoặc không về nước, hoặc có hồi hương thì cũng làm việc loanh quanh tại Dakar, Abidjan, Addis Abe ba... chứ không trở về vùng rừng rú quê hương để phục vụ xứ sở. Tại Hoa kỳ, các sinh viên da đen tốt nghiệp đại học, được thăng tiến vào « giai cấp mới » cũng quên bẵng đi môi trường xã hội đã đào tạo ra họ.

Do đó, mọi lý thuyết đều phải xét theo giá trị tương đối. Trên nguyên tắc, chúng ta phải tạo những cơ hội đồng đều cho mọi người dân muốn thăng tiến ; cách đây một trăm năm, thủ tướng Pháp Guizot chủ trương là « văn hóa một khi xâm nhập vào các giai cấp hạ lưu, sẽ phá hủy nền tảng xã hội » ; và cũng từ 100 năm nay, nước Pháp bác bỏ chủ trương

nói trên, áp dụng chính sách giáo dục dân chủ, mà mãi cho đến bây giờ, tình trạng tại các học đường Pháp vẫn còn đầy rẫy những biệt đãi và ưu đãi. Tại các nước khác ở Âu Châu, tình trạng cũng không khả quan hơn. Nhưng nếu VN bằng được họ, thì cũng đã là khá lắm.

oOo

Muốn việc cấp học bổng được công bình tới mức tối đa có thể đạt tới, chính phủ cần có một chính sách chọn lựa sinh viên hết sức thực tế và khoa học. Nếu chỉ chọn sinh viên học giỏi, thì lại ưu đãi những người giàu. Một học sinh ở Phú Bồn hay Hậu Nghĩa khó mà học giỏi bằng một học sinh Sài Gòn. Hai đứa trẻ thông minh bẩm sinh bằng nhau, ở bậc tiểu-học cậu con nhà giàu đã học giỏi hơn, và lên đến bậc đại-học cậu sẽ bỏ người bạn nhà nghèo rất xa.

Một học sinh giỏi hay dở, là giỏi hay dở so với một số tiêu-chuẩn văn hóa nào đó; mà các tiêu chuẩn văn hóa VN hiện nay — cũng như tại các nước tự do — đều do giai cấp thượng lưu hoạch định từ thể hệ này qua thể hệ khác; giai cấp tư sản tạo những tiêu chuẩn văn hóa — mà hiện thân là chương trình giáo dục VN hiện nay — thuận lợi cho các điều kiện của mình. Để nói rằng chỉ xét một sinh viên qua học bạ là tạo bất công. So với các đồng minh Tự do, ta không dân chủ bằng, so với truyền thống dân tộc, việc học văn và khoa cử ngày nay không công bình bằng dưới thời nhà Lê. Hoàn cảnh chính trị không cho phép chúng ta làm một cuộc cách mạng cấp tiến để cải tổ toàn diện cơ cấu xã hội bắt đầu từ hạ tầng cơ sở, thì ít ra chúng ta cũng phải cố gắng tạo một hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển quốc gia

trong mai sau, bằng cách tạo một giai cấp lãnh đạo mới, tương đối đồng đẳng.

Trên thực tế, một cách phân phối học bổng du học là chia quốc gia thành nhiều khu vực, theo địa phương, nghề nghiệp, tài sản v.v.. Một nước chậm tiến vẫn có những khu vực tân tiến, như Trung Cộng vừa cho nổ bom H, như VN nhập cảng nhiều máy lạnh, máy ti-vi, thịt ướp lạnh, v.v..; nhưng một khu vực nhầy vọt thì các khu vực khác trì trệ. Do đó việc phân chia học bổng phải dựa theo các khu vực, theo những tiêu chuẩn kinh tế và văn hóa. Dường như trước kia, các học bổng Hoa Kỳ được chia đồng đều cho các sinh viên sinh quán Trung, Nam, Bắc; tiêu chuẩn này dĩ nhiên là không đầy đủ, năng tính cách chính trị, nhưng còn hơn là không có tiêu chuẩn, và hơn cả chính sách hiện tại của ta là chỉ nâng đỡ lớp con nhà giàu học giỏi. Tôi xin, một lần nữa, chứng minh « bản án » của tôi: việc du học tự túc, như trên đã trình bày, là bất công; thậm chí tới việc cho học bổng (trên nguyên tắc, cho sinh viên nghèo) cũng bất công nốt: học bổng quốc gia độ 1.000 Mỹ kim hằng năm; đa phần là học bổng bán phần nghĩa là 3/4 số học bổng được độ 45 Mỹ kim một tháng. Với định-xuất này, sinh viên không có cách gì sống tại Âu châu và càng không thể sống tại Hoa kỳ, hai lục-địa có nhiều sinh viên ta nhất. Để bù lại, chính phủ cho phụ huynh chuyển số sai biệt, tức là thêm độ 100 Mỹ kim một tháng = 8000đVN. Thử hỏi có sinh viên « nghèo » nào mà dám xin học bổng? Chẳng may mà « được » học bổng của của chính phủ, thì lấy gì mà cha mẹ chuyển phần sai biệt? Thà theo đề nghị của tôi ở đoạn trên, cứ 2 sinh viên tự túc nuôi một sinh viên du học một cách đầy đủ, mà còn hợp lý hơn.

Số học bổng chia cho các học sinh

giỏi, con nông dân, con công nhân, con tiểu công chức. Ủy-ban Liên bộ thảo kế hoạch — tức là chọn ngành và chọn trường — Hội đồng Du học lo thủ tục xuất ngoại và kiểm soát học trình, và Hội đồng học bổng chọn sinh viên. Hội đồng này gồm giáo chức, nhưng phải hợp tác với Tổng liên đoàn lao công, Hiệp hội Nông dân, Cơ quan Quốc gia nghĩa tử, Hội đồng hàng tỉnh, v.v... Số học bổng dự cấp phải được công bố trước hàng năm, tại các trường Trung học xa xôi nhất. Có như thế mới khích lệ được học sinh toàn quốc.

Tôi mong mỗi một ngày gần đây, trên các nẻo đường Âu Châu, sẽ được gặp một sinh viên VN, cựu học sinh trường Trần quốc Tuấn ở Quảng Ngãi hay Trần Cao Văn ở Quảng Tín. điều tôi chưa từng gặp. Tôi sẽ thăm hỏi anh ta mùa màng năm nay ra làm sao, thóc lúa khá không, gia đình anh ta phải ăn dăm bữa bữa cơm bao nhiêu phần khoai; rồi tình trạng an ninh ra làm sao, các ông hội-dồng-xã mới được bầu làm ăn ra làm sao... Một câu chuyện như thế, tại Âu châu, chắc là thú lắm. Cho đến nay, cứ mỗi lần có một sinh viên hay phụ huynh sang, là tôi tìm đến hỏi thăm tin tức, tiếc rằng câu chuyện của chúng tôi chỉ loanh quanh với các đề tài xe Honda, giá Mỹ kim chợ đen, v...v..., thật chán.

Tôi xin tóm lược những nhận xét và ý kiến dài dòng thành những đề nghị cụ thể sau đây :

— Xét lại toàn bộ kế-hoạch đào tạo kỹ-thuật-gia tại ngoại quốc.

— Giới hạn các sinh viên xuất ngoại, chỉ chọn các sinh viên thật ưu tú.

— Cho phép rộng rãi các sinh viên đã tốt nghiệp Đại-học VN đi tu nghiệp

tại ngoại quốc, đề đào-tạo giáo chức Đại học mai hậu.

— Mọi nghiệp vụ chuyển ngân đều tính theo hối xuất 118đ = 1 Mỹ kim.

— Số tiền trợ cấp du học 38đ mỗi Mỹ kim phải được duy trì, biến thành quỹ « học bổng du học ».

— Cấp phát thật nhiều học bổng du học cho mọi giai tầng xã hội, ưu tiên cho những giai tầng thiếu phương tiện.

Ý kiến đưa ra, còn nhiều điểm thiếu sót, chủ quan, cực đoan, không tưởng. Chúng tôi không có tham vọng đề nghị một đường lối đào tạo chuyên viên; chúng tôi chỉ mong đưa ra một số vấn đề nguyên tắc để được thảo luận sâu rộng trong giới quần chúng, và để được nghiên cứu tường tận trong giới hữu trách.

Mục đích bài này là đặt lại một vấn đề. Rất mong được dư luận lưu ý và thảo luận, để làm nổi bật tầm quan trọng và sự cấp bách của vấn đề du học, đáng lẽ phải là một khu vực đầu tư của quốc gia và sự phát triển mai hậu, thì cho đến nay, vẫn còn là một độc quyền trong rất nhiều độc quyền của một giai cấp trong rất nhiều giai cấp của xã hội VN.

ĐẶNG TIẾN

Thụy sĩ 30-6-67

Bạn đọc đón coi :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

tập I (1940 — 1954)

Hồi ký của ĐOÀN-THÊM

Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản

Chung quanh

BÀI THƠ MƯA MẮT ÁO

Thi thoại sống của ĐÔNG-HỒ

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 258)

Trên đó là chuyện giảng thơ buổi chiều thứ năm, ngày 8 tháng VI.

Tôi nghĩ tưởng đến đó là xong, vì ai rồi công đâu mà theo dõi một bài thơ thiếu thốn.

Không ngờ mà câu chuyện hãy còn chưa chấm dứt. Loài thi sĩ quả là nhiều nghiệp nhiều duyên.

* * *

Sáng thứ bảy, ngày 10 tháng VI, tôi lại nhận được thiệp mời đến dự buổi lễ bế mạc của khóa tu nghiệp, có tiệc trà.

Đây là một buổi lễ chánh thức, có đại diện của chính quyền tham dự.

Hội trường đông đảo hơn nhiều. Có ông đồng lý văn phòng đại diện cho ông ủy viên Giáo-dục chủ - tọa. Có nhiều giáo sư và sinh viên các trường khác được mời. Chương trình buổi lễ độ năm sáu tiết mục. Khi tiết mục chót, lễ trao tặng chứng chỉ cho các dự tập viên vừa xong, thì cử tọa đồng thanh yêu cầu vị xướng ngôn viên, mời thi sĩ Đông hồ lên diễn đàn, để giải quyết cho xong những thắc mắc còn lại buổi chiều hai hôm trước.

Tôi lại được hân hạnh hầu chuyện với các anh em chị em dự tập viên lần thứ hai, trong một hội trường long trọng.

Sáng hôm nay, ngày giờ thong thả,

và không còn tính cách chuyên môn nữa, tôi nói được rộng rãi hơn. Hội trường đông vui, hoa lá trang hoàng khiến cho cuộc đàm thoại thêm phần hào hứng.

Tôi lại đăng đàn, và tôi định đọc nổi lời :

Tôi tưởng rằng hôm nay tôi được mời đến thưởng thức vị trà ngon bánh ngọt đề chúc vui, không ngờ là được mời đến đề thanh toán một món nợ văn chương. Nghĩ cho nợ văn-chương thật khó trả lắm thay. Nhưng không lẽ nào mà vô nợ. Huống chi đây là một cuộc bình thủy tương phùng, hợp đó rồi tan đó. Biết chừng nào gặp nhau nữa mà không trả cho rồi.

Hôm trước còn lựa lại hai điều : Một là món «Thơ triết lý» của hai nhà giáo Triết. Hai là 4 câu thơ do cô Lê Thị Bạch đòi thêm vào cho bài thơ khòl đối.

1. — Nói về thơ và Triết. Tôi nhớ chuyện xưa tương truyền. Có một ông triết gia của nước Hi Lạp cổ uy quyền đã tự thị nói rằng : Hãy quàng lên người Thi sĩ một vòng hoa, rồi thì đuổi họ ra khỏi Kinh thành. Ý bảo rằng Thi sĩ vốn là loài vô tích sự. Lại ý bảo rằng triết gia và thi-nhân vẫn khó ưa nhau, mặc dầu vẫn phục tãi nhau. Đó là chuyện xa xưa ở phương trời nào đó, không dám chắc là có hay không. Nhưng điều

đó cũng chứng tỏ được rằng quan niệm triết của Tây-phương là cái gì khó-khẩn phiền phức bí hiểm rắc rối, bất cận nhân tình.

Chớ tôi xét thấy ở Đông phương của chúng ta. Thơ và Triết không cách biệt nhau. Thơ Tấn, thơ Đường, thơ nào mà không đượm ít nhiều triết lý, một thứ triết lý thanh cảnh, nhẹ nhàng dễ yêu, và dễ cảm. Nhất là thơ Tống của phái Nho gia đạo học. Thơ Thiệu Nghiêu Phu, thơ Trình Minh Đạo, thơ Tô Đông Pha hầu hết là thơ triết lý. Ở nước ta, có thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Hầu hết những thơ trong tập *Bạch vân am quốc ngữ thi* đều là thơ triết lý. Là một thứ triết lý thân mật khả ái, cận nhân tình.

Văn dĩ tải đạo được, thì Thi dĩ tải triết cũng được. Có lạ gì đâu.

Thi hào nước Ấn-độ R. Tagore, một nhà thơ lớn của Đông phương, là một nhà thơ triết lý. Thi phẩm của Tagore đều là diễn tả những triết lý cao siêu, những đạo lý thâm trầm. Chứng thực điều này, tập thơ *Gitanjali* của thi hào, được thế giới ca tụng, được tặng giải Nobel năm 1913 là một quyền tụng thần ca. Những thơ trong đó, đọc, như là đọc những bài kinh, gồm những quan niệm về vũ trụ, về nhân sinh, về kiếp sống và kiếp chết của con người.

Xem thế thì thấy rằng Thơ và Triết vẫn kết hợp được với nhau mà thành một cung điệu hòa hoà, một hồn thơ cao nhã.

Riêng tôi nghĩ : Thơ là Đạo. Chẳng những là thơ đạo lý, thơ siêu chân, mà đến thơ lãng mạn thơ trữ tình, Thơ cũng vẫn là Đạo. Đã cho là Đạo thì phải đòi hỏi công phu tu luyện đến một trình độ nào đó cho đắc đạo.

Đắc-đạo rồi sẽ làm thơ. Thơ nhập thần. Thơ có linh hồn. Thơ là tâm hồn.

Thường thức thơ cũng vậy. Cũng phải tu luyện đến một trình độ nào đó cho đắc đạo rồi mới thường thức được bài thơ, thường thức được đến điệu xú của bài thơ. Linh hồn rung động. Tâm hồn sẽ gặp nhau. Tâm hồn với tâm hồn giao cảm.

Làm thơ, chơi thơ, đọc thơ là một nghệ-thuật, như nghề họa với nghề đàn. Tôi từng nghe nói có những nhạc sĩ chơi chiếc «vô huyền cầm» nghĩa là chiếc đàn không có dây. Tôi cũng từng nghe nói có những họa sĩ vẽ những bức tranh không có mực, gọi là «vô mặc họa». Những điều đó thì cao siêu quá, huyền diệu quá, tôi chưa ý niệm tới được.

Tôi chỉ nghĩ tầm thường được đến thế này :

Khi một nhạc sĩ luyện đến đắc đạo, thì không cần bài bản khúc điệu gì, ngón tay chạm vào dây tơ, tự nhiên nảy lên những thanh âm tuyệt diệu, cũng như khi một họa sĩ tu luyện đến đắc đạo rồi, thì không cần phép tắc qui luật gì, ngọn bút nguệch qua mặt giấy tự nhiên hiện lên những đường nét tài tình.

Thi thi-sĩ cũng vậy. Một thi sĩ khi tu luyện đến đắc đạo rồi, thì không cần thể thức niêm luật gì, cất lời nói lên, tự nhiên gieo thành những vần châu ngọc, kết nên những câu thơ tuyệt cú nhập thần.

Nếu Đông-hồ muốn đem Triết vào Thơ, mà chưa được người đời thường thức, tác giả chưa thanh công là bởi công tu luyện của Đông-hồ chưa đắc đạo mà thôi.

Điều đó không có gì đáng đề cho chú hiền thức mắc. Huống chi, thơ của Đông hồ chưa đáng được gọi là thơ triết lý đâu.

Đây mới chỉ là một vài ý nghĩ nhỏ nhỏ, một ít tư tưởng vụn vặt, một suy tư mỏng manh chưa thành nếp đem lồng vào khung thơ để vần thể mà chơi.

Chỉ tại các nhà giáo triết quá yêu mà nhìn bằng biệt nhãn, đem quan trọng hóa nó, đặt thành vấn đề đó mà thôi.

oOo

II. — Điều thứ hai là 4 câu thơ điển khuyết do cô Lê Thị Bạch đề nghị.

Trước, tôi hãy kể lại một thi đàm cổ sự.

Tương truyền bữa hội thơ ở Đẳng vương các do quan Đô đốc Hồng-châu là Diêm Bá Dư tổ chức, Vương Bột làm bài tự tức tịch. Bài Đẳng-vương-các-tự đó, của Vương Tử-An, đời Đường là một danh tác, cổ kim đều công nhận. Thi thoại kể rằng họ Vương làm bài tự đó, khi đến câu :

Lạc hà dữ cô vu tề phi

Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc

Thì cả cử tọa trong bữa tiệc diên trường tiến đó, nhất tề đứng lên mà kinh dị, mà khâm bội một thiên tài.

Thi thoại lại kể thêm : Đời sau, có dựng miếu thờ. Những đêm khuya thanh vắng, trên ngọn cây bên miếu, người bàng cận nghe có tiếng ngâm nga. Ngâm đi ngâm lại mãi hai câu : «*Lạc hà, Thu thủy*». Tổ rằng tác giả bài văn, tự đắc câu thần cú của mình, cho đến chết rồi mà linh hồn vẫn còn tự đắc. Khi đó có một gã thư sinh, chắc là một thi sĩ thư sinh, nghe thiên hạ đồn đãi, ghé vào thăm miếu, ngủ lại một đêm xem thử. Quả

đúng như lời thiên hạ. Giữa đêm thanh, trên ngọn cây, lạnh lạnh cất tiếng ngâm nga :

Câu «*Lạc hà, Thu thủy*» lại du dương trong gió.

Sáng hôm sau, gã thư sinh viết vào giấy hai câu thơ trên đó mà mỗi câu, gã bỏ bớt đi một chữ. Câu thơ bảy chữ, trở thành câu thơ sáu chữ :

Lạc hà cô vu tề phi

Thu thủy tràng thiên nhất sắc

Gã thư sinh đem câu thơ đó dán vào góc cây.

Rồi từ đó về sau vắng bật. Những người chung quanh không có ai nghe tiếng ngâm thơ như trước nữa. Tổ rằng Câu thơ nguyên tác của Vương hãy còn non, hãy còn chữa được. Và chữa đúng, thì, linh hồn của Vương cũng phải nín lặng đi mà khâm phục tài phán đoán của hậu nhân.

Câu chuyện đề cảnh giác người đời rằng, đừng có vội tự phụ mình là thiên tài, tác phẩm của mình là toàn bích.

Lại còn một chuyện thứ hai. Lý Bạch là một thi thánh đệ nhất cổ kim. Vị trích tiên đo, một đêm say rượu và say trăng đã nhào xuống dòng sông Thái thạch. Về sau, về đêm, lại cũng những đêm khuya thanh vắng, nơi thi bá trầm mình, thấy có bóng người thi nhân áo trắng, hấp thoáng thả chiếc thuyền lơ lửng qua qua lại lại khoảng dòng sông nước cũ. Tái với chuyện Vương Bột vừa kể trên, hồn trích tiên thả thuyền mà không hề có một tiếng ngâm nga, linh hồn vợ vẫn chưa tan như chờ đợi một điều gì chưa thỏa.

Có một gã thư sinh, lại cũng một gã thư sinh, một đêm nọ, khi thấy bóng người tiên chèo thuyền lướt qua, liền

ngâm chỏ vào khoảng sông nước đó, hai câu thơ chất vấn :

*Hà nhân giang thượng xưng thi bá
Cầm tú văn chương tá nhất khan.*

Tức thì, từ ngoài thuyền có tiếng liên ngâm đáp lại :

Dạ tình phát kham đề tuyệt cú

Khủng kinh tình đầu lạc giang hàn.

Rồi từ đó về sau, tiếng ngâm thơ im bật, mà bóng người tiên cũng biến tan đi.

Câu chuyện đề tỏ cho người đời thấy rằng : Người nghìn xưa đã tìm được những tâm hồn tri kỷ ở nghìn sau mà thỏa được nỗi ăn vi, niềm u uất. Chuyện xa xưa tự thuở nào, kể lại cho vui, nghe như có ít nhiều huyền ảo. Mà thôi, chúng ta cứ tin là có thật đi cho câu chuyện có chỗ mà so sánh với nhau.

Vương Bột đã chết rồi. Lý Bạch cũng đã chết rồi. Có chỉ trích, có thưởng thức cũng là người đời sau, rào đó. Người đã mất rồi, có muốn phân trần cho cận kề, có muốn biện bạch cho rõ ràng cũng không làm sao được.

Hồn dầu có thiêng cũng chỉ gọi trong hơi gió bóng mây, như còn có điều gì ần ỨC.

Đông hồ được may mắn hơn nhiều. Chúng ta còn đây. « Chúng ta có và chúng ta có nhau đây ». Chúng ta là thực tại, chúng ta còn gần nhau, cùng ngồi chung nhau giữa hội trường đây, thì sao mà không trả lời cho dứt khoát, thảo luận cho phân minh, đề cho đời sau khỏi phân vân về một chuyện mơ hồ.

Chuyện người xưa là thi thoại chết. Chuyện chúng ta là thi thoại sống. Chuyện người xưa là thi thoại ảo huyền. Chuyện chúng ta là một thi thoại hiện hữu. Thú

vị thay, chúng ta còn hạnh phúc hơn được người xưa biết mấy.

Xin nhắc lại 4 câu thơ đề khuyết mà trong chiều hai hôm trước hãy còn bỏ dở dang. Chúng ta cần thêm vào đó 4 câu, mỗi câu 8 chữ, chúng ta lại cần có 4 vần, 2 vần trắc vì 2 vần bình đã ấn định từ trên, đề uếp nối cho liền. Chúng ta lại cần phải thêm vào đó nhiều thanh âm khác nữa, ngoài hai ý chánh, tiếng gió và tiếng mưa. Lại còn phải đem lồng vào khung, cảnh sắc thiên nhiên của một vũ trụ bao la, chứa đựng trong đó lòng thân ái yêu thương của nhân loại, chứa đựng trong đó những tâm hồn thơ mộng, những ân tình thâm thiết của một Thế hệ hòa đồng.

Nhớ lại ngày trước, trong bài « *Những mảnh vá trên vai áo Nàng thơ* » tôi phải đề ra đến 40 năm mới vá cho liền một mảnh áo Giao Thừa của Đặng Đức Siêu (Xem Bách Khoa tạp chí số 50, ngày 1 tháng 2 năm 1959 mục *Ức viên thi thoại* trang 40-48)

Bây giờ đây, mình lại phải vá một mảnh vá trên vai áo Nàng thơ của mình. Gấm lụa đã sẵn, chỉ kim có rồi, duy còn đợi công phu của tay thợ khéo.

Tôi nhớ lại, hôm chiều thứ năm vừa rồi khi thấy *Bài thơ Nhân loại* của tôi bị công phạt, giáo sư Lê Hữu Mục điều khiển buổi hội thảo, có ý ngại giùm, đã đứng lên vừa bào chữa, vừa hòa giải :

Đại ý giáo sư bảo rằng : theo lời tiết lộ của Nguyễn Ngu Í, trong sách *Sống và Viết*, thì bài thơ *Khai từ* cho sách *Trình Trăng* này, thi sĩ Đông-hồ đã sáng tác trong trường hợp đặc biệt với thời giờ hạn hẹp. Tác giả đã làm lật đật gấp rút. Tác giả đã làm bài thơ này ngay

bên kệ chữ in. Cứ vừa nghĩ xong câu nào là đưa ngay cho thợ sắp chữ câu đó. Và sửa chữa, ngay trong bản gỗ. Rồi thôi xao ngay trên khuôn máy in đang chạy, giữa đủ thứ tiếng ồn ào của một ấn quán chật hẹp. Một bài thơ sáng tác trong một trường hợp đặc biệt như vậy, thì làm sao mà toàn bích được. Giáo sư Lê quân, đã quá yếu mà bình vực cho tác giả bài thơ. Tuy thế, cũng hàm có ý nghĩ rằng bài thơ chưa toàn bích. Nếu chưa toàn bích thì tác giả của nó cũng cứ vẫn là bất tài. Vì thật sự nếu là một nhà thơ thiên tài, thì dầu ở trong trường hợp nào, trong cảnh ngộ nào trong hoàn cảnh nào, ứng khẩu thành thi, kể làm làm chi, nài làm gì những cứ lỏng lẻo lồi thối, những thời gian hạn hẹp, những điều kiện khó khăn.

* * *

Quả tôi chậm chạp và bất tài quá, Tôi đã phải suy tư ngơ ngẩn, đã phải trải qua hai đêm thao thức băng khuông, mới nghĩ diễn thêm bốn câu thơ, tạm gọi là xứng ý.

Tạm xứng ý tác giả, mà biết đã xứng ý liệt vị chư hiền hay chưa. Dầu đã xứng ý hay dầu chưa xứng ý, tôi cũng trình chính cùng liệt vị. Tôi thử ngâm lên, để xem tiếng gió và tiếng mưa của tôi có chút thấm thía nào, có làm cho lòng người ngồi đó nao nao được chút nào chẳng. Tôi lại xin nói rõ hơn thêm Tôi đã mượn lời của Nguyễn-Du mà gọi «người ngồi đó».

Duy tôi không lẽ mượn lại cả lời thơ cũ :

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ
Khiến người ngồi đó...*

Tiếng Gió và tiếng Mưa của tôi phải có cái gì độc sáng hơn, tân kỳ hơn, đột ngột hơn, và bát ngát mênh mông hơn của Nguyễn-Du thì tôi mới bằng lòng. Và có như thế thì khi ai gọi tôi là «thi sĩ» tôi mới dám nhận mà không xấu hổ. Tôi đã có tự ti mặc cảm nhiều lắm hay sao. Không. Tôi không mặc cảm tự ti, mà cũng không mặc cảm tự tôn.

Tôi chỉ thành thực với mình. Thành thực với mọi người đọc thơ mình nói chung. Và riêng với chư hiền đang ngồi trước mặt tôi, giữa hội trường, đang ân cần, có lẽ đang hồi hộp nữa, ngồi nghe tôi nói, đợi tôi ngâm nga, đề chúc vui buổi lễ. Tôi dềnh dàng kéo dài câu chuyện cho sự chờ đợi kéo dài. Có như thế, bốn câu thơ của tôi sẽ gây thêm phần trịnh trọng, may ra đề che giấu ít nhiều sở đoản của mình. Đây tôi ngâm thật chậm, thật rõ, đề chư hiền nghe từng tiếng một, mà thưởng thức. Đây không phải là tiếng của tôi mà là thanh âm thiêu lại của Vạn vật đem lời thơ gửi lại nhân gian :

.

*Cùng soi chung một tấm gương trăng bạc
Hình thi-nhân lồng lộng giữa khung mây
Một Ngôn ngữ cất lên cùng điệu nhạc
Lời thiên nhiên chim bướm gửi vui vầy
Lưu thủy cao sơn, trùng dương sa mạc
Sao cười ngọc vỡ lá rụng hoa bay
Tiếng gió lộng khúc tơ huyền thơm ngát
Tiếng mưa gieo lạnh nhịp tuyết sương gầy*

.

Chư thì cô giáo Bạch tất đã bằng lòng. chư hiền tất cũng đã bằng lòng. Nhân loại chúng ta, vũ trụ chúng ta đã có thêm bao nhiêu tiếng nữa. Chúng ta đã có chim vơi bướm gửi lời vui nào ước, tiếng noa cao nước chảy trong vạt pha lê, tiếng sóng ca gọi trùng dương, tiếng cát tung hô sa mạc, tiếng sao cười dòn,

iếng ngọc vỡ tan, tiếng lá rụng bâng khuâng, tiếng hoa bay lưu luyến. Rồi thì điệp khúc gió mưa rồn rã. Gió, tiếng thơm thối lộng cho ngát khúc tơ huyền; mưa, tiếng lạnh nhíp gieo cho gầy thân sương tuyết.

Bài thơ nhân loại hình thành nên khúc đại hòa tấu thiên nhiên, và cũng trong khúc nhạc thiên nhiên vĩ đại đó, Nhân loại đem thơ buộc chặt: mối thương yêu.

Rồi đem thơ buộc tình thân ái

Người với Người thơ tay nắm tay

Đình đặc thung dung, tiếng ngâm thơ vừa dứt thì cả hội trường dựng dậy tiếng hoan hô. Tôi cúi nhìn xuống mà thẹn thò. Tài tình chi đó mà đón mừng. Chỉ có bốn câu thơ mà những thời với xao đến nát nhàu giấy mực.

Từ đầu đến đó, mới là chuyện *Bài thơ Nhân loại*, Từ đây về sau, mới đến chuyện *Bài thơ Mất áo*.

Bữa trưa thứ bảy, ngày 10 tháng VI đó, từ trường Quốc gia Sư phạm ở đường Thành-thái về Quỳnh-Lâm thư thất, ở khu Hồ tắm Chi-lăng, Gia-định, tôi bỏ quên chiếc áo mưa, trên xe taxi. Anh Thiện Sơn và anh Nam Định hay biết chuyện, cho đăng lời rao tìm áo trên báo Thần Chung, với những lời nhắn nhủ tha thiết ân cần, như soi vào tâm tư bần hoàn của người mất áo. Mất áo mà cảm bằng như mất ngọc.

Bài thơ Nhân loại làm nên, trong trường hợp gấp gáp, trong hoàn cảnh khó khăn như thế nào, trên kia tôi đã tự sự hết rồi. Bài thơ đó, khởi thảo từ năm 1961, đến nay 1967 đã sáu năm rồi mà còn chưa còn thêm. Dầu khó khăn đặc biệt thế nào

bài thơ đó cũng dễ hạ bút cho hay, và ai cũng thích nghe.

Đến *Bài thơ Mất áo*, quả thật là khó mà nên giai vận. Bởi tình tự nó éo le quá, mà chuyện nó tầm thường quá, mất một chiếc áo, có nghĩa gì đâu. Một chiếc áo mới tinh khôi, bỏ quên dọc đường còn được, nữa là một chiếc áo cũ.

Ấy thế mà, bởi nó là một chiếc áo cũ cho nên mới quý. Chớ nếu nó là một chiếc áo mới tinh khôi, thì đã chẳng có chuyện rồi. Nếu nó là một chiếc áo mới tinh khôi, thì nó là chuyện Vua Sở mất cung rồi; can chi mà phải hỏi han, can chi mà phải tìm kiếm nữa. Và can chi mà phải thương tiếc ngậm ngùi.

Bây giờ, trước mắt thi nhân, không phải là chiếc áo nữa đâu, Mà cả một không gian mưa gió bao la. Là cả một thời gian tháng ngày dằng dặc. Trước mắt thi nhân, một con đường chạy dài hun hút về một chân trời mưa gió chập chùng.

Ai ơi! Có biết hay chẳng. Một chiếc áo cũ mất đi là mất đi cả một niềm ấm áp. Chiếc áo mất, đúng vào giữa ngày mưa ngày gió. Chiếc áo mất; hay là mình làm mất. Chiếc áo đã bỏ mình mà lọt vào tay người khác, bởi vì mình vô duyên. Hay là vì mình thất ý mà đánh rơi chiếc áo dọc đường.

Đàng nào cũng vậy. Đàng nào cũng đều là mất cả. Đã mất rồi, thì từ nay, một hiện hữu không còn. Một hiện hữu mà trong đó đã gói ghém đã ấp ủ bao nhiêu ấm áp, bao nhiêu êm ái. Trong đó đã gói ghém đã ấp ủ bao nhiêu hơi nóng tình thắm, trong đó đã chứa đựng bao nhiêu êm đềm của tâm hồn thơ mộng. Tôi đã thi vị hóa một chuyện tầm thường hay sao.

Ai ơi ! Kẻ mắt của có khôn bao giờ. Thi vị húa mà làm chi. Nhưng mà, con nhà thơ trung hậu với bài thơ, mặc dầu thể nhân có cười là đại.

Nghi trong nhà thơ có nghiệp có duyên cũng như trong nhà tình có chung có thủy, như trong nhà Phật có quả có nhân.

Nhớ lại cách đây ba mươi bốn năm, tôi có làm một bài thơ nhỏ. Bài thơ đó là bài thơ *Mua áo* mà ai cũng thuộc lòng.

Tôi không dè, thật tôi có dè đâu, bài thơ đó trở nên một thi phẩm dễ yêu. Bài thơ đó đã phổ biến rất mau lẹ, rất rộng rãi và rất lâu dài trong ngăm xã tao đàn. Nó dễ yêu, vì tứ nó vui vẻ, tình nó nhẹ nhàng, và lời nó nhí nhảnh đó chẳng.

Mọi người đã đón nhận nó với niềm âu yếm thương yêu dễ dãi, mọi người đã dành cho nó một thiện cảm một mỹ ý như đối với người con gái nhỏ thơm tho ngây thơ vô tội.

Tôi đã được trong làng thơ thưởng thức, nhờ bài thơ *Mua áo* ; tôi cũng đã được nhiều thanh khí tương tri, giữa đời, cũng nhờ bài thơ *Mua áo*. Nhưng mà, trong ngót 34 năm trời, tôi vẫn giấu giếm không tiết lộ cho ai nghe tâm sự của người mua áo. Những ý niệm, những tư tưởng, những suy tư của tác giả bài thơ nọ, cũng như những băn khoăn, những rạo rức, nhưng đòi hỏi của nàng Thơ đến tuổi trưởng thành, cần phải thay một chiếc áo mới cho hợp thời trang, tôi mới vừa trình bày trong buổi nói chuyện về «Xúc cảnh thành thi» hồi năm ngoái ở Đại học văn khoa. Tôi không được biết, sau khi nghe hết tâm sự của người mua áo ; bao nhiêu thăm

kín riêng tư của Nàng Thơ đã phơi bày ra hết cho thiên hạ tỏ tường, rồi bài thơ *Mua áo* có còn được người đời yêu mến nó nữa hay không. Tôi ngờ lắm. Bởi tôi nghĩ rằng thị hiếu của người đời là thích hưởng những mộng ảo chấp chờn, say mê những khói hương mờ tỏ. Một khi đã nhìn thấy tận đáy tâm tình rồi, thì lòng thương yêu nếu không cạn vơi, thì cũng có ít nhiều lạnh nhạt. Đậm đà chi nữa, một khi đã nhìn thấy chán chường. Say mê nữa chi, khi đã biết rồi cạn kẻ.

Lạ lòng thay ! Bài thơ *Mua áo* mới kể rõ tình đầu vừa năm ngoái, đến nay, cách nhau chưa được nửa năm, tôi lại có dịp làm bài thơ *Mất áo*.

Các bạn thơ, yêu thơ tôi, đã lạ lòng chưa.

Tôi đã nói rồi. Con nhà thơ cũng như con nhà tình có chung có thủy, cũng như con nhà Phật có quả có nhân.

Ba mươi bốn năm trước, vì cao hứng hữu tình mà làm bài thơ *Mua áo*. Nào có dè đâu, ba mươi bốn năm sau, vì thất ý vô tâm mà làm bài thơ *Mất áo* cho có thủy có chung.

Bài thơ *Mua áo* đã được nhiều mến chuộng ; bài thơ *Mất áo* sẽ ít được yêu thương, chắc chắn. Tôi đã nói trước rồi mà ! Kẻ mắt của có khôn bao giờ. Mà người đời có ai ưa gì kẻ đại.

Tôi phải học khôn. Phen này, bài thơ *Mất áo* làm xong, tôi quyết không hề giải thích một lời nào, như đã làm với bài thơ *Mua áo*.

Tôi gửi theo đây bài thơ nọ, yêu cầu nhà báo đăng trọn tru như thế cho tôi. Người đọc tôi, hãy cứ đọc. Muốn hiểu thế nào thì hiểu, Muốn giải thích thế nào thì giải thích. Khen rằng hay, chê rằng

dở, tôi có dám nói năng gì. Ai bảo rằng tôi lảm. Quả đúng là tôi đã lảm rồi. Tôi đã lảm nhiều lảm. Tôi lảm và tôi đã lảm, bởi vì tôi không đủ minh mẫn, không đủ thông minh.

Tôi đã mất áo. Tôi cứ để cho gió mưa thấm lạnh tâm hồn.

Ai giận tôi nhiều đi. Ai ghét tôi nhiều đi. Ghét tôi giận tôi, để cho tôi đỡ lạnh.

Xin ai cũng đừng tìm cho tôi, đừng sắm cho tôi chiếc áo khác làm chi. Hãy cứ để cho lòng tôi đứng đưng bình thản, như Vua Sở mất cung. Hãy cứ để cho tôi ngồi ngậm sứt sùi, như người con gái thuở xưa, vừa khóc, vừa tìm một cọng cỏ thi giặt tóc.

Rồi đợi đến ba mươi bốn năm sau, thời gian mà tôi đã dành cho *Bài thơ Mua áo*, tôi sẽ giải thích cho nghe. Tôi sẽ nói vì sao mà tôi luyện tiếc nhớ nhưng một chiếc áo cũ, giá không đáng tiền đáng một kỳ rao vặt ở báo *Thần-Chung* mà anh Nam Định đã than thở hộ cho tôi. Mà cũng vì ái ngại cho tâm sự ngàn ngơ của người mất một cọng cỏ thi mà ông Tổng lý báo *Thần Chung* không đòi tiền quảng cáo, giá biểu vốn rất cao.

Còn một lời chốt nói luôn cho hết. Nhan bài thơ này, đúng ra, nên đề là : *"Mất một cọng cỏ thi"* cho điền cổ, cho đẹp lời. Nhưng vì, như trên tự sự, đã có *Thơ Mua áo*, thì phải có *thơ Mất áo* cho đóng đôi, cho thành một thiên thi thoại có thủy chung. Là một tiền kiếp ràng buộc với lai sinh vương mắc; là một giai sự an bài. Ràng buộc vương mắc đã an bài, có muốn trốn tránh, có muốn thoát ly, cũng không làm sao thoát khỏi.

Ai bảo rằng thơ chẳng có linh hồn, và thơ không định mệnh. Xin ai đừng hí lộng, đùa cợt với *Thần Thơ*.

Dưới đây là nguyên văn bài thơ. Bài thơ gồm 39 câu vừa dài vừa ngắn cọng 202 chữ. Là 202 giọt; 202 sợi tơ, dệt nên chiếc áo thơ mưa, chiếc áo mưa thơ đã mất.

MẤT ÁO

Có người con gái khóc tìm một chiếc
trâm cài tóc bằng cỏ thi, trong khi đang
cắt cỏ thi.

(Không tử tập ngữ)

*Rưng rưng nhè nhẹ mưa thừa
Rưng rưng giọt nhẹ ngày trưa thanh
bình*

*Giọt mưa mát như người con gái nhỏ
Giọt mưa thơm như tà áo thư sinh*

Giọt rơi trên cánh đỏ

Giọt rơi trên lá xanh

Mưa cho lá làm hoa thêm cánh đỏ

Mưa cho hoa làm tờ lá thêm xanh

Mưa rơi giọt đầy bao phủ

Mưa rơi giọt mỏng bay nhanh

Giọt gieo lời tơ trắng

Giọt gieo ý tơ xanh

Hừng sợi mưa tơ

Đem dệt bài thơ

Bài thơ tâm sự

Bài thơ ân tình

Lời tơ trắng bài thơ xanh thêm mượt

Ý tơ xanh bài thơ trắng thêm tình.

Châu rơi ngọc vỡ

Bài thơ bằng trinh

Tóc rụng tơ bay

Tao đứt tao nối

Bài thơ mưa dệt mãi không thành

Giọt rơi lưu luyến

Giọt rơi mong manh

Rưng rưng rơi

Giọt thanh bình

Rưng rưng rơi

Giọt ân tình chứa chan

Có kẻ khóc tìm trâm cỏ thi

Vuốt dài mái tóc khóc chia li

Ngày gió ngày mưa dài đặc

Đường xa nẻo lạnh

phân kỳ

Nắng hồng ngày tạnh

còn khi

Mùa lòng mưa gió nào khi tạnh

Thiện nhai bãi giác

Hữu cùng thì

ĐÔNG-HỒ

tháng VI, năm 1967

Phê-bình nội-dung Triết-học ở Trung-học

(Xin xem BK. TĐ. từ số 258)

SIÊU HÌNH HỌC hay Triết học tổng quát

Phần này là hạt nhân thu hút và chi phối sự vận động của tất cả các bộ môn triết học, và ở đây tinh thần của triết học giáo khoa hiện ra rõ rệt nhất. Điều phải nói ở đây không phải là vấn đề siêu hình học mà là cách đặt những vấn đề siêu hình và khuynh hướng giải quyết các vấn đề siêu hình đó biểu lộ mưu toan truyền giáo, chủ trương thần học chứ không phải ý hướng chân-lý và tinh thần triết học. Triết học, nhất là siêu hình học, chỉ là triết học khi đặt vấn đề với tôn giáo nhưng ở đây, chính tôn giáo và thần học đặt vấn đề với triết học. Dưới hình thức triết học tinh thần tín ngưỡng kết tinh thành một hệ thống siêu hình có tính chất thần học vì bản chất là thần học. Điều đó có thể nhận thấy rõ ràng từ việc phê bình và cấu tạo phương pháp tri thức (tri thức luận, chân lý, hữu thể và tư tưởng) đến phần áp dụng phương pháp đó vào các lãnh vực siêu-hình-học chuyên-biệt (vật chất, sự sống, con người tự do, vũ trụ, thượng đế). Quan niệm duy thực thô sơ của Aristote, Thomas d'Aquin, hay của néo-thomisme hoặc của personnalisme được

coi là chìa khóa mở tất cả các cánh cửa của tri thức, quan niệm Thượng-đế nhậm hình trở thành giải pháp duy nhất của mọi vấn đề và tâm điểm của lịch sử. Nhận-thức-luận và siêu-hình-học tiền phê bình và giáo điều đó phủ nhận một cách đơn giản diễn-trình tranh đấu lớn, phong phú, phê bình của triết học trong việc giải quyết biện chứng và cách mạng các vấn đề căn bản duy tâm duy vật, tư tưởng và hữu thể, con người, lịch sử, tuyệt đối. Nó chủ tâm gạt ra ngoài một cách bất công tất cả những gì là phê bình, là chống độc đoán, là vận động biện chứng và cách mạng trong tư tưởng, những Democrite, Locke, Hume, Kant, Feuerbach, Marx... trong khi không có họ thì lịch sử tư tưởng nhân loại còn chìm trong đêm tối của mê tín và độc đoán. Nó chủ tâm bỏ quên phương Đông trong khi thế giới tinh thần hiện tại là phương Đông đang xuất hiện.

Tình trạng ăn chay trường tinh thần trong chục năm qua của xã hội miền Nam phần nào cũng do thái độ tự mãn và áp bức của lãnh đạo tri thức ở đây. Làm sao có triết học thực, khi chỉ có độc quyền siêu hình học kinh viện? Làm sao có triết lý khi tư tưởng chỉ tìm cách hợp lý hóa niềm tin tín ngưỡng và thực trạng xã hội chính trị kinh tế văn

hóa của chế độ, khi tất cả vấn đề đặt ra là đề không đặt vấn đề. Triết lý là đi đường, phải, nhưng không phải là đi đường một chiều. Triết lý là đối thoại, nhưng làm sao có đối thoại với những người cuồng tín và giữa những người cố chấp? Làm sao có tự do tư tưởng trong không khí ngộp thở của đức tin để quốc nơi những mệnh-danh tri-thức? Làm gì còn sáng tạo khi thái độ của họ là phủ phục trước thần thánh và nguyên rủa Prométhée? Ánh sáng phải lịm dần mỗi khi phù phù nổi lên.

Xa hơn, vấn đề liên quan đến tương quan giữa tôn giáo và chính trị trong thực trạng xã hội ta. Vấn đề dân chủ chỉ có thể tiến tới giải quyết khi căn bản của vấn đề là tín ngưỡng và chính trị được giải quyết tận gốc. Chính triết học phải là lưỡi dao giải phẫu ung nhọt tôn giáo phong kiến ở Việt Nam, dưới hình thức cũ hay mới. Chỉ có sự giải phóng chính trị nội bộ khi có sự tách biệt tôn giáo khỏi nhà nước, đề ý thức nhân dân là ý thức dân chủ thuần túy và trong lịch sử cách mạng đó là công nghiệp của các nhà tư tưởng và triết gia. Gốc cỗi thụ của cuồng tín và mê tín, nô lệ, chỉ bật rễ khi bão tố sấm sét của tư tưởng triết học đã thổi qua. Tinh thần đối thoại là linh hồn của dân chủ chỉ thực hiện được sau khi mọi niềm tin đã được tương-đối-hóa, sau khi một phân lượng bi-quan và hoài-nghi duy lý đã ngấm vào đầu óc để từ của con người. Hiện tại cái gọi là triết học thay vì đi đúng chiều hướng giải hoặc, giải mê đó thì chính đang đi tìm cách đề mê và hoặc, thay vì giải quyết mâu thuẫn nó đang tạo ra mâu thuẫn trong thực chất tôn giáo trá hình của nó.

TRIẾT-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG

Đây là phần Việt Nam thêm vào

chương trình triết toàn bộ lấy của Pháp, học khái quát về Khổng Mạnh, Lão Trang, Phật nguyên-thủy. Nho, Phật, Lão là ba nguồn tư tưởng lớn đã chi phối một cách sâu xa và bền bỉ lịch sử và tâm hồn người Việt. Không có gì cần bằng sự trở về nguồn để tìm thấy thanh bình của tinh thần, để hòa mình vào những tư tưởng đạo học của các hiền triết Á đông, những thơ văn siêu thoát cô động của văn học cũ, để dưỡng nuôi sinh khí của truyền thống, nhất là giữa lúc tinh thần dân tộc chỉ là một vang bóng rục rờ trong buổi hoàng hôn và văn hóa dân tộc đang bị xô vùi như con thuyền lênh trên làn sóng ảnh hưởng ngoại lai. Nhưng đó là trên lý thuyết mà thôi. Thực tế thì khác hẳn. Chỉ có ban C, D, có cái phần dân tộc này, tuy ban này chỉ chiếm một thiểu số học sinh đệ nhất. Mà ở ban C, với chương trình vốn nặng, lại không thêm giờ, môn triết Đông được coi như đồ xa xỉ. Triết Đông không bao giờ thi nên tất nhiên không bao giờ cần học, và nếu học thì chỉ là học khái quát. Nó trở thành cái bề ngoài giả dối của chủ nghĩa quốc gia y như tinh thần yêu nước của những trí thức vong bản.

Mặc cảm đối với Tây phương đã thấm vào xương tủy, nó càng biểu lộ rõ rệt qua thái độ thần phục khi nó gọi là được quyền độc-lập để tự quyết lấy công việc mình. Không đặt vấn đề triết học Đông phương trong dự phóng dân tộc nên lãnh đạo giáo dục chỉ giải quyết vấn đề một cách giả dối, tương đương với phản bội. Trong khi chỉ có cách đặt tương quan triết Đông trong toàn diện vấn đề mới đi tới giải pháp thật và hiệu nghiệm cho ý-thức dân tộc tiến bộ. Cái di sản thực dân để lại

quá nặng đã biến vào vô thức và tiếp tục làm lợi cho chủ nghĩa kỳ thị chủng-tộc, chủ nghĩa thực dân của Tây phương. Chẳng hạn chúng ta đọc thấy trong một sổ sách giáo khoa tiếng Việt định luật kỳ thị và phân tiến bộ của ngoại quốc : «Trẻ con sống trong hiện tại, thanh niên tìm kiếm tương lai, người trưởng thành sống trong tương lai, kẻ già lão sống trong dĩ vãng. » « Người da đen sống trong hiện tại, người da trắng sống trong tương lai và người da vàng sống trong dĩ vãng » (của F.Challaye) hoặc «người da trắng thường ôm trong bụng cả một đại dương sôi sục, còn người phương Đông thì chỉ thích nhìn ngắm trăng sao và mơ mộng với trăng sao» (của Munn). Như vậy nghĩa là lịch sử là lịch sử của người da trắng với sứ mạng thống trị, đế quốc và sứ mạng bị thống trị và tan rã trong ngu đại và già lão của những dân da màu !

Vấn đề triết học Đông phương phải giải quyết và cần giải quyết trong viễn tượng lịch sử. Cái phương trình triết học toàn-thể-hóa lịch-sử con người chỉ có thể đạt được từ chỗ chấp nhận lịch sử tính của những người làm lịch sử. Có đặt được phương trình thì mới có đáp số, người Việt, người phương Đông chỉ dự tính được tương lai khi cấu tạo được mục phiêu lịch sử theo chiều hướng phát triển của cách mạng. Dự phóng nền tảng không quay về quá khứ mà chủ đích chính phục tương lai, không lui về chiêm ngưỡng mà lao vào hành động. Viễn tượng lịch sử không có nội dung là phương Đông hay dân tộc mà là phương Đông, là dân tộc.

oOo

Nếu học triết là học triết lý thì phải có một, vài điều kiện, chẳng hạn phải đọc các tác phẩm triết, thảo luận, hội thảo, thuyết trình và nhất là tự do giảng huấn-điều

đó càng cần thiết hơn cho trình độ đại học. Tình hình dạy triết hiện nay tuy không chính thức ngăn cản các điều trên, nhưng thực tế hoàn toàn cản trở việc thực hiện các điều kiện đó. Lý do của sự kém sút ở môn triết và ở giáo dục nói chung không phải do học sinh kém, do giáo sư thiếu khả năng, mà là do tinh thần và đường lối thi cử, tinh thần học hành từ-chương đã thâm căn cố đế vào cả học sinh lẫn giáo sư. Bởi chương trình dù là chương trình cũ cũng có thể biến thành đà đẩy cho nghiên cứu và giảng dạy; sách nghiên cứu, sách dịch thiếu thốn có thể bù đắp dần, khả năng sáng tạo suy nhược có thể rắn rỏi lên, tình trạng học vắn lảnh mạnh hơn nếu sửa đổi được cái tinh thần học hành từ chương vì bằng cấp. Đối với các môn học khác như Sử, Địa, Văn nật... sự học thuộc lòng mà thôi, tuy đã tai hại nhưng không tai hại bằng đối với triết học. Bởi vì triết học tự nó không phải là kiến thức, không phải là khoa học, không phải gồm những chân lý xác định chính xác như Toán, Lý hóa, mà cốt yếu là phản tỉnh. Các kiến thức triết học được gom góp trong sách giáo khoa chỉ là những cặn bã triết học nếu coi là những kiến thức, là cứu cánh. Chúng chỉ là phương tiện, cứu cánh là các vấn đề mà chính người triết lý phải tự đặt ra cho chính mình. Triết học cốt yếu là phê bình, là xét lại từ căn bản các vấn đề căn bản. Triết học cốt yếu là biện chứng không dừng lại ở một lãnh vực mà là tổng hợp mọi lãnh vực, không phải là lý thuyết, mà là tri hành hợp nhất. Khi thi cử là cùng đích của việc học, khi thi cử và bằng cấp có một tính chất nhà nước, khi tiêu-chuẩn của kiến thức là bằng cấp và trí thức sách vở, bàn giấy, hay nói cách khác, khi nền giáo dục củng cố cho sự học từ chương và

kinh viện, khi nền giáo dục là đào tạo lãnh đạo cho một xã-hội mại-bản thì không bao giờ có giáo dục, không bao giờ có văn-hóa. Chúng ta hẳn thấy sự gia tăng của cái học từ-chương phá sản qua các hiện tượng ngày càng nhiều gian lận, học tủ, hành hung giám thị, vô kỷ luật, thương mại hóa học đường, hối lộ bằng cấp, giết giám khảo .. Có lẽ môn triết là môn bị nhiễm độc chậm, nhưng giờ đây, nó đã mang trên mình các dấu tích của căn bệnh ở vào thời kỳ thứ ba rồi.

Triết học bị đơn giản thành công-thức giúp trí nhớ, bằng tóm tắt, thành bí quyết làm luận đề cướp bằng cấp. Cả người dạy triết lẫn người học triết đều bị huyễn diệu bởi hệ-thống thi cử, tinh thần giáo dục vong bản, cơ-cấu xã-hội mại-bản. Thước đo giá trị là bằng cấp, là thi cử, là thành công kim tiền, do cả thầy lẫn trò, do tất cả mọi người trong xã hội con buôn này. Vấn đề thật của học vẫn không phải là tìm hiểu sự thật,

không là thắc mắc, hoài nghi, mà là phải thành công trong bằng cấp thi cử để thăng tiến cần lao. Triết học chỉ còn là cái xác triết học, điều đáng ngạc nhiên là cái xác đó vẫn chưa được chôn đi. Tư tưởng đã vong thân hoàn toàn. Trong khi triết học ca ngợi tinh thần, ca ngợi công bằng, bác ái, dân chủ, tự do, sự thật, bình đẳng, thì thực tại chỉ có vật chất, giết chóc, bất công, bất bình đẳng, độc-đoán, thực - dân hóa, kỳ thị. Với tất cả các chủ nghĩa dẫn thân, nhập cuộc, triết học đã làm gì hơn ngoài việc tụng niệm thần chú đề huyễn hoặc chính mình và người khác? Sự xuất thế trở thành dẫn thân và thỏa hiệp với thực tại một cách cơ hội là kiểu mẫu của nhập cuộc. Với các thực thể tự do và dân tộc, triết học chỉ là mặt nạ che đậy dấu tích nô lệ và chính là ý-thức nô lệ.

26-8-67

TAM ĐIỂM

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cúm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN (1)

ĐOÀN - THÊM

hạ bệ và suy tôn

Khi cử ô. Ngô Đình Diệm làm Thủ-tướng, Q.T. Bảo Đại giao liền toàn-quyền dân-sự và quân-sự (sắc lệnh 38/Q.T ngày 16-6-54).

Sự ủy-quyền vô hạn như thế có thể giải thích là một cách gián-tiếp thú nhận thất-bại, hay một cử-chỉ trút gánh của người hữu-trách đầu hàng thời cuộc ?

Hoặc là vì tình-thế bi đát đến nỗi người được phó thác nhiệm-vụ quá nặng, thấy cần có quyền hành xứng đáng mới chịu đảm lãnh công-cuộc cứu vãn ?

Hai giả-thuyết đó, tuy thoát tiên có vẻ hữu-lý, đã sớm bị phủ nhận do những sự thật khó lòng che đậy.

Một người quen chi phối qua những trung-gian để bảo, giữ quyền tối-cao với trách-nhiệm tối-thiểu, lại được sự phù tá đặc-lực của vị quân-sư khéo tay dàn cảnh : rồi hễ thấy trái ý, hết lợi, hay không lo nỗi việc đỡ đòn, thì bày trận mê-hồn, cạy La-Sát đầy Thiên-Lôi, vờ Long Thần đuổi La-Sát...

Bạn S. bảo tôi :

— Ba họ Nguyễn, một họ Trần đã mắc mưu. Bù-nhìn của bù-nhìn, thì phải như thế.

Như thế mãi hay sao ?

Các điện-tín hay công-hàm vẫn được gửi từ lâu-đài Thorenc về dinh Độc-Lập, đề khuyến dụ về-vấn-đề này hay biến-chuyển khác, mỗi lần đều theo lối gián-tiếp, nghĩa là chẳng bao giờ Quốc-trưởng nói thẳng cho Thủ-tướng, mà chỉ đề cậ-thần bần tín : Đức Q.T. nhận xét rằng, Đức Q.T. nghĩ rằng, Đức Q.T. yêu cầu rằng...

Rằng cần mở rộng nội-các, rằng nên mời tướng Bảy Viễn tham gia, rằng không nên thay thế Tổng Tham-mưu-trưởng, rằng hãy đề nguyên tồ-chức Hoàng-triều Cương-thò v.v. . Cứ như rứa, thì còn đâu là toàn-quyền đã ủy ? Sao Q.T. không về làm lấy cho xong ?

— Ông Khải-Định có sống lại mà bảo, chưa chắc dám về. Đề cho ở bên nhà lục đục rọ cua, thì mới có kẻ này kẻ kia đi mách đi tâu và xin can thiệp, chớ nếu anh Bảy hay ông Năm lại ăn cớ với ông Diệm mà huề cả làng, thì chẳng ai cần thủ-chỉ trọng tài nữa, lúc đó không khéo nguy...

(1) Xin đón coi tập 1 đương in, Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản,

S. đã gán cho nhà lãnh đạo, — lãnh đạo theo lối bầm-thụ từ Pháp, — một dụng ý mà chính ô. Ngô Đình Nhu về sau cũng nhận rằng không phải là đại, hi đến lượt ông này phải nghe phản nản về một số cộng sự hay có chuyện bất-hòa, hay mách hay thừa.

Dẫu sao về phía ô Ngô đình Diệm, thì đòi toàn-quyền là sự dĩ-nhiên, giá thử tình-thế không nguy nan chẳng nữa. Ai đã từng hiểu biết ông, chắc cũng thấy là không thể khác. Đánh rằng khi đó ông chưa tin hẳn vào sứ-mạng hay thiên-chức cứu tinh như về sau này ; nhưng đối với ông, Quốc-trưởng không rõ thực trạng xứ sở, lại chịu áp lực của ngoại-nhân, hay sự huyễn-hoặc của nhiều phe nhóm : ông chỉ tin ở chính mình, nên mọi việc phải do ông tự-ý quyết định. «Bà Nam-Phương thì còn tốt, chớ ông ấy thì hư hỏng, chỉ ham chơi, có đức thì mới đáng có quyền.» Ông đã phê phán như vậy, thì khi nào chịu ép mình và nhận một phần quyền như ông Trần văn Hữu hay Nguyễn văn Tâm ? Và lại, những người thân-tín của ông đều muốn ông được rộng tay hành động để đổi ngược hẳn chính-sách cũ mà họ thường chê trách từ lâu : phải ra khỏi Liên-hiệp Pháp, đi thẳng với Hoa-Kỳ, lập một chánh-thể mạnh mà ai cũng coi là điều-kiện ưu-tiên để chống Cộng.

oOo

Q.T. Bảo-Đại đã thừa biết lập-trường của ông Diệm ngay từ khi tiếp xúc tại Hồng-Không vào năm 1949.

Vậy khi vờ ô. Diệm lập chánh-phủ, phải chăng Quốc-trưởng muốn thay đổi chánh-sách theo hướng ô. Diệm hay sao ?

Chứ đời thuở nào ai giao toàn-quyền cho một người có chủ-trương trái hẳn của mình, trừ trường-hợp bị cưỡng bức ?

Sự bất-đắc-dĩ của Q. T. Bảo Đại trước sự can thiệp của nước ngoài, đã được gọi trên báo-chí ngoại quốc hồi đó, và còn được xác nhận do vài nhà bình luận thời cuộc trong những cuốn sách vừa xuất bản ít lâu nay tại Pháp và Hoa-Kỳ.

Song chẳng cần tra cứu, và chỉ nhớ lại những việc đã xảy ra, cũng thấy rõ sự miễn-cuỡng : một đảng phải cho thì vội tiếc và cố giành lại; một đảng đã đòi thì lấy thiệt mà không khi nào chịu trả, không hề có sự tương-đắc hay tri-ngộ cõ diễn giữa hai người chung cuộc.

Điều bất-thường ít thấy trong lịch-sử, là người thụ-ủy ở đây không nhận quyền đề tiếp tục hoặc thi hành chánh-sách của người ủy thác, nhưng chính là đề phủ nhận, biến cải, hay hủy tiêu những gì thuộc chánh-sách đó.

Một trong những công việc đầu tiên của Thủ-tướng mới, là gạt bỏ những người được Quốc-trưởng tin dùng xưa nay : các Thủ-hiến ba Phần (9-7-54 và 4-8-54) Đại-sứ VN tại Hoa-Thịnh-Đốn (6-8-54) tướng Tổng Tham-mưu (10-9-54).

Những biện-pháp quyết liệt đó gây nhiều xúc động. Quốc-trưởng thấy cần chế ngự, nên đòi mở rộng chánh-phủ vì lý-do đại đoàn-kết, nhưng thực ra để đưa vô tham chánh một số người thân-tín hoặc đối lập với Thủ-tướng : có như vậy mới mong chia xẻ bớt quyền-hành quá rộng, hay ngăn cản những dự-định trái đường lối cũ, nhất là đối với những tổ-chức và nhân-vật ủng hộ Quốc-trưởng.

Ồ. Ngô Đình Diệm không chấp nhận các tướng Lê Văn Viễn, Nguyễn Văn Hinh và Nguyễn Văn Xuân, chỉ mời tham gia nội-các cải tổ ngày 24-9-55 một số lãnh-tự Hòa-Hảo và Cao-Đài. Nhưng Thủ-tướng lại vội đặt vấn-đề gay go, là sáp nhập vào Quân-đội Quốc-gia những lực-lượng riêng mà các đảng phái muốn duy trì bằng mọi cách để làm phương-tiện tự vệ và tranh đấu (9-10-54).

Ngày 19-10-54, Thủ-tướng còn gửi điện-văn chúc vạn-thọ Quốc-trưởng, song không-khí mỗi ngày một nặng-nề hơn. Quốc-trưởng nhiều lần ngỏ ý muốn Chánh-phủ hòa hoãn trong việc đối-nội và đối-ngoại ; nhưng nhiều người hiểu rằng vua Lê 1954 chỉ nhằm nâng đỡ vài phe nhóm để mượn sức chư-hầu át bớt thế-lực của một chúa Trịnh quyền khuynh thiên-hạ.

Để đáp lại, chúa ban hành một loạt biện-pháp ngăn chặn nguồn lợi chính của các đoàn-thể võ-trang và cắt xén vây cánh của Vua : sông bạc Đại Thế-Giới bị đóng cửa từ 15-1-55 ; — trợ cấp mà Quân-đội Pháp trước kia vẫn trả cho các lực-lượng giáo-phái, không được ngân-sách quốc-gia đài thọ ; — phái-đoàn quân sự Pháp phải nhường từ 12-2-55 cho phái-đoàn quân-sự Mỹ TRIM việc tổ chức và huấn luyện quân-đội VN ; — bị chấm dứt, nhiệm-vụ Khâm-mạng của ông Nguyễn Đệ, và nhiệm-vụ Tổng-thư-ký tại Hoàng-triều Cương-thò của các Cai-trị Pháp Didelot và Ecarlat (24-3-55).

Quốc-trưởng yên trí là đã trót giao hết quyền rồi, nên cố tìm cách rút lại. Nhưng đối với Thủ-tướng, toàn-quyền đó mới có trên giấy tờ và còn chờ thực hiện trên căn-bản thống nhất : thống nhất quân-đội, không thể có những lực-lượng riêng biệt ; thống nhất hành chánh, không thể có địa-phương tự trị ; thống nhất tài chánh, không thể cho thâu những sắc thuế do mỗi vùng tự động đặt ra (Tuyên bố ngày 21-3-55). Khốn nỗi, chúa Trịnh diệt Mạc và thu giang-sơn về một khối, đâu phải để dâng lại Vua Lê ? Bên cạnh nhà vua, thiếu chi những ông nghề thuộc sử ?

Nên cái hố giữa Quốc-trưởng và Thủ-tướng càng bị đào sâu, và có lẽ rộng bằng từ Sài-Gòn sang Cannes. Cuộc xung-đột bắt đầu bằng tuyên-bố, thông-diệp và điện-văn giữa hai nhà lãnh-đạo, được các phe liên-hệ ùa theo, lan tràn từ các văn-phòng ra các phố-phường, rồi cuộc đấu khẩu đưa tới đấu võ : đêm 24-3-55, súng nổ dậy Đô-thành.

Quốc-trưởng giục Thủ tướng thực hiện đoàn-kết. Thủ-tướng đặt ra sở Cảnh-sát Sài-gòn, hoàn-toàn biệt lập đối với Tổng-Nha Cảnh-sát Công-an do một yếu nhân Bình-xuyên điều khiển. Các đảng phái nhóm họp và đòi chánh-phủ thực thi dân-chủ. Hội-đồng Tôn-nhân-phủ ở Huế lại gửi điện ủng hộ Thủ-tướng, và Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia yêu cầu Quốc-trưởng can thiệp để chấm dứt nạn «thập nhị sứ-quân». Quốc-trưởng cử một tướng làm Tổng tham mưu trưởng và triệu Thủ-tướng qua Pháp trình bày về tình-thế, trong khi Công-An Xung-Phong của Bình Xuyên tấn công ở Sài-gòn. Hội-đồng các tướng-lãnh yêu cầu Quốc-trưởng giữ nguyên tướng Lê văn Ty ở chức vụ Tổng tham mưu, và Hội-Đồng Nhân-Dân Cách-Mạng đòi truất phế Quốc-trưởng. Nhiều cuộc biểu-tình được tổ chức ở Đô - thành, ở Huế và nhiều tỉnh-ly để ủng hộ Thủ tướng. Hàng chục bài báo công kích Quốc-trưởng, và nhiều biểu-ngữ khẩu-hiệu

được treo hay viết trên tường đề mạt sát một người không còn được gọi là Đức : « Bảo Đại hại dân. » hiện nay mấy chữ đó còn có thể nhận ra ở tường bốt gác cầu Công Lý, sau tấm bia ghi ranh giới Gia Định – Saigon.

Một Ủy-Ban gồm các đại-diện 15 đoàn-thề đề-nghị mở cuộc trưng-cầu dân-ý đề truất phế Quốc-trưởng và suy tôn Thủ-tướng (4-10-55).

Đề đối phó, Quốc-trưởng từ Cannes ra sắc lệnh — bảy giờ mới ra — chấm dứt nhiệm-vụ Thủ-tướng (18-10-55).

Quyết-định này chẳng được mấy ai chú ý, và chỉ có tính-cách một cử-chỉ tuyệt vọng của người tự vệ đến cùng, hoặc một văn-kiện gương gạo chống án tử-hình gửi vào lúc chót.

Vì ngày 23-10-55, những con số chánh thức về hàng triệu lá phiếu được Bộ Nội-vụ đưa ra đề khai nghĩa trao mới, cắt đứt một cuộc ép duyên chánh trị hay một vụ ủy-quyền không tiền khoáng hậu.

... « tôn-quân, bảo-hoàng, trung-thành với Ngài... » : nếu ô. Nguyễn hữu Trí còn sống, chắc phải rút lại điều đã nói vào đầu tháng 7 năm trước.

oOo

Vấn-đề trung-thành đáng lẽ không nên đặt ra. Vì lòng trung-thành của cá-shân đối với cá-nhân là mối dây thiêng-liêng ràng buộc con người trong đời tư hoặc ở thời phong-kiến xa-xôi, không còn là bổn-phận của chính-khách đối với chính-khách trên trường chính-trị thời nay : phong-tục của chính-giới dân-chủ châu Âu đã lan sang châu Á, nên những thái độ hay hành vi dễ bị người xưa coi như phản bội, được hiểu là sự thay đổi lập-trường mà người tranh đấu tin là có quyền quyết định, khi ý kiến không còn được tán đồng, hoặc khi tình thế đã biến chuyển và đòi hỏi sự canh-cải thích ứng : phụng sự một lý tưởng, chứ còn ai phụng sự một con người ? Ngụy biện hay không là chuyện khác.

Nhưng ô. Ngô Đình Diệm không phải là người có tâm lý chánh-trị mới mẻ như vậy. Sinh trưởng trong một gia đình triều-thần, được đào tạo theo nếp giáo dục cõ-truyền, rồi chính ông lại thừa phụ-nghiep mà thờ nhà Nguyễn : hẳn ông không phủ nhận những mối liên lạc tinh-thần giữa vua tôi và thầy trò thuở trước. Chứng cứ là không thấy ai bắt buộc hơn ông và ông Nhu sự trung thành ở người cộng sự. Trung thành là điều-kiện ưu tiên, được đặt trên cả tài - năng, như Cố Nhu đã nói: « Giỏi mà làm gì ? V.N.G nó không giỏi đấy sao ? mình có chơi được với nó đâu ? » Hẳn người dưới thừa hiểu, nên nhiều kẻ thông-minh thường không quên nhắc đi nhắc lại trong các công-văn hay chúc-từ : « xin Tổng thống nhận nơi đây lòng tri-ân và trung-thành bất diệt của... (ai thì người ấy biết) v.v... »

Như thế, vì sao ô. Ngô Đình Diệm đã không ngại truất phế ông chủ cũ trước 1932, và ông chủ mới từ 1954 ?

Ông già Táo trong họ tôi trả lời họ :

— Năm xưa ông ấy bị ông Bảo-Đại cách chức Thượng-thor và thu lại cả mẽ đay kim-khánh, chỉ còn để cho hàm Tuần-vũ. Thì bây giờ ác giả ác báo chứ sao ?

Nhưng ông khác bẻ :

— Không đúng. Vì ông Diệm cũng biết thừa là Tây bảo cách, đâu phải ông Bảo Đại cách ? Ông Bảo-Đại không thù ghét gì ông Diệm, cũng như không thù mà còn mến ông Nguyễn Đệ là người cùng bị đuổi về một lúc với ông Diệm. Nên ông Đệ lại được trọng-dụng. Và lại, nếu biết điều, thì ông Diệm nên ơn ông Bảo Đại là khác, vì có bị cách mới có thành-tích đáng kể, để ngày nay xuất hiện....

Nếu vậy, giữa Quốc-trưởng và Thủ-tướng, không có tư-hiềm ? Đã thế, thì vẫn có thể còn tình nghĩa vua tôi ?

S. trách tôi là ngớ ngẩn :

— Tào mệnh-Đức hơi ngờ là chém. Bọn Hứa-Chử. Từ-Hoảng mà không trung thành thì bỏ đời ngay. Nhưng Tào vẫn đoạt quyền Hán-đế, và thắng tay phế lập. Có những kẻ bắt vợ trung thành, nhưng chính mình vẫn đuổi gái. Đòi trung-thành không phải là chính mình cũng trung-thành, vì có ích-kỷ mới đòi ; và đã ích-kỷ thì chỉ muốn một chiều.

— Hán-đế nhu-nhược, bắt-tài bắt-lực chỉ nghe xúi giục chia rẽ, nếu bỏ Tháo thì lấy ai ngăn cản Ngô Quyền hay Lưu Bị dòm ngó chỗ Tháo ? Nên Tháo có lý-do...

— Chính thế. Và Tháo không nề hà hai chữ trung-quân. Thực ra, không phải nhà Nho nào cũng bo-bo trung thành : dân là quý, xã-tắc đứng hàng hai, vua là hạng bét (Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh). Vua mà hôn-quân vô-đạo, thì người ta còn dấy binh hỏi tội : Văn-vương dẹp Trụ là truyện anh đã thuộc, Trung quân, nhưng còn ái-quốc hay ái,.. quyền cũng được...

Khi đó, tôi tạm tin lời S. Nhưng về sau, tôi hiểu là ô. Ngô Đình Diệm không lý luận như Mạnh-Tử, như Tào-Tháo hay như S : nghĩ táo bạo, họa chẳng có ô. Cần hay ô. Nhu. Còn về phía ô. Diệm, tôi cảm thấy có sự gì phân vân, như đã dám mà không nở đi đến cùng ?

Việc truất-phế thành sự đã rồi, một hôm ông nhắc Văn-phòng :

— Bà Từ-Cung, thì cứ cho dưỡng già, cho tiền nuôi. Bà Nam-Phương, « không sao ». Lãng-miêu nhà Nguyễn thuộc về lịch-sử.

Cách đó ít lâu, một nghị-định trợ cấp mỗi tháng 5000đ. cho thân mẫu cựu Quốc-trưởng. Rồi Nha Kiến-thiết được lệnh sửa chữa những cung điện ngoài Huế.

Còn đối với tài-sản của cựu Quốc-trưởng, thì mãi chưa thấy quyết định. Nhiều người cho là vì có sự khó khăn về phương diện pháp-lý. Cửa-cải chỉ có thể bị tịch thu, nếu có tội-trạng rõ-rệt, và bị một tòa án tuyên phạt hay một đạo luật cho phép. Nhưng ông Bảo Đại tội gì, và ai xử ? Nếu có thể ban hành một văn-kiện, thì hà-tất trưng cầu dân-ý ? Lỗi về chánh-trị chưa hẳn là tội về hình-pháp. Nên ở trường-hợp này, cần tìm xem có những gì đã thủ đắc phi-pháp ?

Vì thế, một Ủy Ban đã được thiết lập để điều tra. Và mãi tới cuối năm 1957, một đạo luật 17/57 do Quốc-hội biểu quyết, mới tuyên bố sung công tài-sản của Ô, Vinh-Thụy và các bà vợ, hoặc đứng tên Ô, Vinh-Cầu, ô Nguyễn-Đệ và vợ.

Mặc dầu những sự-kiện kể trên, tôi vẫn không tin rằng sự kéo dài việc này do những thắc-mắc về pháp-lý :

— Thắc-mắc của luật-gia không phải là của một người như ông Diệm hay ông Nhu. Nếu cần, thì chẳng phải cử Ủy-ban điều-tra hay đợi lập Quốc-hội, trái lại, sự tịch-thu có thể quyết định trong khoảng-khắc bằng một đạo Dụ đặt ra ngoài vòng pháp-luật như đối với các lãnh-tụ Bình-Xuyên và Hoà-Hảo (Dụ 42 và Dụ 43 năm 1955).

— Quốc-hội việc dẫn gượng-gạo một lý-do rất khó đứng vững : «Chống chánh-thề Cộng-Hòa».

Nhưng cho tới ngày 23-10-1955, ô. Bảo-Đại vẫn còn là Quốc-trưởng VN ; chánh-thề vẫn là chánh-thề do ông sáng lập và qui-định trong các Dụ số 1 và 2 năm 1949. Chánh-thề Cộng-Hòa chưa thành lập khi xảy ra các vụ xung-đột, thì chống thế nào và chống gì ?

« Chống chánh thề Cộng-Hòa »... thôi thì cũng không khác mấy «chống cách-mạng » đối với các toà án nhân-dân.

— Những tài sản của vợ chánh thức cũng bị tịch thu nếu thủ đắc sau ngày 8-3-1949, ngoại trừ những của thừa kế.

Nghĩa là bà Nam-Phương không mất gì hay không mất bao nhiêu, vì hầu hết của cải thuộc bà đều sẵn có trước ngày ký thỏa-ước Élysée, và do cha mẹ hay cô cậu bà để lại.

Thì cũng phải tịch thu gọi là, trên nguyên-tắc. Quyết-định của Quốc-hội, kể cũng hợp ý Tổng-thống : bà Nam Phương «không sao».

Biện-pháp được dành lại cho Quốc-hội biểu quyết, chỉ có tính cách tượng trưng và trong thực tế không có hiệu lực gì đối với người bị trừng phạt. Cung An-định và ngay Biệt-điện Dalat chẳng hề được đoái hoài như mấy nhà sản San-Mê-Thuật ; những đồn-điền hay công ty Cao-nguyên, đứng tên bà này hay ông kia không có hoa lợi đáng kể, và không cần-thiết cho đương-sự như du-thuyền Hương-Giang hoặc lâu-đài Thorenc hiện ở ngoài tầm luật-pháp VN.

Nhưng sự trì-hoãn lâu ngày một biện pháp chánh trị, — mà biện pháp chánh trị thường được căn dặn là có tính-cách quan trọng ưu tiên, — đã vài phen kích thích thói quen tìm hiểu của tôi. Gạt lẽ này, qua lẽ khác, tôi chỉ còn cảm-tưởng man-mác là trong vụ này, tôi đứng trước một lương-tâm đắn đo vì e dè một sự ra tay quá nặng, hoặc không muốn thấy mình nhỏ nhen.

Bởi đã chú ý như trên, tôi lại nhận ra một sự hơi kỳ :

Luật tịch thu được ban hành ngày 16 tháng 12 năm 1957.

Tới ngày 16 tháng 12 năm 1963 nghĩa là cùng ngày cùng tháng và cách 6 năm sau, một sắc-luật số 026, tương tự như luật 1957, lại tịch thu tài-sản của người ban hành luật đó và của gia-đình cùng thuộc-hạ.

Ông già Táo cười :

— Đã bảo mà ! Chẳng qua là chuyện nghiệp-báo mà cứ không tin. Nay nghe sấm cụ Trạng : Ma-vương sát Đại quý, Hồng-thiên trụ Ma-vương...

oOo

Ngày 23-10-1955, cuộc trưng-cầu dân-ý được tổ chức, và ngày 26, kết-quả được chánh-thức tuyên bố như sau :

- 5.721.735 phiếu thuận truất phế Bảo Đại, và công nhận Thủ-tướng Ngô Đình Diệm lên chức-vị Quốc-trưởng ;
- 44.155 phiếu không hợp-lệ ;
- 131.395 người không bỏ phiếu ; và chỉ có 63.017 phiếu không chịu truất phế...

Kết-quả đó không gây ngạc-nhiên đối với người chống chọi cũng như người bênh vực Thủ-tướng.

Hạng thứ nhất yên trí rằng mọi phương-tiện áp-đảo và cưỡng-bách đã được vận dụng để đưa tới những con số của Bộ Nội-vụ.

Hạng thứ hai đã tin chắc vào một thắng-lợi lớn lao mà họ chỉ coi như sự hợp-thức-hóa một hiện-trạng được đa-số quốc-nhân thừa nhận từ năm trước.

Sự thật ở phía nào ?

Nhiều người tranh đấu chánh-trị hồi đó, vì khó tránh cuồng-nhiệt, không đòi hỏi bằng-chứng cụ-thể để theo hay chống, kết án hay ủng hộ : tin là đủ rồi, và đối-phương được hiểu là đồng-nghĩa với gian-trá. Lắm người tin hay không tin vì mền phục hay ác cảm. Ác cảm vì một hai lý-do, rồi sau vì nhiều lý-do thâm thập lại để nuôi lớn ác-cảm : vì trông có vẻ bang Bành, vì gia-đình-trị, vì nói kém ít ai hiểu, vì có người đàn-bà khó chịu ở bên cạnh, vì không biết tài mà vờ giữ chức-vụ lớn, vì tính khắc-khổ không thông-cảm được với đa-số có nhiều nhu-cầu, vì làm thiệt hại những quyền-lợi mà chánh-phủ nào cũng kiêng nể, vì thích được ca ngợi như thần thánh v.v... Mền phục, thì vì nghe đồn là có đạo-đức, vì ghét Pháp ưa Mỹ, vì chống Cộng hay vì cho làm Bộ-trưởng, vì dám đóng cửa sông bạc, vì yêu nước từ xưa, vì quen thân với ông thân-sinh, vì cùng là Công-giáo, vì bây giờ mạnh lắm, chắc có đồ cũng còn lâu, và từ nay tới đó cũng lo đủ tiền ra ngoại-quốc sống rồi ; vì di-cư và được nâng đỡ, vì ghét những người được Q.T. Bảo Đại trọng dụng và mong cho rơi rụng hết, vì được giữ nguyên ở địa-vị cũ khi đã lo bị phú về, vì dựa được vào nhân-vật hay đoàn-thể mới mà leo thang tiền bạc, vì hy vọng một chân trong tòa Đại-sứ tại Luân-Đôn, vì có dịp làm vài việc tướng là hữu-ích, vì xem chừng nhiều người muốn suy-tôn v.v...

Dù sao, Tin và Lý ít khi đi đôi. Nhưng đối với những việc sau này thuộc lịch-sử, kẻ theo dõi có bôn-phận tìm ra sự thật và đặt sự thật lên trên tình-cảm. Khốn thay, dẫu ở ngay giữa cuộc, trong nhiều trường-hợp, cũng phải thành-thật nhận rằng thiện-chí của mình chỉ là tham-vọng mà thôi : khó biết lắm, chỉ có thể ngờ hay tin. Một phần lớn Sử của mỗi nước mỗi thời nằm trong bóng tối đáy lòng của vài người đã khuất, của một số người liên-hệ không muốn nói ra, hay của những giấy tờ chẳng sao tìm lại.

Trong cuộc trưng cầu dân-ý 1955, muốn biết có gian-lận hay không, cần

được sự chứng-nhận xác thực và vô tư của từng cấp hữu-trách và của đa-số người đi bỏ phiếu : một sự không thể có. Sự chí-thành khoa-học phải đầu hàng thực-tế phức-tạp. Hồi đó, tôi đương băn-khoăn về sự bất-lực này, thì nhận được một mật-văn cho hay rằng một người bà con của tôi ở Cao-nguyên đã bỏ phiếu cho cựu Quốc-trưởng và chống Thủ tướng. Tôi liền mang tới Ô. Ngô Đình Nhu, xem phản-ứng ra sao, nhất là đề qua việc này mà đoán thực hư trong sự đầu phiếu và kiểm phiếu. Nếu ông bảo điều tra thêm, thì hẳn ông tin phần nào nhân-viên Công-an sở-tại, và như thế là gián-tiếp thừa nhận rằng nhà chức trách đã được phép hay được lệnh dòm ngó vào phiếu của mỗi người...

Ô. Nhu ngó tờ trình :

— Bậy. Bỏ sọt giấy. Excès de zèle (quá sốt sắng) của cấp dưới muốn lập công. Làm sao nó nhìn được vào phiếu của người ta ?

Ông vừa nói vừa quay đi. Tôi đứng bên ông, nên không nhận rõ được vẻ mặt ông lúc đó.

“... hợp với ý-chí toàn dân, đã tỏ rõ trong cuộc đầu phiếu ngày 23 tháng 10, tôi long trọng tuyên bố Quốc-gia VN là một nước Cộng-Hòa”.

Trong câu kết bài tuyên-cáo của tân Quốc-trưởng đọc ngày 26-10-55, tôi đã chú ý nhất đến những chữ “hợp với ý chí toàn dân”.

Toàn-dân, ở mọi bài diễn-văn, chỉ có nghĩa là đa-số. Miễn sao đa-số này có thật, được tự-do quyết định còn chọn đúng hay sai lại là chuyện quốc-vận may rủi.

Chỉ có kẻ gàn mới ước mong đem vào chánh-trị một tinh-thần khoa-học khách quan để nhận xét mọi hành-động và biến-chuyển, khi những sự-kiện xảy lại phát sinh từ những nhiệt-tình sôi nổi.

Nhưng thoát khỏi băn khoăn tìm hiểu cũng là động-lực thúc đẩy khám phá cho chính mình nếu chẳng cho ai. Và nếu theo lối trực-tiếp là thu thập bằng chứng không được, thì đành theo đường gián-tiếp, nghĩa là suy luận từ thời-sự tổng quát mà cố đi tới một nhận định nào đó.

Nên tôi đã tự hỏi : ngoài việc bỏ phiếu, dù gian lận hay không gian lận, có thể dựa vào những sự thật nào khác để biết là lòng dân hồi đó đã ngã về ai ?

Một điều chắc chắn, là ngay từ 1952, chế-độ Quốc trưởng 1949 đã mất nhiều tín-nhiệm, vì không thực hiện nổi những công cuộc mà dân chúng đợi chờ, nhất là sự tái lập an-ninh và thu hồi chủ-quyền. Hại hơn nữa, dù trút trách-nhiệm cho các chánh-phủ, Quốc-trưởng vẫn mang tiếng là thụ-động, nhu-nhược, và phóng-đãng.

Rồi tới khi tình-thế ngửa nghiêng và đất nước sắp bị chia xẻ, ông lại cùng những người thân-tín rời xa xứ-sở, bỏ mặc dân trong hoang-mang, ly-tán, và nguy-khốn. Chính những người đã thực-tâm tận tụy với ông, như ô Nguyễn-Hữu-Trí,

cũng phải chán nản vì thái-độ tiêu-cực của ông. Còn những người hay nhóm theo ông vì thân Pháp và nể Pháp, thì đã lảng xa ông khi biết rằng sắp không còn lợi gì nữa, vì Pháp cũng thất-thế và chuẩn bị rút về.

Như thế, ông đã tự mình dọn đường và lui bước cho người khác tiến lên. Một đối-thủ, dù chỉ đã tỏ ra tương-đối hơn ông về một hai phương-diện, cũng có thể vượt ông và giành chỗ đứng của ông. Huống chi người ấy lại do chính tay ông vờ tới nhượng quyền, và còn mới-mẻ đối với đa-số, nghĩa là chưa mắc tiếng không hay, mà còn được một số ca tụng.

Xét về thực-lực, điều-kiện tối-yếu của thắng-lợi chánh-trị, thì ông đã suy sút quá nhiều. Từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1955, chẳng thấy ai lên tiếng bênh ông. Trong khi đó, đối-phương được sự trợ-lực của một thiểu-số chịu hoạt động, nhất là ở miền Trung là nơi đáng lẽ ông phải có nhiều uy-tín. Đã theo ô Diệm để lật ông, ngay cả một số người sau này chống lại ô. Diệm. Hội-đồng Nhân-dân Cách-mạng chủ trương truất phế ông, gồm hàng chục nhân-vật mà xu-hướng chẳng bao lâu bị chánh-quyền mới coi như đối-lập. Ấy là chưa kể lực-lượng quân-đội mà ông đã quan-tâm tổ chức từ 1950, nhưng lại không biết cách hoặc bỏ lỡ dịp thu phục để điều động trong giờ hữu-sự.

Nên cuộc trưng-cầu dân-ý, dù có hay không, ngay thẳng hay lắt léo, cũng không thể đảo ngược hộ ông một thế cờ đã bị.

Năm 1948, ông là hiện-thân của một sự tất-yếu lịch-sử (une nécessité historique). Song cũng như mọi con người của mỗi thời cuộc, ông không thể tồn tại khi xứ-sở chuyển sang giai-đoạn khác : rồi đến lượt người sau cũng vậy.

(còn tiếp)

Đ. T.

Thuộc mới :

Viên thuốc bọc đường **ALGAN**
KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

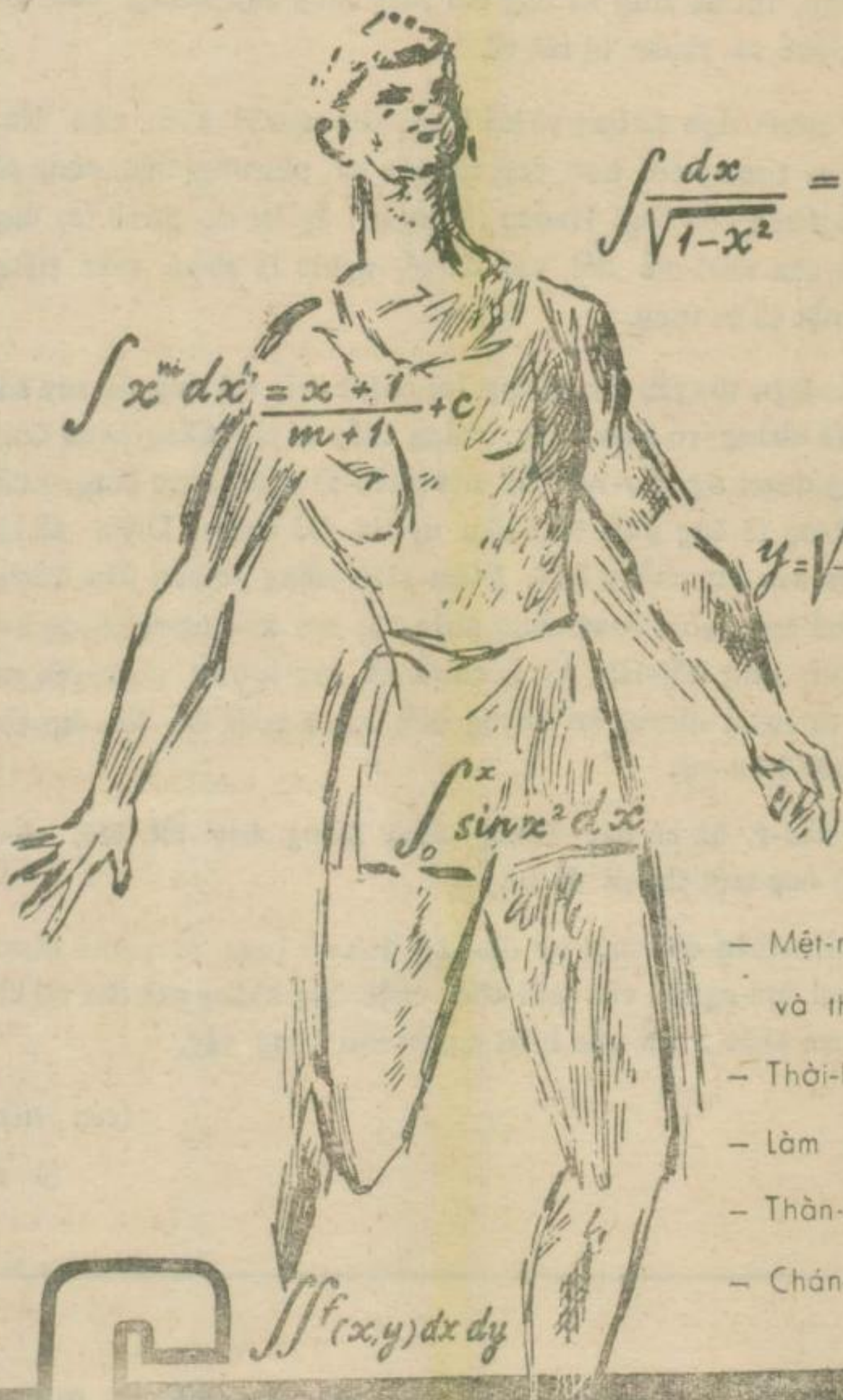
Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

K.N số 2080-BYT/QGDP

75, Nguyễn-bình-Khiêm — SAIGON



$$\int \frac{dx}{\sqrt{1-x^2}} = \arcsin x + c$$

$$\int x^m dx = \frac{x^{m+1}}{m+1} + c$$

$$y = \sqrt{-\frac{9}{2} + \sqrt{\frac{9^2}{9} + \frac{y^3}{21}}}$$

$$\int_0^x \sin x^2 dx$$

$$\iint f(x,y) dx dy$$

- Mệt-mỏi thân-thể
và thần-kinh.
- Thời-kỳ dưỡng bệnh
- Làm việc trí óc quá sức.
- Thần-kinh yếu-mệt
- Chán-nản.



CORBO-TONIC

MÙI THƠM - KHÔNG ĐỘC

TỔNG PHÁT HÀNH
VIỆN BẢO CHẾ O.P.V.
34 Nguyễn Huệ Sài Gòn



ĐI TÌM CÂU TỔ CỦA VẬT CHẤT :

● VÕ-QUANG-YẾN

Ba mảnh Quark



Nhà vật-lý-học Murray Gell'mann
cha đẻ 3 mảnh Quark

Cho đến trước đệ nhị thế chiến, người ta cho thành phần của mọi vật chất là nguyên tử (tiếng Hy-lạp : atomos, nghĩa là chẳng cắt được). Nguyên tử gồm có một hạch nhân do một hay nhiều dương tử (proton) và trung hòa tử (neutron) dính lại với nhau mà làm thành, xung quanh có nhiều lớp điện tử (electron) chạy trên những quỹ đạo tương tự như những hành tinh chạy quanh mặt trời.

Vào khoảng 1939, Hahn và Strassmann ở Đức, vợ chồng Joliot-Curie ở Pháp, lần lượt chứng minh có thể bắn nút nguyên-tử, đảo lộn khái niệm mà ta có từ trước. Như Einstein đã tính từ đầu thế kỷ, những năng lượng vô cùng lớn

đã ghép dính những nucleon (danh từ chỉ proton, neutron và e'lectron) lại với nhau nên đem bắn nút nguyên-tử thì những năng lượng ấy phát ra và hiến cho ta một nguồn năng lượng vi đại. Các nhà vật lý học đã thành công trong công tác này và trước khi xây được nhà máy có khả năng kiểm ba năng lượng phát ra, từ đây có thể đem dùng, họ đã phải vượt qua một giai đoạn khó khăn chỉ biết cho phát nổ tất cả năng lượng cùng một lúc mà áp dụng tức thì đáng buồn là những quả bom mang danh nguyên-tử.

May thay, nếu trong lúc nhiều nhà kỹ thuật chuyên lo hoàn hảo bom A tức là bom bắn nút nguyên tử, rồi tiếp tục công cuộc chế tạo bom H dựa lên nguyên tắc ghép hợp hai nguyên-tử lại với nhau để cho thành một nguyên tử khác, năng lượng phát ra còn lớn hơn gấp bội, còn có rất nhiều các nhà vật lý học hoặc kiếm cách mở rộng phương pháp ứng dụng hòa bình nguyên tử lực, hoặc tìm tòi kiếm hiểu nền tảng cách cấu tạo vật chất. Và chính ở trong địa hạt vật lý học thuần túy này mà một danh từ mới lạ bắt đầu được ung ra làm đề tài cho biết bao nhà khảo cứu trong nhiều lãnh vực khác nhau : quark.

Quark đang còn nằm trong tưởng tượng.

Sau transistor, maser, laser, plasma, quasar,... rồi đây danh từ quark cũng sẽ thành thông dụng, đầy dẫy sách vở, báo

chí. Nhưng hiện nay đây, nó chưa được tìm ra mặc dầu người ta tưởng tượng nó khắp nơi, trên mặt đất, ngoài không gian, trong khí quyển, dưới biển cả, ở tờ báo bạn đang đọc hay ở cây viết tôi đang dùng vì nó là tất cả, nó là cấu-chất của mọi vật.

Nên nói ngay, nguyên tử hết còn là thành phần nhỏ nhất không thể nứt gãy ; ba hạt căn bản proton, neutron, electron cũng hết còn là cấu-tổ cuối cùng không thể phân chia. Vì quark chính là hạt còn nhỏ hơn mà lấy 2 hoặc 3 mảnh ghép lại với nhau thì làm thành bất cứ hạt vật chất nào, từ những hạt biết đã lâu như proton, neutron, đến những hạt ít nghe nói tới như pion, hyperon, trừ ba hạt nhẹ là electron, neutrino, muon và hạt ánh sáng photon.

QUARK	Ký hiệu	Hình vẽ
Ổn định (như proton)	p^0	●
Trung bình (như neutron)	n^0	▲
Nặng (như hyperon lambda)	Λ	■
ANTI QUARK		
Ổn định		○
Trung bình		△
Nặng		□

Để ghép lắp cho thành mọi hạt, nhà vật lý học Murray Gell'mann ở Viện kỹ thuật Californie (Caltech) đề nghị giả thuyết 3 mảnh quark, và, lẽ tất nhiên, 3 mảnh antiquark một mảnh ổn định, vẽ thành hình tròn, ký hiệu p^0 (như proton), một mảnh trung bình vẽ thành hình tam giác, ký hiệu n^0 (như neutron) và một

mảnh nặng vẽ thành hình vuông, ký hiệu Λ (như hyperon lambda).

Xin nhắc lại sự hiện hữu của 3 mảnh quark còn nằm trong giả thuyết, nghĩa là phát xuất từ các phép tính của các nhà lý thuyết mà chưa bao giờ người ta bắt gặp được. Trong lịch sử môn vật lý học, đây không phải là lần đầu tiên các nhà lý thuyết đã tiên đoán sự hiện hữu của các hạt vật chất : trước đây, Pauli đã tính biết hạt neutrino, Yukawa hạt meson pi, Dirac những phản hạt. Và cách đây năm năm, cũng chính Gell'mann đã báo trước hạt "omega âm" tìm ra được từ hai năm nay. Tuy nhiên cũng nên biết có nhiều hạt như graviton, boson từ các phương trình đưa ra đã mấy năm nay mà chẳng ai tìm «thấy» được. Nhưng so với những hạt này, quark thật là những cấu-tổ vô cùng quan trọng mà cuộc khám phá sẽ đưa kiến thức của ta về vật lý học lên một bậc cao tương tự như hồi các nhà bác học tìm biết được nguyên-tử cùng những hạt căn bản.

Quark là thành phần mọi vật chất.

Các bạn đọc tò mò chắc không khỏi tự hỏi căn nguyên từ đâu mà các nhà vật lý học đã đạt đến lý thuyết các mảnh quark ngày nay. Sau thế-chiến vừa qua, với đà khảo cứu sẵn có và nhờ những máy gia tốc ngày càng lớn, những nhà khảo cứu lần lượt vạch mặt vô số những hạt vật chất và không bao lâu số này lên đến khoảng 100. Như bản kê tuần-hoàn Mendeleief đã rõ ràng sắp đặt những nguyên tố, ai cũng thấy cần phải có một thứ tự gì trong những hạt vật chất. Một đảng Gell'mann, đảng khác một người Do-thái, Ne'emann, đồng thời chứng minh những hạt vật chất có những tính chất đối

xúng, nghĩa là có thể xem như là một hạt độc nhất nhưng thấy ở những điều kiện khác nhau. Có thể lấy ví dụ một cái lò-so, khi bị ép rồi khi bị kéo ra : vẫn là một cái lò-so mà khi ngắn, khi dài. Các hạt vật chất cũng vậy : người ta đã thấy một nguyên tử khi thì ổn định, khi thì bị kích thích, có khi lại mất điện-tử để biến thành "ion".. Điều kiện cần yếu tất nhiên là những tính chất đối xứng đặc biệt. Gell'mann và Ne'mann thành công thành lập được 4 nhóm hạt vật chất (3 nhóm 8 hạt và 1 nhóm 10 hạt) sắp đặt làm sao để có thể xem những hạt trong nhóm như chỉ là một hạt hiện ra dưới nhiều thể diện. Lý thuyết này được đặt tên là SU_3 .

Trong lúc ấy, một người Nhật, Sakata, bắt đầu tự hỏi nếu có nhiều hạt vật chất như vậy ắt phải có những thành phần nhỏ để cấu tạo ra chúng như mọi nguyên tử đều do ba thành phần proton, neutron và electron cấu thành. Ông nghĩ đến 3 hạt proton, hyperon neutron và hyperon lambda. Nhưng theo phương trình chỉ định, ba hạt này không có tính chất của lý thuyết SU_3 .

Đến lượt Gell'mann đề nghị ba mảnh quark phù hợp với những nhóm hạt vật chất mà ông đã thành lập. Ông lấy danh từ này từ truyện "Three quarks for M. Mark" của James Joyce. Ba mảnh quark của ông có tính chất rất tương tự ba hạt proton, neutron và hyperon lambda nhưng không giống hoàn toàn. Đặc biệt, điện-tích là những số phân. Đây là một cuộc cách mạng trong ngành vật-lý-học vì từ ngày Millikan làm thí nghiệm để đo điện tích của electron đến nay, điện-tích này đã được dùng làm đơn vị sơ đẳng, không thể phân chia ra được. Theo Gell'mann thì mảnh quark ổn định có điện-tích $+2/3$ còn hai

mảnh kia có điện tích âm $-1/3$. Như vậy proton hay dương tử gồm có hai mảnh $+2/3$ và một mảnh $-1/3$ cho nên điện tích là 1. Còn neutron thì gồm có hai mảnh $-1/3$ và một mảnh $+2/3$ cho nên trung hòa.

Quark dính nhau với năng lượng lớn

Điều lạ nhất là nếu đem cộng riêng trọng khối của 3 mảnh quark trong một hạt vật chất thì tổng số luôn lớn hơn trọng khối của hạt. Thì ra phương trình Einstein $E = mc^2$ (Năng lượng = trọng khối X bình phương tốc độ) biến hóa vật chất ra năng lượng cũng còn được áp dụng vào đây và giải thích ta rõ sức mạnh phi thường đã ràng buộc những mảnh quark lại với nhau trong một hạt vật chất. Sức mạnh này là do số thừa trọng khối các mảnh quark mà lại ; một số trọng khối đã mất đi nhưng một số tương đương năng lượng đã được tạo ra ! Hơn nữa, nếu trong nhân nguyên tử, số thừa trọng khối nằm vào khoảng một phần trăm, trong các hạt vật chất số này vô cùng khổng lồ chứng minh những mảnh quark thật đã ghép dính nhau : đây sẽ là một nguồn năng lượng vô biên nhưng đây cũng là một trở ngại lớn trong cuộc tìm kiếm các mảnh quark !

Thật vậy, trước khi mơ mộng đến một ngày mai tốt đẹp, năng lượng dư thừa, một công cuộc cần kíp là tìm xem các mảnh quark thật có hay không, vì xin nhắc lại đến nay chúng chỉ đang còn hiện ra trên tờ giấy của những nhà lý thuyết. Muốn tìm quark, muốn săn quark, các nhà vật lý học có một loại bẫy gọi là phòng bóng (chambre à bulles). Nguyên tắc cái phòng này là khi cho chạy qua một hạt có điện-tích thì nó hóa ra "ion",

và để lại một dãy bóng, tương tự như chiếc máy bay phản lực để lại một vết trắng trên nền trời : có khi ta chẳng thấy máy bay nhưng thấy vết trắng là ta biết máy bay vừa mới vượt qua. Thường một hạt nguyên để lại 25 bóng mỗi một centimet. Nếu điện-tích chỉ $1/3$ hay $2/3$ như đã đề nghị cho các mảnh quark thì tất nhiên tỷ trọng các vết bóng sẽ nhỏ hơn. Lý thuyết sản quark thật dân dị và dễ dàng nhưng đến nay, mặc dầu những máy gia-tốc vô cùng lớn, mặc dầu vô số thí nghiệm (tại Trung-tâm CERN ở Genève 100.000 chiếc hình đã được chụp), quark vẫn đang còn ẩn mình núp bóng.

Bây giờ đây, hai con đường khảo-cứu đã được đưa ra : một đường là xây những máy gia-tốc mạnh hơn, một đường là tính cách chạm nhau của các hạt vật chất để dễ gây vỡ, do đấy các mảnh quark sẽ được tung ra. Về điểm thứ nhất, các nhà kỹ thuật Nga đang hoàn thành một máy gia-tốc ở Serpukov, mạnh đến 70 tỷ electron-volt, nghĩa là mạnh gấp đôi tất cả những máy hiện có trên thế giới. Máy gia-tốc này sẽ có phòng bóng Mirabelle của Pháp kèm theo. Nếu quark vẫn không chịu hiện hình thì phải đợi chiếc máy của Mỹ sẽ xây ở Chicago, nghe đâu mạnh gấp ba chiếc máy Serpukov.

Quark, đề tài giải Nobel ngày mai.

Về điểm thứ nhì thuộc về phương pháp, ở CERN và ở Brookhaven bên Mỹ, người ta đang kiếm cách cho các hạt chạm nhau ở năng lượng thật lớn để tạo ra một cặp quark-antiquark. Người ta chưa thành công nhưng cũng đã đạt được một kết quả : người ta biết với một máy gia-tốc không đủ mạnh thì không hòng gì tìm được quark!

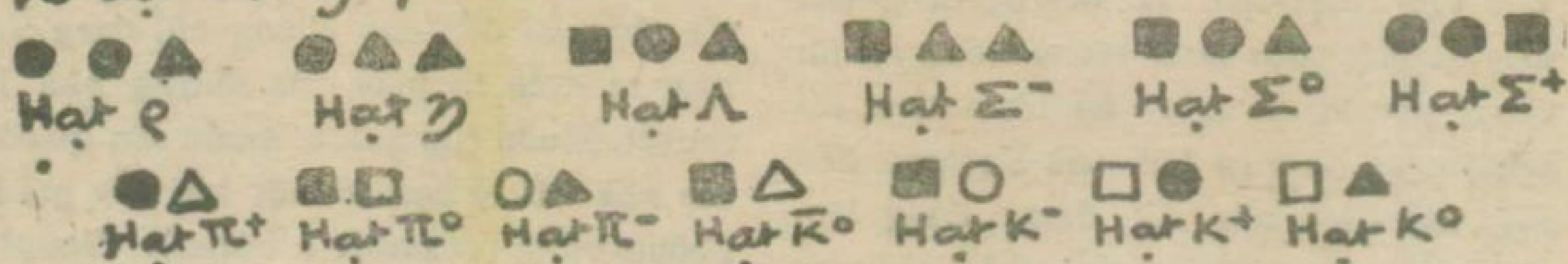
Có nhiều nhà vật-lý-học như Kasha và Leipuner ở Brookhaven, Ader ở Yale, nghĩ rằng trong vũ-trụ những hạt vật-chất năng-lượng thật lớn, nếu chúng chạm nhau hoặc chạm vào những nguyên tử trong khí quyển ắt phải cho phát ra các mảnh quark. Nhiều máy đã được chia lên trời nhưng vũ trụ bao la sản quark đâu có phải chuyện dễ. Gần đây chiếc vệ-tinh Proton III của Nga đã mang nhiệm vụ tìm quark trong không gian. Ta chỉ có việc chúc nó nhiều may mắn.

Nhiều nhà bác học khác còn phóng tầm mắt xa hơn, lên các chòm sao quasar tít mù. Đến nay người ta đoán biết quasar là những nguồn năng lượng lớn nhưng chưa biết cách giải thích. Hai nhà lý thuyết Kuo và Suen ở Viện đại-học Purdue đưa ra một giả-thuyết : Năng lượng các quasar là do các mảnh quark hợp lại mà ra, tương tự như năng lượng trong các quả bom H do nhân các nguyên tử hợp lại mà làm thành. Giả thuyết này thật hay nhưng chưa biết bao giờ mới chứng minh được.

Nhớ lại cách đây một nửa thế kỷ, khi nhà vật lý học Millikan làm thí nghiệm để đo điện-tích của electron, một hôm ông bắt gặp một điện-tích chỉ lớn có 30% điện-tích electron ; ông ghi vào vở nhưng cho là một nhận xét lầm lẫn và không chú trọng đến. Có lẽ tình cờ ông đã bắt gặp quark mà ngày nay với biết bao máy móc tinh vi, biết bao đầu não thông thái, người ta vẫn không tìm ra nó.

Giải Nobel vật-lý-học ngày mai là đây : tìm đi, ai «thấy» được quark có thể sắp đặt ngay hành trang qua Stockholm lãnh thưởng. Nền vật-lý-học cận-đại không sao bỏ qua được khái-niệm này và nền khoa học tương lai sẽ hoàn toàn dựa lên những mảnh quark.

Ví dụ dùng quark để cấu tạo các hạt vật chất :



VÕ QUANG YẾN

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI...

VĂN NGHỆ MIỀN NAM NHÌN TỪ MIỀN TRUNG (5)

Một thời Mới

Văn nghệ Miền Nam thực sự phục hồi và tiến bộ chính là sau biến cố 1945. Ý thức dân tộc đã trỗi dậy mạnh mẽ, đứng đắn và tha thiết. Trong thời kháng chiến, nhiều nhà văn Miền Nam đã khơi dậy ý thức đó bằng những sáng tác phẩm của mình. Đây là cơ hội rộng lớn đề tình-tự đời sống, ngôn ngữ của một bộ phận trong đời sống chung của dân-tộc phát lộ, gây cho người đọc thấy rõ sự phong phú, sâu xa và mãnh liệt của đời sống ấy. Những Phi Vân, Dương tử Giang, Lý văn Sâm, Thẩm thế Hà, tiếp tục vác cây bút mà Hồ Biểu Chánh tạm đặt xuống để chân thành giới thiệu đời sống Miền Nam. Rồi khi hòa bình trở lại, người ta chú ý nhiều đến : Bình Nguyên Lộc Sơn Nam bên cạnh những Vân Trang, Ngọc Linh, Hồ hữu Tường, Lê Xuyên. .

Tiếng nói của Miền Nam trong văn chương một thời rộn rã trước 1932, sau 1945, lại rộn rã trở lại. Đời sống từ nguồn xuống biển, từ con cá lóc đến trái thốt nốt, từ ruộng lúa thành thực đến xứ cây tràm, từ kênh lạch đến khúc đường quê, từ lưới phàn đến cái đó cái đương, từ cô Tư cô Bảy đến ông hương ông xã đến những thanh niên « mới toanh » của thời đại đều lần lượt hoạt động, kể theo thời phong kiến, người say mê kháng chiến, người xông xáo thương trường, lái

suzuki, cắt cao-ốc. Đời sống muôn màu. Những tiếng « hồng biết, rầu thúi ruột, cưng ơi, nhớ ghen, kỳ quá ta, quê rích » mới đây, mà những người như Phạm văn Hạnh, Đông Hồ, Thiếu Sơn (vốn viết văn theo điệu Nam Phong nhất) (1) nhất định không bao giờ xài tới thì bây giờ trở nên tiếng hàng đầu và có những vẻ dễ yêu, thú vị, hấp dẫn như những loại soài riêng, thốt nốt, dừa xiêm, măng cụt với những hương vị riêng biệt mà trước kia, ai cũng cho là cái tên « kỳ cục » làm sao ! Nhưng cũng chính những cái tên ấy, bây giờ mới nghe nói đã chảy nước miếng và chắc chắn sẽ thay thế cho những hạnh, lê, trong thi ca nữa.

Trong số các nhà văn có công lớn với các thời kỳ này, tôi tiếc nhất là Phi Vân. Tại sao có thể viết một quyển có giá trị như *Đồng quê* (giá trị tiểu thuyết và phóng sự thật lớn, nhất là thời ấy) ông không tiếp tục ngòi bút của mình. Phải nói là ông làm sống động ngôn-từ Miền Nam hơn Hồ Biểu Chánh, mà lối kể chuyện linh hoạt, mô tả nhân vật độc đáo, đối thoại sinh động..., ông cũng vượt hẳn nhà văn này khá xa, xa hơn cả sự hiểu biết về nông thôn, thói

(1) Bây giờ thì ông Thiếu-Sơn lại viết theo giọng Miền Nam, và càng già, càng có tinh thần cấp tiến.

tục Miền Nam nhiều. Hình như tôi chưa đọc một nhà văn Miền Nam nào có đủ mặt tài hoa, giản dị, sâu sắc, nhiệt thành và chất phác như ông. Nhưng tiếc là ông viết quá ít. Nếu ông phát triển rộng rãi bằng chừng mười tác phẩm, ông đã nâng văn chương Miền Nam lên một bước cao xứng đáng là kẻ kế tục sự nghiệp lớn lao của Hồ Biểu-Chánh trước 1932 và là kẻ mở đường cho thế hệ 1945-1954, 1954 — (?) nữa là khác. Quyền Đồng quê có một số văn-liệu đến nay còn giá trị rất lớn. Nếu sự viết ít làm tôi tiếc Phi Vân thì sự viết nhiều làm tôi tiếc Hồ Hữu Tường. Ai đọc ông Tường cũng đều thấy ông không phải một nhà viết tiểu-thuyết theo cái nghĩa Âu-châu qui định, hay ít ra cũng chưa phải như thế. Nhất là nội-dung tác phẩm, lối xây dựng nhân vật, lối kết cấu. Nhưng cũng không phải ông cốt ý làm ra như thế mà một phần vì ông cầu thả, cầu thả như một người vô-trách nhiệm (2). Truyện của ông, đúng ra chỉ là những ý nghĩ ngộ nghĩnh, đặc biệt, thông minh, mới mẻ (theo ý ông) được hội tụ, sắp xếp vội vàng. Đáng lẽ dùng để viết thành từng bài trong báo hằng ngày thì ông tiểu-thuyết-hóa rồi đem in ra. Tuy thế, nếu theo dõi ông và đặt câu hỏi tại sao ông được nhiều người đọc, ta sẽ thấy có những lý do sâu xa của nó. Điểm căn bản là nhân vật của ông có cốt cách của người Miền Nam, dù kẻ ấy hăng say, ngộ nghĩnh, nói dóc, lừa dối, chân thật gì đi nữa. Ông lại biết nhiều về những phong tục, tập quán, tôn giáo, những lối hát hò, sấm, kinh kệ, giải trí của người miền Nam. Ông có óc tưởng tượng rất phong phú dù sự tưởng tượng ít hữu lý

mà vẫn thích hợp với người miền Nam. Vượt lên trên, người ta còn thích đọc ông vì hai lẽ :

- a) Kết cấu truyện của ông còn pha lối Tàu, lối cổ truyền nhưng không cổ lỗ vì nội dung của ông mới lạ. Chính nhờ kỹ-thuật ấy mà truyện ông có đầu đuôi, có tiếp nối, có thể đọc cho kẻ khác nghe.

- b) Văn của ông cũng là thứ văn không chịu ảnh hưởng lối tiểu thuyết mới, (câu văn ngang tai, từ ngữ kiểu cách, diễn tả chỉ vụ tân kỳ hơn chân thật). Ông dùng giọng văn bình thường, quen thuộc, giản dị mà Hồ Biểu-Chánh, Phi Vân đã từng thành công. Ngôn từ của ông cũng chính là ngôn từ của nhân dân miền Nam. Do những lẽ đó người có học cũng như ít học, đều có thể đọc ông được, nhiều khi ham thích vì cái tài tán dóc đủ mọi mặt của ông. Nhất định đó không phải loại tiểu thuyết chính thống, nhưng cũng vẫn là một loại tiểu thuyết. Bà Pearl Buck, khi bàn về tiểu-thuyết Tàu, có nói là những nhà văn Trung - Hoa, nếu bỏ lối viết cổ truyền của họ, sẽ mất rất nhiều độc giả. Nhận xét rất xác đáng. Vì những tiểu thuyết mới của Trung Hoa dù là của lớp Ba Kim, Mao Thuần hay lớp Từ Vu, Quỳnh Dao thì mỗi bộ, dù in đi in lại mấy lần, cũng chưa bằng bộ Tam quốc in rần ! Ở Việt Nam ta, số người đọc Lục Vân Tiên ở Miền Nam có thể nhiều gấp trăm, gấp nghìn bất kỳ quyển tiểu thuyết mới nổi tiếng nào. Chính ở chỗ mượn lối cổ truyền đó mà ông Hồ Hữu Tường đã nắm được một số lớn độc giả dù khen dù chê. Ông có thành công như một văn sĩ, đúng hơn, một tiểu thuyết gia không ? Chưa cần bàn. Chỉ biết là nếu nghiên cứu một số phương-diện nào đó của tiểu thuyết ông, biết đâu các văn sĩ trẻ

2) Ở Âu Châu, nhiều người học Toán cốt để xây dựng nhân vật, kết cấu tiểu thuyết khoa học hơn. Ngược lại, ông Tường học Toán không có mục-dích ấy.

sẽ không tìm ra những lối thoát thành công cho tiểu thuyết hiện nay. Và có lẽ lúc bấy giờ Hồ hữu Tường mới thực sự thành công, như kẻ dẫn khởi thí nghiệm cho các lối truyện, loại văn, trong đó có loại hoạt-kê. Dù sao, ông cũng đóng một vai trò đáng chú ý trong nền tiểu thuyết hiện đại.

Nhắc đến Hồ hữu Tường tôi tiếc vì ông viết quá nhiều quá cầu thả nên không có tác phẩm nào hoàn thiện, thì tôi cũng lại liên nghĩ đến những tác giả khác như Lê Xuyên chẳng hạn. Không có gì cản trở ông Lê Xuyên trở nên văn sĩ tiếng tăm nếu ông làm việc như những nhà văn lấy nghệ thuật làm lẽ sống và lẽ tấn bộ cho văn nghiệp của mình. Nhưng ông lại viết quá nhiều, quá thừa, quá cầu thả thành ra mới thấy một đoạn hay, người ta đã vội quên vì những đoạn dở quá nhiều. Mà hạng tài năng như Lê Xuyên thì ở miền Nam hiện nay không phải ít. Cái khó cho những nhà văn ấy là đừng vội ham tên tuổi, đừng theo vết xe cũ, đừng viết báo hằng ngày và luôn luôn cầu tiến. Phải làm sao sống cho trọn và viết cho kỹ như các nhà văn Âu Mỹ trong những đề tài khác biệt nhau. E rằng như thế sẽ không nuôi sống đời ngòi bút nhà văn chăng? Nhưng cái sự kiện viết cả chục tờ báo hàng ngày, hàng tuần thì thật là hạ thấp ngòi bút đến chỗ cùng cực. Miền Nam đã phải giết chết những đứa con thiên-tài ngay khi chúng chưa kịp thành hình. Giết chết hay chúng tự hủy? Điều nào cũng chỉ đi đến kết luận là trải qua hai mươi năm, nó vẫn chưa có truyện dài kiệt tác. Cả Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc... cũng đều lần lượt chui vào cái máy chém của báo hằng ngày. Văn chương trở thành kỹ-nghệ và kỹ nghệ đã lại — lần thứ

hai — muốn giết chết văn chương nếu các nhà văn Miền Nam không tự cứu lấy mình! Cái công tô bồi, vờn vẽ, sự hy sinh cao quý của lớp nhà văn 1945-1954 để tạo nên lớp nhà văn mới ngày nay chưa được đáp đền xứng đáng. Sự chờ đợi của quảng đại quần chúng trong sự phồn cập và nâng cao nghệ thuật theo truyền thống trước 1932 cũng chưa được đáp ứng. Nhà văn Miền Nam mới đi trọn khoảng đường chuẩn bị, chưa lập nên cao-ốc. Mà trách nhiệm của nhà văn Miền Nam trong hiện tại và cũng vĩnh viễn trong tương lai không chỉ đáp ứng độc giả Miền Nam mà còn cả độc giả Việt Nam, ít ra cũng đối với độc giả Miền Lục vân Tiên. Họ cũng chờ nhà văn Miền Nam như chính những văn sĩ của giọng nói của họ. Trách nhiệm đó còn là trách nhiệm song hành đối với các nhà văn Miền Bắc trong việc tạo dựng nền Văn học Dân tộc.

Cái khí thế văn nghệ miền Nam đang lên cả phương diện sâu khấu. Một điều mà ai cũng rất phàn nàn là cải-lương đã tiến rất mau, rất mạnh và có giá trị nghệ thuật khá cao thì ngày nay càng ngày càng xuống dốc trong vinh quang, trong ánh sáng và màu sắc rực rỡ nhất của nó. Vì nó phải chạy theo thời thế quên nội dung mà nay các bùm, mai hương xa mốt chường, không còn đường lối, phương thức nào nữa cả. Sự nhận xét ấy không sai lắm. Nhưng đặt vào hoàn cảnh mà xi-nê tiến quá mạnh, quá xa với những lối quảng cáo tốn kém, những kỹ thuật, đạo diễn tài tình, diễn viên thượng thặng một mặt, mặt khác ngoại quốc tự, do nhập cảng bất cứ loại phim nào: cao bồi ăn cướp, đánh giặc, La-mã, ca vũ, điệp viên, cũng đều tự do và tự do thu hút khán giả thì sao? Với những rội dung

thoát y tùy thích, ai bắn nhanh có quyền giết, hễ da đỏ thì phải bị thua, phải đầu hàng, phải ô nhục, ở đâu có điệp viên da trắng tất các tổ chức, kể cả tổ chức ái quốc của các nước tiểu phải bị khám phá, tiêu diệt, để quốc xâm lăng thường là nhân đạo v.v... bực trong những hình thức choáng lộn nhất mà quốc dân chỉ có quyền chấp nhận như công khai tự thú nhận sự hèn kém thì phải giải quyết ra sao? Về phương diện tranh đấu tiêu cực, chỉ còn có cải lương dành được khách với các loại phim phi luân (3) ấy một mức độ nào bằng những tuồng bản dù sao cũng còn mang ít nhiều đạo lý và tính chất dân tộc. Những tuồng dã sử, xã hội cổ tích thì đều tiếp nối cái truyền thống cao đẹp, ca nhạc kịch cổ truyền về đạo lý và cả truyền thống khai phóng nữa.

Vượt lên trên những điểm đó, một bộ môn khác đang chuẩn bị ra khơi của Miền Nam : Kịch. Bộ môn mà miền Bắc dày công đào tạo đã đến kết quả là ban Anh Vũ của Thế Lữ, Võ Đức Diên thành lập, đi công diễn các vùng, kể cả Trung Việt. Sự thành công của ban này đã ghi những nét son đáng khâm phục của các nhà văn, diễn viên, nhạc sĩ quá yêu mà cũng đầy tinh thần hy sinh cho nghệ thuật này. Nhưng trước khi ban Thế Lữ đi lưu diễn và rồi chỉ đến Hội An là bị dứt thì mấy năm trước đó một ban kịch tài tử của Miền Nam có một người Pháp hướng dẫn, làm đạo diễn đã đi khắp ba kỳ để trình bày một quan niệm, một phương thức mới về sân khấu, đặc biệt là về hài kịch. Về ban tài tử này, Thế-Lữ có viết bài hoan nghênh nồng nhiệt và rút những kinh nghiệm đạo diễn, diễn xuất, chú ý hơn cả là màu sắc, y phục. Tuy

nhiên, hễ nói đến kịch Miền Nam là ai cũng lắc đầu : Cải lương ! Ngay như diễn viên cải lương có tài là Năm Châu vẫn tha thiết tiến dần đến kịch hóa bộ môn của mình và có lẽ đó là lý do mà ông hay đàm đạo với Đoàn Phú Tứ. Nhưng sự cố gắng của Năm Châu vẫn chưa làm chính ông tội nguyên hướng chỉ những người yêu kịch. « Không thể nào người Miền Nam, cụ thể là dân Saigon, đóng kịch được ». Người Trung Việt cũng thế : « Kịch dành cho người Bắc, dân Hà Nội, những ai nói tiếng Hà Nội mà thôi ! » Luận cứ ấy không hiểu tại sao vẫn được đa số mặc nhiên công nhận dù họ đã thấy rõ cái tài đóng kịch của Năm Phỉ, Phùng Há, Năm Châu,...

Nhưng đến nay thì luận điệu ấy hoàn toàn bị đánh bại. Đánh bại một cách tàn nhẫn ! Ai có xem Kim Cương đóng kịch, đóng những vở thật đáng hoàng, có công phu xây dựng, thì đều thấy rõ là cô xứng đáng cái danh hiệu diễn viên thoại kịch mà tôi chắc chắn không mấy diễn viên nào có tài nghệ vượt cô ! Tôi đã từng được xem cô (?) (4) đóng chung với Nguyễn Tuân và Đoàn phú Tứ, Phạm Văn Mạnh, Lưu Trọng Lư, trong vở *Ghen* (Huế, Đà Nẵng, Hội An) : Đoàn phú Tứ bảo là cô rất thông minh, như ông chưa hề thấy (?) ; người Huế học nói tiếng Bắc chỉ sáu tháng nói hay hơn dân Hà Nội. Và ông cho là vai nữ đóng hay nhất với ông từ trước đến nay. Nhưng tôi thấy cô này chỉ tinh tế, khôn khéo, có giọng hay, chứ không có những biến hóa linh hoạt, không có sự dễ dàng tự nhiên của kịch sĩ lớn. Cô này kém cô Giáng-Hương trong gánh Anh Vũ nhiều phương

(3) Nam Dương đã cảm rất nhiều những sản phẩm của Âu Mỹ loại phi-luân này.

(4) Đúng hơn bà Bửu Chí.

diện, về kỹ thuật diễn tả, về uyển chuyển cơ thể, về nhạy cảm, sự già dặn vì kinh nghiệm; Cô Giáng-Hương còn có tài ca múa rất lành.

Nói chung, đào tạo được một vai như Giáng Hương thời ấy, với cốt cách diễn viên thoại kịch và ca vũ nhà nghề, gánh Anh Vũ bước một bước tiến xa mà đến nay chắc gì miền Bắc đào tạo hơn được. Nhưng cô Kim Cương tuy kỹ thuật đóng còn thua cô Giáng Hương, nhất là về những chi tiết có liên lạc từ trước đến sau trong cử chỉ, giọng nói (một phần là lối đạo diễn) nhưng cô vượt hẳn về tài năng. Một thứ tài năng tự nhiên, phong phú, dễ dàng, linh động, hấp dẫn dù cơ thể thiếu nảy nở, cong lượn. Kỹ thuật đóng thiếu đạo diễn cho cá nhân và tập thể nhiều lúc gây hại cho cô, nhưng nhờ cái thiên tài tự nhiên, sẵn một giọng nói rõ ràng uyển chuyển, tinh tế và nhất là, đặc biệt lòng nhiệt thành ít có, cô đã tạo cho vai mình sự thành công ít khi thấy. Có thể nói tất cả vai nam cùng đóng với cô (có người chưa hiểu nghệ thuật đóng thoại kịch) đều thua diễn viên Anh Vũ (5), nhất là Văn Chung gần như không tìm thấy, nhưng sự hiện diện của Kim Cương đã lấn át tất cả để mang lại một khoái hoạt toàn bộ cho người xem để chỉ còn thiện cảm.

Tôi trình bày kỹ Kim Cương có mục đích đập tan luận điệu chính tôi đã từng có: Kịch thì phải Hà nội. Giọng Saigon dù nói «tôi húp cháo» cũng đủ cái lương rồi! Không đúng! Vì đã có những diễn viên thoại kịch và thoại kịch đúng cái nghĩa nhất của nó. Tôi không hiểu tại sao trong tình trạng sân khấu hiện nay, không có Mạnh thường quân «Phước Cương B» nào bỏ tiền ra lập một gánh thoại kịch với đạo diễn đứng dẫn, kịch bản vững vàng, diễn viên được chỉ dẫn chu đáo bên cạnh Kim Cương để đi lưu diễn. Tôi chắc chắn, với mười kịch bản

khá và chừng ba bốn ăn khách, (tôi không nói kịch bản thật giá trị, chỉ đòi hỏi cỡ «Dưới hai màu áo», nhưng viết cho có phép tắc hơn, xây dựng nhân vật già dặn hơn, bố trí lớp lang chặt chẽ hơn) thì đủ sức đi lưu diễn trong khi chờ một đôi vở lớn để đóng hẳn ở một hí trường. Tôi đã từng xem ít nhiều gánh kịch miền Bắc kể cả Thế Lữ. Có một điều tôi phải thú nhận là tuy có kỹ thuật cao, nhưng những gánh này chỉ hấp dẫn hạng có học thức mà thôi, nhất là từ Huế vào trong thì số người học thức thích thoại kịch Bắc càng hạn chế vì ít thích hợp vấn đề trong vở kịch và ít hiểu ngôn ngữ. Giọng Bắc ai cũng công nhận là thật hay, thật đẹp nói ở đài, tâm sự, hát tân nhạc rất dễ mê. Nhưng chính vì cái tinh tế, uyển chuyển trong giọng nói «hăm» (từ ngữ cổ đầu) quá, nên khi diễn kịch, nhất là những chỗ xuống giọng người miền trong không hiểu gì cả nên họ không khoái. Ngược lại, giọng Nam hơi thô thiển, nhưng no tròn, tràn ngập, dù xuống giọng, âm thanh vẫn rõ ràng và khi cao giọng thì sang sảng, lên sân khấu, quần chúng rất khoái. Giọng đó diễn kịch bản quá trí thức chắc không hay song loại kịch phong tục, xã hội với những vấn đề thông thường trong đời sống thì thật không gì hợp bằng. Và không chỉ hợp quần chúng Miền Nam mà chắc chắn sẽ hợp với quần chúng miền Bắc như cái lương đã từng chứng tỏ. Mà lần này, hẳn nhiên không phải chỉ có khán giả cái lương ham thích mà cả khán giả thoại kịch cũng ham thích như thế. Thoại kịch miền Nam nhất định phải thành công lớn.

Sự hấp dẫn và sự thành công của văn-nghệ Miền Nam, đôi khi, tôi nghĩ thế, phần lớn đã vốn là tự tại, là bản nhiên, hoàn toàn không giống với sự thành công của Văn Nghệ miền Trung vốn là một sự cố gắng không ngừng. Ý như đất ruộng hai miền!

(5) Tôi nhắc đến Anh Vũ của Thế Lữ, vì các ban kịch của miền Bắc đã từng đóng lưu diễn ở Trung, tài nghệ kém Anh-Vũ xa lắm.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Centra
HONG KONG*

**Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes
P.O. Box N° 763**

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

*Milton Mansion, 96 Nathan Road
KOWLOON Tél. 667.254*

Bureau Permanent Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Kiamôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122



của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN HIỂN LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

T I È N

Đối với một người giàu hoặc một người có nhu cầu thì kinh tiền là một việc dễ. Nhưng ai là người không có một nhu cầu nào? Một bà lão sống đạm bạc nhất phải có chỗ ở, phải ăn mặc, lạnh thì phải sưởi. Một tu sĩ nguyện sống trong cảnh nghèo khổ, nhưng một tu viện không thể nghèo được mà ngay tu sĩ cũng không thể sống bằng không khí của thời đại. Tôi thí dụ rằng bạn là một người bình thường; bạn sẽ phải nuôi vợ, nuôi con. Bạn cần có một số lương cao hơn những chi tiêu của bạn một chút để có dư một số tiền phòng khi hữu sự. Tôi nghĩ rằng Chính quyền mà lo cho dân thì phải dự phòng cảnh bệnh và lão cho bạn. Nhưng chỉ lo cho vừa sát thôi, mà khi bạn không thể làm việc được nữa thì quốc gia không lãnh nuôi gia đình bạn đâu.

Người nào có một nghề trong tay mà lại không ngại làm việc thì đều có thể kiếm tiền được, chẳng nhiều thì ít. Nhưng giữ được một phần số tiền mình kiếm ra là vấn đề khó khăn hơn.

Các cách đặt tiền đều không có lợi mấy. Phải có một số vốn vì đại mới sống bằng lợi tức được. Mà ngay số vốn đó cũng dễ tan như tuyết dưới ánh nắng lắm vì từ năm chục năm nay đã biết bao lần

đồng tiền bị phá giá. Vậy thì phải làm sao bây giờ? Mua những cổ phần có giá trị thực, và chắc chắn sẽ lên giá khi đồng tiền xuống giá? Bạn sẽ gặp những cảnh bất ngờ chẳng vui đâu. Một kỹ nghệ đã thịnh vượng trong một thời gian lâu vẫn bị tùy thuộc những kỹ thuật mới, những sự thay đổi bất thường của cái mốt, hoặc tùy thuộc sự bất tài của một người chủ. Ở Thị trường chứng khoán, giá cả nay lên mai xuống do tình hình thế giới, không ai đoán trước được. Hay là mua những giá khoán có lợi tức nhất định? Điều đó cũng hợp lý đấy, nhất là ngày nay đã có những luật mới. Nhưng cũng lại phải tin ở sự vững giá của đồng tiền. Hay là mua nhà cửa, đất cát? Hồi xưa, chính sách đó khôn ngoan đấy, ngày nay hiệu quả của nó kém rồi. Vì bạn phải đóng thuế về phần giá trị thặng dư (1). Sưu tập các bức họa, sách cổ, các vật quý? Phương pháp này có lợi là ngoài sự an toàn ra, bạn còn được hưởng những thú vui tế nhị, nhưng những vật sưu tầm đó, khi muốn bán, chắc có người mua không? Trong thời khủng hoảng, rất hiếm người mua; mà gặp thời cách mạng thì sẽ bị tịch thu hết.

Tóm lại, về mặt tiền bạc, sự an toàn

(1) Ở Pháp thì vậy, ở mình thì chưa.

tuyệt đối chỉ là một mộng ảo. Như vậy không có nghĩa là bạn không nên kiếm một an toàn tương đối. Về điểm này túi khôn của cổ nhân giúp ta được nhiều lời khuyên quý báu. «Đừng đặt tất cả trứng của bạn vào chung một cái rổ... Dự bị cho mình nhiều đường rút lui.» Thái độ thận trọng đó đáng khen đấy, nhưng một người ít tiền khó mà thực hiện được. Phải có nhiều trứng mới chứa đầy được nhiều rổ chứ, phải có nhiều đạn được để yểm trợ nhiều đường rút lui chứ. Có thể rằng bạn có ý thành lập một kỹ nghệ mới hoặc thực hiện một công việc tìm tòi nào đó, và muốn trút vào đó tất cả số vốn của mình.

Có thể rằng bạn nghi thà chịu mạo hiểm lớn mà thành công còn hơn là dùng cái phương pháp làm ăn nho nhỏ mà thất bại. Dù sao thì bạn cũng nên thử cố giữ cho số chi ở dưới số thu. Tôi nói : bạn nên thử cố, vì số chi không thể rút xuống hoài được mà số thu thì đôi khi thụt xuống ghê gớm.

Chỉ khi nào vạn bất đắc dĩ lắm bạn mới được nói : «Bần cùng lắm thì mình sẽ đi vay». Thiếu nợ luôn luôn là một điều nguy hiểm. Người chủ nợ nào thân thiện nhất cũng hóa ra dữ dằn khi bắt đầu nghi ngờ. Nếu trước kia người đó là bạn thân thì rồi sẽ không còn là bạn thân nữa. Gặp nhau thì bạn sẽ lánh mặt trước vì người đó là hiện thân của sự trách móc. Dù có thể coi số tiền như bỏ thì người đó cũng oán bạn vì đã làm cho mình thất vọng. Gia đình nào dù rộng rãi tới mấy cũng ngán, không muốn xuất vốn vào những kế hoạch hảo huyền. Ngày nào mà bạn đã tạo nổi một xí nghiệp thịnh vượng thì tình thế sẽ thay đổi. Lúc đó bạn đã có kinh nghiệm, có gì bảo đảm, và sẽ sẽ quyền dùng

phương pháp vay tiền để làm ăn. Nhưng phải tính kỹ, sự chi thu sau này một cách bi quan rồi hãy hỏi vay. Luôn luôn có sự bất ngờ mà sự bất ngờ lại thường là bất lợi. Khi tính tương lai cho ta thì ta rất dễ tự lừa gạt mình. Bạn nên giữ một công việc chắc chắn chứ đừng xông vào một tình thế không biết chắc sau sẽ ra sao.

Bạn bảo tôi : «Cách đó đâu phải là cách làm giàu». Sao lại không ? Với lại có cần phải làm giàu không chứ ? (2). Nghèo, không có đủ những cái cần thiết cho mình và cho người thân, là một đại họa; nhưng sanh trong một gia đình giàu có lại là một đại họa khác. Sanh trong một gia đình như vậy thì tới cái tuổi thành người, người ta chưa thật là tiếp xúc với các người khác. Người ta sống trong một cảnh hủi quanh có toàn bọn đầu bếp. Bọn «nhãi ranh con nhà giàu» thường thất bại và sa sút, nghèo khổ. Những kẻ tay trắng làm nên đã có lòng nhân đạo một chút. Họ nhớ lại thuở hàn vi. Nhưng không bao giờ họ có đủ tình nhân đạo. Sẽ tới cái ngày mà họ suy nghĩ theo lối nhà giàu. «Mà trong các châu thành, cái khu vực người ta bận đồ lớn để ăn tối không bao giờ sản xuất được tư tưởng... Chính những kẻ cần có nghệ thuật thuyết phục lại thiếu nghệ thuật đó. Họ tiến như bọn đui ; và do suy tư mà quyền lực mai một. Chỉ có người nghèo mới (suy tư mà) hiểu biết.» Tôi chúc bạn tạo được một gia sản trung bình thôi; và tôi cầu cho bạn tạo nó được bằng sự làm việc.

Một người, kỹ sư, thương gia hay nghệ sĩ, nhờ tài giỏi, kiên nhẫn mà làm

(2) Tác giả sinh trong một gia đình doanh nghiệp mà lời khuyên của ông không phải là một nhà doanh nghiệp, đúng là của một nhà luân lý.

giàu thì không có gì là vô luân cả. Trái lại là khác. Người đó đã giúp cho xã hội và xã hội đã đền ơn lại. Nếu người đó không giúp được gì hoặc giúp được rất ít thì đã bị những kẻ cạnh tranh đào thải rồi. (3) Các nước cộng sản chấp nhận rằng một nhà soạn nhạc đại tài hoặc viên giám đốc một nhà máy có một mức sống cao hơn những người khác. Với lại những sản nghiệp vĩ đại rất ít khi do các nghệ sĩ tạo nên (trừ vài nghệ sĩ trên màn ảnh, một hay hai họa sĩ, vài danh ca, vài tác giả truyện trinh thám). Hầu hết các sản nghiệp không lồ xây dựng bằng những cách khác, trừu tượng, có tính cách toán học, vô nhân đạo. Lập một công ti, sáp nhập nhiều công ti với nhau, để khởi một vụ mua bán ở thị trường chứng khoán, đầu cơ tìm mỏ, mua quyền khai thác một phát minh, mưu mô đủ thứ, những cái đó gây được hàng tỷ bạc. Một nhà tỉ phú có thể đầy thiện ý nhưng trong tư tưởng họ, cái gì cũng là ảo ảnh cả. Sự thành công làm cho họ hóa ra tự tin quá, họ lập thêm nhiều xí nghiệp và có thể rằng cái lâu đài mong manh của họ, cực kỳ đẹp đẽ, sẽ sụp ngay khi gặp ngọn gió mặt vận. Bạn đừng nên giàu có quá. Người giàu có cũng như kẻ xâm lăng; họ rất cần cái đức biết ngừng lại đúng lúc, mà họ lại ít khi có được đức đó.

Nếu bạn còn có thể muốn sáng tác về nghệ thuật được thì bạn phải giữ cho đừng giàu quá. Cái bản chất của nghệ sĩ là có nghèo, có đau khổ mới đòi cho được sự đền bù và mới tạo được những tuyệt phẩm. Balzac, mà không nghèo khổ, không bị chủ nợ thúc bách, không bị nhốt khám vì nợ, không bị bọn cho vay nặng lãi rút rìa, thì có là Balzac không? Cuộc đời khó khăn của ông làm cho ông tiếp xúc với những hạng người hơi kỳ cục mà **hạng chân phú gia** sống trong những

ngôi nhà đẹp đẽ, được bọn thư kí và gia nhân che chở (4) kỳ lững, không làm sao biết được. Vì thiếu thốn nên Balzac bắt buộc phải làm việc. Nếu không bị nặc nô (5) rình ở cửa, chỉ chực bắt bắt ông nếu nợ tới hạn mà không trả, thì ông có sản xuất được mỗi năm bốn tiểu thuyết không, có viết được những truyện ngắn truyện hay trong một đêm lao lực và xuất thần không?

Tôi đã thấy nhiều nhạc sĩ, họa sĩ vì giàu có mà tài năng cạn đi. Chỉ những người giàu có rồi mà vẫn tiếp tục làm việc như thuở hèn vì mới thoát khỏi cái số phận đó. Victor Hugo quản lý thật giỏi sản nghiệp vĩ đại của ông, nhưng ông muốn sống như một người nghèo cho tới khi đóng ván thiên. Cũng được cứu thoát nữa, hạng nghệ sĩ như Balzac, hễ kiếm được một số tiền nào là phung phí liền nội hôm đó vào những cuộc điên cuồng tuyệt luân.

Alain khen con người hà tiện, Grandet hay Gobseck (6). Ông bảo người hà tiện là một công dân có ích vì tạo nên của cải mà không tiêu dùng thành thử sớm muộn gì sản nghiệp của họ cũng trở về đại chúng. «Người hà tiện, một mình ở trong cái phòng nhỏ bọc sắt của mình, vượt qua được mọi lễ độ và xa xỉ, nghe tiếng động của các nghề, nghe tiếng chân của những kẻ dậy trước khi mặt trời mọc. Hẳn nghe và hẳn hiểu rằng những hoạt động tinh sương đó bảo vệ sự giàu có. Chính hẳn cũng dậy trước khi mặt trời mọc và cũng như Grandet,

(3) Điều này theo tôi, chỉ đúng trong những nước có sự cạnh tranh đứng đắn.

(4) Đề khỏi phải tiếp xúc với hạng người kỳ cục.

(5) Nguyên văn: Garde du commerce tro những kẻ chuyên nghề rình bắt những người thiếu nợ đã bị tòa xử giam.

(6) Đều là tên những nhân vật hà tiện trong tiểu thuyết của Balzac

hắn đóng một tấm ván để sửa cầu thang. (7) Grandet vừa hát vừa làm việc, vì chàng ta cảm một cách sâu sắc rằng sự làm lụng nào cũng làm cho các khối tài sản tăng lên.» Kể phung phí tiêu dùng phóng túng như đên ; kể hà tiện gần như không tiêu pha gì hết mà lại tôn trọng sự làm việc. Hắn tích lũy vàng ư ? Nhưng cái tín hiệu đó, không dùng thì cũng chẳng làm nghèo ai, còn một đoàn xe mỹ lệ xa hoa, một phi cơ siêu âm thanh, một hỏa tiễn không gian làm nghèo mọi người.

Đó, Alain nghị luận như vậy. Lần này, tôi xin được không đồng ý với ông. Không, tôi không khuyên bạn : « Trữ của đi ! » Tích trữ cái tín hiệu đó không làm cho ai nghèo ư ? Lời đó không đúng. Vàng càng lưu hành, thì càng có nhiều công việc sản xuất ra của cải và nhờ đó đại chúng càng bớt nghèo khổ. Trái lại, tôi muốn khuyên bạn : « Bảo đảm cho hiện tại và tương lai của bạn và người thân của bạn trong cái mức mà loài người có thể bảo đảm được bất kỳ một cái gì. Được vậy rồi thì nên sống giản dị. Như vậy có lợi cho lá gan, buồng tim và tinh thần của bạn » Tôi biết một nhà tử phú, chín cái trò mua hạng đàn bà ham tiền rồi kiếm cách gò các thiếu nữ lạ mặt trong các chuyến xe lửa ở đường hầm rồi gửi tặng họ một bó hoa đồng thảo (violettes) tầm thường. Ông ta chỉ còn thú đó là làm vui lòng người khác một cách rẻ tiền như vậy. Vấn đề không phải là làm sao có phương tiện để mua món trứng cá muối (8) mà làm sao cho thấy đói đây.

Tìm được một thái độ đúng đắn đối với tiền bạc là một việc rất khó. Một mặt, kinh bỉ nó là một thái độ điên khùng. Sở dĩ mấy ngàn năm nay, tất cả loài người đều dùng những tín hiệu đó nó giúp cho các sự trao đổi, chuyển nhượng là vì không thể không dùng nó được. Một văn minh cộng sản hiện nay trả tiền công cho thợ thuyền, khuyến khích sự tiết kiệm và càng ngày càng cho

dân chúng được dùng tiền tùy sở thích của mình. Mặt khác, làm nô lệ cho tiền là một điều bỉ ổi. Tán tỵ g và tìm cách làm quen một người vì người đó giàu và chỉ vì người đó giàu, thái độ đó tỏ rằng mình có một tâm hồn dễ hèn. Đành rằng người đó có thể vừa giàu có vừa thông minh, vừa giàu có vừa dễ thương, và trong trường hợp này tất nhiên là ta thân với họ vì sự thông minh và tính dễ thương của họ. Nhưng sự giàu có, tự bản chất nó, không được gọi cho bạn lòng yêu hoặc lòng oán. Đặc biệt là một nghệ sĩ có thể nhận (có thể đòi nữa) số tiền thù lao công việc mà mình đã làm một cách khéo léo, nhưng không khi nào được để cho tiền bạc nó làm cho mình hóa trụy lạc, dễ hèn.

Một vấn đề cũng khó giải quyết nữa là vấn đề tiền bạc trong sự tương quan với gia đình. Tôi cho rằng cha có lợi tức dư x i mà để cho con cái thiếu thốn thì là có tội. Những bi kịch do khát vọng, những mưu mô để hưởng gia tài thường sinh trong những gia đình kín mít đó, những gia đình mà những con sói trẻ đòi khát xun xoe chung một con sói già no nứt bụng ra đó. Nếu có thể được, bạn nên giúp cho con cái bạn khởi hành được dễ dàng. Nếu dự định của họ hợp lý thì điều đó rất tự nhiên rồi. Nhưng nếu có một đứa con thấy có một khuynh hướng mạnh mẽ, không s o cuỡng nổi mà bạn lại lại cho kỉ cực, thì cũng đừng nên ngăn cản nó. Song thái của Balzac là hạng tiểu tư sản chỉ khao khát được mọi người kính trọng, không muốn cho con làm cái nghề văn sĩ, nhưng vẫn cấp dưỡng cho con một số tiền và cho một năm để tập nghề đó. Như vậy có hơn là quở trách con không ? Bạn cứ nhớ lại tuổi trẻ của bạn thì rõ. Tuy nhiên, một mặt nên giúp con cái mà mặt khác cũng phải buộc chúng tự giúp đỡ chúng. Chúng có dụng đầu vào các trò ngại thì mới có được một tư cách và nhiều bắp thịt. Chim mẹ mớm cho chim con nhưng tập cho chúng bay lấy.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ dịch

(7) Để khỏi tổn tiền mượn người

(8) Một món ăn đắt tiền ở châu Âu.

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

7 | Mùa Hạ, cây trứng cá trước sân rắc những trận mưa cánh hoa màu trắng. Mẹ tôi ở nhà quê ra thăm. Những món quà mang theo làm tôi xúc cảm bồi hồi. Một gói đường cát. Hai chồng bánh trắng. Một con gà trống. Một giỏ đựng chuối, măng cầu, trứng gà, ổi và mận. Linh hồn của quê hương tôi đó. Tôi cảm từng viên đường để lên mũi ngửi. Đường trắng, khô nhưng vẫn thoang thoang mùi mật. Đó là thứ đường cát lọc ở trong những cái muồng bằng đất sét nung có khoét lỗ ở dưới đáy cho nước mật rút đi và ở trên mặt phủ bún. Ngửi viên đường còn nghe thoang thoang mùi bún. Ở chái hiên nhà mẹ tôi, bày một dãy hơn ba mươi muồng đường như vậy. Ong mật, ong vò vẽ bay vù vù cả ngày đến ăn trộm mật. Đêm đến thì chồn cáo chồn đền ở bờ ruộng, bờ sông mò lên lén uống mật. Những ngày êm đềm ở quê nhà, tôi quen ăn thứ đường ngọt lịm đó. Bỏ vào nước trà khuấy uống. Uống với cà phê sữa. Về ở thành phố tôi quen dùng đường cát tây, hột rời, ngửi không có mùi và ngọt không đậm. Thiếu hẳn cái cá tính của chất đường miền quê.

Tôi cầm lên chồng bánh trắng. Ngày nhỏ hay cầm một cái bánh trắng đem nhúng vào nước để cho mềm rồi bỏ đường vào cuốn lại. Để ăn vào giấc bốn giờ. Gouter của trẻ con miền quê.

Mẹ tôi chừng như cũng đang nhớ đến kỷ niệm nào đó nên nhìn tôi với đôi mắt dịu dàng và buồn. Bà nói :

— Bánh trắng của lò bà Cường đó. Dẻo mà không mặn.

Tôi trả lời :

— Ở đây cũng có bánh trắng nhưng không dẻo bằng bánh ngoài mình.

Ngoài mình ! Tiếng « Ngoài mình » nghe êm đềm. Cái gì ở « ngoài mình » cũng êm đềm. Mỗi người chấp nhận một địa phương, yêu thương địa-phương đó. Cái gì ở nơi đó cũng hiền hòa cũng đầm ấm. Say này dù có đến ở lâu một nơi nào người ta cũng không có được những cảm tình sâu đậm như ngày xưa nữa. Y như mỗi tình đầu. Những nải chuối, măng cầu, ổi, mận đó điều hái ở vườn nhà. Trứng gà hốt ở ồ. Gà bắt trong chuồng. Chẳng quý giá gì hết, tất cả đều ở ngang tầm tay. Bạn tôi ở xa đến chơi đều biểu những món quà mua ở tiệm. Búp bê. Dép. Vây cá. Phương Lan ở Đà Lạt xuống thăm hôm No-en, đem tặng một bó hoa lớn, Tôi hỏi :

— Hoa ở vườn nhà phải không ?

— Không. Em mua ở chợ.

— Sao không cắt ở vườn nhà ?

Phương Lan lúng túng không biết trả lời. Tôi chắc Phương Lan nghĩ rằng phải bỏ tiền ra mua thì hoa mới quý. Tôi nói :

— Trên những luống đi ở sân nhà « cậu » mình thấy có thúi cúc, có hoa mồm sói. Đáng lẽ « cậu » cắt cho mình những cành hoa đó. Nó mang hơi hương của « cậu », nó hút mầu mỡ nơi mảnh đất « cậu » thường đi lại, nó được bàn tay « cậu » chăm bón săn sóc. Như thế có phải nhiều tình hơn không ? Mình nhớ trong một bài thơ. Đường nào đó, người thi sĩ đang bẻ hoa mai trong vườn thì thấy người phu trạm đi qua. Ông chợt nhớ đến bạn ở Giang Nam liền gửi luôn một cành tặng bạn. Thế chẳng tròn trề tình nghĩa hơn là chạy ra chợ mua một bó hoa gửi bạn ?

Phương-Lan mỉm cười :

— Em không là thi sĩ nên đã thiếu cái tinh tế đó.

Tóc mẹ bạc đã khá nhiều. Vết nhăn cày ở đuôi mắt. Tôi cầm tay mẹ. Những ngón xương xẩu làm nhức lòng bàn tay tôi bầm nhói nơi tim tôi. Mẹ kể những chuyện quê hương. Tin tức thường không được vui.

— Thăng Bách độ rày túng lắm.

— Nó còn làm thầy giáo ở Xuân-phước không mẹ ?

— Từ tháng chạp năm kia Xuân phước mất an ninh, trường phải đóng cửa. Hội đồng xã chạy về nằm ở quân. Nó sống lây lất theo vợ, vợ đi chợ buôn bán, nó ở nhà giữ con.

— Con Hòa mà cũng buôn bán được ? Nó yếu đuối chết đi.

— Túng quá thì cũng phải tính, đói quá đầu gối phải bò. Nó buồn lóc nhóc một gánh hàng xén, lời lãi chẳng bao nhiêu. Thăng Tú em nó mới chết ở mặt trận Suối Cối. Thăng nhỏ mới đi quân dịch được tám tháng.

Mẹ im lặng một giây rồi cúi gằm tôi nói nhỏ :

— Nghe nói thăng Tú lọt vào ổ phục kích do thăng Đạm anh nó chỉ-huy bố trí. Thăng Đạm lên núi hồi đầu năm 59. Thăng Đạm có lại nhận xác em nhưng chưa kịp chôn thì bị máy bay ủa ra bắn phải rút đi.

Mẹ hỏi thăm tin tức những người ngoài quê di cư về ở đây :

— Nghe nói ông Bát Truân vô trong này làm ăn khá lắm ?

— Con không nghĩ vậy. Sáng sáng thấy ông ta lò dò xách một gà-mên com, đeo một bi-đông nước và đội cái mũ nhựa vàng của Mỹ. Chắc là đi làm công cno Mỹ.

— Nghe nhẩn về nói ông ta bây giờ sướng lắm.

— Chắc chắn là sướng hơn hồi ở ngoài nhà quê. Ít nhất ở đây ai cũng có thể ăn bánh mì buổi sáng, cà-rem buổi trưa và thấp điện buổi tối,

— Nghe nói sướng thiệt mà. Cứ lâu lâu gửi về cho bà Yên, — bà Yên là mẹ ông Bát Truân, — quần áo và đồ ăn.

Có thể là ông Bát Truân dư giả sung sướng thật. Tôi chợt thấy mình ngổc vô kể. Nhiều người ăn bận xuề xòa cốt để che giấu bớt những sự may mắn thành công của họ, tránh sự dòm ngó so bì, ghen tị. Xã hội trình bày mọi lối giả dối. Có những người giàu lúc nào cũng làm bộ túng bấn lắm và có những người khốn cùng khéo tạo một vỏ ngoài phong lưu. Tôi sở dĩ có cảm tưởng rằng ông Bát Truân không được sung sướng bởi tôi đã vô tình so sánh ông lão mặc quần kaki xanh mang dép Nhật đội mũ nhựa vàng đi lò dò từng bước chênh vênh với một ông Bát Truân oai nghi mà tôi được biết hồi nhỏ. Ngày tôi lên chín, mười tuổi là lúc thịnh thời của ông Bát. Ông đi lính khổ đở từng chinh qua Pháp nên về được ban hàm Bát phẩm. Thứ Bát phẩm võ-giai đó đáng lẽ bị các ông Bát phẩm, Cửu phẩm văn-giai trong xã tôi khinh bỉ, nhưng đấng này không, tôi thấy họ đối xử với nhau thân mật như không có bức tường giai cấp nào ngăn cách giữa họ. Trong những hồi thịnh thời đó, ông Bát đánh bài tứ sắc cả ngày. Ông ngồi một sòng ở nhà trên thì bà vợ ngồi một sòng ở nhà dưới, hoặc ông ngồi một sòng trên bộ ván thì bà ngồi một sòng trên chiếc chiếu trải dưới đất, còn ở nhà dưới thì có một sòng thứ ba gồm lũ nhỏ từ mười hai đến mười lăm tuổi và do thằng Ráng, con ông tổ chức. Cuộc sống êm đềm trôi giữa những con bài tứ sắc bốn màu, niềm sung sướng âu lo và hy vọng thay đổi tùy theo mặt bài bốc lên xếp thành vòng tròn trên những đầu ngón tay. Những buổi chiều khi mặt trời gác ngang sườn núi ánh nắng héo ứa ủ-dột, sòng bài rã ra để các người đàn bà lo về nhà đi chợ và những người đàn ông chia nhau đi tiêu ở ven rào, người nào cũng tiêu nhiều như ngựa bởi đã ngồi lâu nín lâu chịu đựng lâu. Trong những ngày Tết, số sòng bài tăng lên gấp đôi. Đánh tứ-sắc, đánh kiệu là thú chơi phổ thông của người phong-lưu. Họ đi đánh bạc cả vợ cả chồng, như trường hợp vợ chồng thầy giáo Xưởng, thầy giáo Trưng, ông Cửu Văn, ông Phó Cung. Làm thầy giáo Tiểu học có một điều bất tiện là phải một mình dạy đủ các môn, trong đó có môn Luân lý. Chẳng biết thầy Xưởng và thầy Trưng xoay sở thế nào để dạy bài «Ta chớ nên cờ bạc» và thầy có buồn cười không khi học trò kính-cần đọc thuộc câu ca-dao :

Cờ bạc là bác thằng Bần

Cửa nhà bán hết, tra thân vào cùm

Dưới thời Kháng chiến các sòng bạc bị dẹp hết và vợ chồng ông Bát Truân te tái ngược xuôi đi buôn dép cao-su, buôn thuốc Tây, buôn vải Tàu bay, vải Trang dằm. Khi Chính-quyền Quốc-gia thành-lập, ông được cử làm thôn-trưởng, ấp-trưởng gì đó và sau này chẳng biết do tin ai nói mà tôi được biết là «trên núi» có về lưng bắt ông một tối và ông trốn thoát được. Bây giờ thì ông hoàn toàn là một ông cụ già mỗi một, nghiêm trang xách gà-mên cơm và đeo bi-đồng nước đi làm một chức phu phen tạp-dịch nào đó trong một sở Việt, sở Mỹ nào đó. Tôi nói :

— Ở nhà quê người nào cũng được coi là quan trọng. Khi bước ra thành-phố thì họ bị xóa nhòa trong cái biển người giàu có thật và phong lưu thật. Họ chấp nhận một số phận đen tối, lẫn lộn, vô nghĩa. Ông Hương Dần mong tiếng là phú nông, ra đây làm nghề gì mẹ biết không ?

Mẹ tôi nheo mắt, không dám phiêu lưu đưa ra một ước đoán. Tôi tiếp lời :

— Đạp xích lô.

— Đạp xích lô ?

Mẹ tôi dường như không thể ngạc nhiên hơn khi nghe tôi nói. Bà có thể tin là tôi nói thật không ?

— Mẹ tưởng con nói đùa sao ?

Mẹ tôi lắc đầu. Tôi hiểu. Mẹ tôi không thể tưởng tượng ra nhưng đồng thời không nghĩ rằng tôi nói đùa. Mẹ tôi thần thờ nói nhỏ một mình, nhỏ như một tiếng thở dài.

— Đạp xích-lô !

Tôi nói :

— Mẹ tưởng đạp xích-lô là chuyện dễ lắm sao ? Ngày xưa hễ con cái có lười biếng học-hành thì cha mẹ dọa : « Muốn lớn lên làm thầy làm bà hay đi làm cu-li xe thì muốn ». Cu-li xe được coi như là hạng bần-cùng nhất trong xã hội. Thời bây giờ thì khác. Đỡ Tú-tài ra làm việc cho Nhà nước, làm thầy làm bà thì lương tháng được bốn năm ngàn. Đạp xích lô lương được ba chục ngàn.

— Sao dễ làm ăn vậy ?

— Không dễ đâu mẹ. Kiếm cho ra một cái xích-lô để đạp không phải là chuyện dễ.

Nghề đạp xích-lô có tiền thì số người muốn gia nhập làng đạp trở nên đông, trong khi số xe lưu hành chỉ có hạn.

— Họ có thể mua thêm xe...

— Không được đâu mẹ. Mua xe thì dễ mà xin được số xe để chạy rước khách mới là chuyện khó. Cách đây chín năm, ở Tỉnh này mỗi chiếc xích-lô có số bán giá sáu nghìn. Bây giờ thì tám mươi lăm nghìn. Con lặp lại : Tám mươi lăm nghìn.

— Tám mươi lăm nghìn ! Ai mua nổi ?

— Con biết được giá là bởi tháng trước ông Mấn ghé lại chơi có nói. Ông Mấn bỏ làng lên Ba-mê-thuật đạp xích-lô chắc mẹ biết ? Ông bị kéo cò đi quân dịch.

— Nó lớn tuổi nhiều rồi mà.

— Thế mới có chuyện tức cười. Tuổi xanh đâu gần bốn mươi rồi nhưng ông lừng khừng khai báo lộn xộn, ai nói sao cũng ừ cũng chịu, rồi cuộc giấy tờ ghi lộn đúng một Giáp, mười hai tuổi. Bị kéo cò đi quân dịch không cãi lại được mặc dù có kể lẽ rằng ông sinh năm Mẹo, hồi nhỏ...

Tôi không nhịn được, cười một tràng dài. Tôi nhớ tới hôm ông Mấn gặp tôi ngoài phố, ông kể lẽ chuyện bị bắt quân dịch, kể lẽ chuyện khiêu nại về tuổi tác. Ông nuôi thành kiến là ai cũng có ác ý như nhân viên nhà nước, không

cần nghe lời trần tình bộc bạch của đương sự mà chỉ căn cứ theo giấy tờ nên ông khản thiết bắt tôi nghe giữa phố :

— Tôi tuổi Mẹo mà. Hồi nhỏ mẹ tôi cứ hỏi : Dạ Tuấn ơi ! Tôi : Dạ. Mẹ hỏi : Tuấn mấy tuổi ? Tôi nói : Ba tuổi. Mẹ hỏi : Tuổi gì ? Tôi nói : Tuổi Mẹo. Mẹ hỏi : Con gì ? Tôi nói : Con Mèo. Mẹ hỏi : Con Mèo kêu sao ? Tôi nói : Ngao ngao... Đó rõ ràng là tôi tuổi Mẹo mà mấy ông nhà nước không tin. Họ cứ rói là Chính-phủ không biết tuổi Mẹo tuổi Sửu. Chỉ biết một ngàn chín trăm bốn mươi, một ngàn chín trăm bốn mươi chín...

Tôi chắc sự lầm lẫn do chính ông Mấn mà ra. Đến cái tên là Đoàn quan Tuấn mà khai báo lù mù thế nào với xã hóa thành ra trong thẻ kiểm-tra ghi là Trần văn Mấn. Rồi thỉnh-thoảng trong thẻ tiếp tế hay giấy mời họp nghiệp đoàn lại ghi tên là Trần văn Mấn khiến vợ ông cũng không nhận cười được. Chấp nhận một cái tên để được gọi suốt đời, một số phận để được sống an nhàn bên cạnh vợ hoặc được đùa giỡn với cái chết ngoài mặt trận... nhiều khi chỉ do một ngẫu nhiên phi lý. Thường người ta thêm tuổi để khỏi đi lính, hạ bớt tuổi để được đi học. Đoàn quan Tuấn thì làm ngược lại. May mà từ nhỏ đến giờ chưa được đi học lần nào, nếu không thì ông sẽ có hai lần ân hận.

— Nhập ngũ được nửa tháng thì ông bị thải ra vì thiếu sức khoẻ. Ông nhân vợ bán nhà bán xe ở Ban-mê-thuật để dời đô về đây làm ăn. Chiếc xích-lô ở Ban-mê-thuật bán được mười sáu ngàn. Tìm mua một chiếc ở đây thì giá đến tám mươi lăm ngàn.

Mẹ tôi hỏi :

— Bây giờ Mấn nó đi quân dịch ?

— Thả ra rồi..., con mới nói đó, bây giờ đạp xe xích-lô.

— Nó chạy đâu cho có tám mươi lăm ngàn ? Một phú-nông ở nhà quê không có nổi tám mươi lăm ngàn trong túi. Phải bán món nợ món kia mới có một số tiền to như thế. Đối với trung-nông thì số tiền đó nằm ở trên mức khả-năng.

— Ông ta thuê xe để đạp. Mỗi ngày trả tiền thuê một trăm nhưng kiếm được tám chín trăm hoặc có hôm trên một ngàn.

— Sướng thế ?

— Ngon lành lắm. Làm việc xấu xấu như vậy mà có tiền. Còn mặc áo sơ-mi trắng ngồi ở bàn giấy thì nhiều khi không có tiền trả tiền điện.

— Những bà : cha mẹ và những ông thầy giáo không còn biết dùng lý-lẽ nào để khuyến khích con mình và học trò mình chăm học nữa. Không thể đưa nghề «cu-li xe» ra để hăm dọa ai nữa.

Mẹ tôi ngồi buồn hay lục lọi hỏi tôi về những người đồng-hương chạy tản-cư ra đây họ đều làm ăn khá giả.

— Trung-úy Chương làm quận-trưởng quận Đức-trọng. Cái vi-la của anh đẹp nhất đường Hùng-Vương. Có bốn dãy nhà cho thuê.

— Khá quá hà.

— Thời dân-chủ và ở thành-phố nên không ai lưu-ý chứ làm ông quận, ngày xưa là to lắm. Quan Tri-phủ, quan Tri-huyện đó. Hồi Pháp-thuộc phải đỗ Cử-nhân Luật và phải qua một kỳ thi mới được bổ làm Tri-huyện.

— Làm quan Huyện thời xưa quyền thế lắm. Đi về các làng thì có Tổng, Xã sức dân cầm cờ đón rước. Các Chánh, phó tổng, Lý-trưởng sợ một phép. Tri-phủ Hồ-đắc Giải, tri-phủ Võ-đức Dươg cầm roi gân bò quất túi bụi vào đầu vào mặt lý-trưởng, hương-kiêm.

— Thời nay người ta không cần biểu lộ quyền-thế. Người có quyền mà cư-xử nhũn nhặn là khôn ngoan vì như vậy thì mới giữ quyền được lâu, quyền lực không nuôi nổi ai. Bỏ roi gân bò lên đầu tổng lý là vô-ích vì việc đó không đẻ ra tiền. Vi-la và ô-tô phải mua bằng tiền chứ không phải mua bằng những cái roi gân bò bỏ lên đầu tổng lý.

Mẹ tôi chăm rai :

— Con làm. Bỏ roi lên đầu thiên-hạ cũng là một cách làm tiền.

— Con cho rằng nên một tay xoa lưng những viên tổng lý đó còn tay kia thì móc túi của họ.

— Những ông tri-phủ đó còn quắc-tử quá. Vả lại lũ tổng lý ngày xưa chúng đâu có khờ ? Vì nếu khờ thì sao biết rút lót tiền để chạy một chân tổng lý ? Điều-toa sinh-sự chính là tổng lý. Ưc-hiếp cướp đoạt chính là tổng lý. Chúng ăn của dân thì nhiều mà không muốn sót bớt cho quan. Quan phải bỏ roi lên đầu để nhắc chừng chúng.

Tôi nhìn mẹ tôi, ngạc-nhiên bởi thể-cách lý-luận chân-xác bất ngờ mà tôi không đợi chờ nơi mẹ. Tôi đã lẫn trong việc nhận-định và quả mẹ tôi đã sâu sắc hơn tôi nhiều.

Phúc nó hay quần quýt theo bà ngoại. Những ngày Thuyền và tôi đi làm, Phúc thường bị con Đặng, — tên con nhỏ ở, — rầy la quát mắng luôn. Tôi biết được điều đó nhờ những bữa đi làm về bắt thường và nghe hàng xóm mách lại. Bởi một cơ nhỏ gì Phúc cũng có thể bị rầy la được. Con Đặng là một con bé chạy giặc tản cư ở nhà quê ra, mười lăm tuổi, quen được giáo dục bởi sự la mắng thường xuyên nên tôi làm sao trách nó được ? Cũng không thể trách cha nó và mẹ nó, những người ban phát giáo dục cho nó đầu tiên và thường xuyên bởi lẽ chính họ cũng đã nhận thứ giáo-dục đó từ ông bà, hồi còn thơ ấu. Khi nghèo túng và thất-học thì dù không muốn người ta cũng không tránh được nóng giận và ăn nói tục tằn. Phải đến thể-hệ của nó, có hy vọng thoát khỏi nỗi cơ-cực triền-miên thì mới mong hoán-cải được. Nhưng, khuyên nhủ rồi nó lại quên. Tật xấu đã quen từ thuở ấu thời, đã trở thành thiên-tính thứ hai của nó. Bị Đặng quát mắng luôn nên Phúc trở thành nhút nhát. Tôi lo lắng cho sự giáo dục của con. Đáng lẽ tôi phải ở cạnh nó in những ấn-tượng đầu tiên lên tâm hồn nó, những

ăn-tượng dịu dàng êm đềm mà nó nhận chịu ảnh hưởng suốt đời, thế mà tôi lại xa nó, giam mình trong phòng giấy nghiêm trang và lạnh lẽo này. Những ngày có mẹ tôi ở đây, Phúc hoạt-bát hay mách cho tôi nghe những chuyện xảy ra ở nhà.

— Măng ơi, vai (ngoại) cho Phúc ăn cà-rem.

Tôi la lớn :

— Ấy chết : mẹ đừng cho cháu ăn. Có hôm cháu đau bụng.

— Phải tập cho quen cái bụng đi. Cái gì con cũng kiêng thì khi ăn vật lạ sẽ bệnh ngay. Phải tập cho quen chịu đựng. Hồi con còn nhỏ, con ăn đủ thứ, trái ổi, trái me, kẹo bột, trái sim... thế mà có sao đâu ?

— Vai ơi, thay quần cho Phúc. Phúc té ướt quần.

Mẹ tôi nói :

— Phải như đường sá bình yên thì mẹ đem thằng Phúc về quê ở với mẹ. Nó đã lớn, bỏ bú rồi thì ở với mẹ được.

— Phải đó. Giá đường sá được yên ổn. Bây giờ thì phải đợi vài năm nữa.

— Vài năm nữa cũng chưa chắc đã yên.

Ở chơi một tuần thì mẹ bắt tôi dẫn ra Tân-bình thăm ông Cửu-Phùng. Ông Cửu-Phùng cũng người ngoài quê chạy tản cư vào đây ở chung với con là anh Tiêm. Anh Tiêm gia-nhập địa-phương quân để tránh đi quân dịch. Nhận quân-trang quân dụng được hai tháng, chưa kịp tập luyện, chưa biết bò trườn tháo súng lắp súng ra sao thì lật đật mắc bệnh phong ngứa, mặt và cổ nổi đầy mụn đỏ. Năm quân-y viện ba tháng bác sĩ chữa chẳng những không dứt mà lại còn có mồi nặng thêm. Anh đồ tại bữa cơm nào cũng có thịt bò. Ra hội-đồng giám định y-khoa và được thải về làm dân. Anh bực tiền đi Saigon tìm sư-cụ chùa Phở Quang xin uống thuốc Bắc. Trong thang thuốc nghe có đủ những món độc : con rết, bọ cạp, cắc kè, thằn lằn rắn mỗi gì đó. Tắm hằng ngày bằng nước nấu với lá bàng. Ấy thế mà một tháng sau đã khỏi bệnh. Bây giờ thì anh thuê một căn nhà nhỏ để mở hiệu may.

Mẹ tôi gặp ông Cửu mà không nhận diện ra được. Bởi vì ông đã cạo bỏ bộ râu. Ở nhà quê ông phải nuôi dưỡng một bộ râu bề bộn để cán bộ xã chề-già không bắt-làm công tác. Anh Tiêm thấy tôi mừng rỡ, bỏ thuốc bỏ kéo chạy ra.

— Chị mới qua chơi. Chào Bác, Bác vô hồi nào ?

— Vô được một tuần nay. Ông Cửu đâu ?

— Dạ, ba cháu kia.

Ông Cửu mang gương đang tháo chỉ một cái áo kaki màu phân ngựa. Ông ngừng mặt lên :

A, chị...

— Căn nhà lợp tôn, hơi nắng hừng hực trên đầu. Chị Tiêm ngồi đơm khuy áo vội vã đứng dậy dọn dẹp bộ ván để có chỗ ngồi.

— Bộ ván này của chủ nhà cho mượn. Bọn con chạy, bỏ hết đồ đạc ngoài đó, — lời anh Tiêm.

— Miễn chạy thoát thân được là mừng, — mẹ tôi trả lời.

Căn nhà hẹp quá, không đủ đất để chứa một cái hiên. Mở cửa ra là đường cái. Chung vách với hai căn bên cạnh nên không có cửa sổ.

— Nóng quá không chịu nổi, — ông Cửu nói. Mà lại chật chội nữa nên mới càng nóng hơn. Ở ngoài mình đất rộng, muốn đi lên đi xuống, đi ngang đi dọc, đi cách nào cũng được. Ở đây chật, đi lại lúng ta lúng túng như ở trên một chiếc sông.

Tôi hỏi anh Tiêm về công chuyện làm ăn. Anh nói chuyện môn sử quần áo cho lính, hết lính Cộng hòa đến lính Đại-hàn.

— Anh nói với họ bằng tiếng gì ?

— Cứ ra dấu. Hẹp bớt một chút. Rộng thêm một chút. Dài thêm một chút. Ngắn bớt một chút. Đạt-khái cứ quanh quẩn có mấy dấu hiệu cụ thể đó.

— Sao không nhờ Bác viết chữ Nho ?

Ông Cửu đang nói gì với mẹ tôi, chợt quay sang :

— Tôi có viết nhưng có nhiều người lính không đọc được. Tội nó vẽ những cái dấu gì lạ lắm, không ra chữ Nho.

— Quốc ngữ của họ đó.

Anh Tiêm trình bày cho mẹ tôi nghe về tình hình lân lý trong xóm. Hầu hết là người di-cư hoặc là cựu binh sĩ hoặc là thương binh. Làng giềng bên tay mặt là ông Tuyết Nhung, trung sĩ giải ngũ. Trước khi vào lính, ông Tuyết Nhung làm thợ bánh ngọt. Bây giờ thì ông làm đủ nghề. Thầu giặt ủi cho Trung tâm huấn luyện cán bộ xây dựng nông thôn. Buôn đồ hộp của Mỹ. Đại diện xưởng trà Đỗ Văn ở Bảo-lộc. Một tháng trước Tết Trung-thu, ông lên máy bay đi Chợ-lớn đứng làm làm bánh Trung thu cho hiệu Siêu-hưng-Viên, làm ròng rã một tháng rồi mới về. Vé máy bay khứ hồi đều do chủ tiệm cung cấp. Thật là nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

— Bà Tuyết Nhung tử tế lắm, — chị Tiêm nói. Cứ năm, mười bữa nhà có nấu món gì ngon là bới sốt đem sang biếu. Làm em cũng phải nấu nướng biếu xén trở lại. Có đi có lại thì tình bà con hàng xóm thêm thân mật, nhưng mà cũng cực cho em. Mình mới vô đây chân ướt chân ráo làm ăn chưa có đồng tiền dư. Cái gì cũng phải mua sắm hết, từ cái chum cái gàu, chiếc chiếu cái giường cho chí cái rế cái chổi.

— Đồ may có nhiều...

— Dạ, đồ may thì có khá lắm. Nhiều bữa may không kịp. Nhà em đứng cắt rã chân, chú phụ may cả ngày còn em thì đem khuy có bữa đến mười hai giờ khuya. Ông nội trẻ nhỏ thì tháo chỉ những món đồ sửa.

— Thế mà vẫn chưa khá ?

— Dạ tại đồ ăn đồ uống đắt đỏ quá.

— Bên này ngoại-ô thì đồ ăn chắc phải rẻ hơn ở bên phố.

— Không có đâu chị. Có bao nhiêu đồ ngon họ vơ vét đem qua bên phố hết. Khi phải cạnh tranh với hàng ở trên nhà quê đem xuống thì họ bán đồ bán tháo, giá có thể rẻ hơn ở bên này nữa. Bên này chỉ mua rẻ khi món ăn đã thiu đã úng bên phố không ai thèm ai rờ tới.

— Ông Cử quay lại tôi :

— Đời sống đắt đỏ quá chịu không thấu. Hai ngàn đồng một chục xoài thì mình chỉ có nước nhịn. Tụi Đại-hàn đưa đồ sữa mà trả giá cũng kẹo lắm. Mấy anh thông ngôn thì cứ la mình : Đừng tính giá mắc quá. Đừng nói mắc quá, tụi nó không bằng lòng. Tôi viết mấy chữ Nho đưa cho tụi nó coi ‘Đại-hàn dữ Việt-nam thì đồng văn đồng chủng. Phùng y chi giá bất cao’.

— Là cái gì vậy Bác ?

— Ý nói Đại-hàn và Việt-nam cùng văn hóa cùng chủng tộc. Giá tiền may áo không cao.

— Rồi tụi nó nói sao ?

— Nó cười hề hề mà không chịu trả thêm tiền.

— Sao Bác không nghĩ làm những bài thơ Đường-luật bằng chữ nho đề xướng họa với họ ? Ngày xưa vua Trung-quốc vẫn thường ra đề thi đề Trạng An-nam và Trạng Cao ly tranh tài mà. Có lẽ làm thơ nói về gió trăng, sầu cổ hương, tình gia-nội... sẽ làm cho họ có cảm tình với tiệm may Thành... Thành gì anh Tiêm ?

— Thành-Đạt.

— ... với tiệm may Thành-Đạt này hơn. Đó là một lối quảng-cáo. Ra kinh doanh thì phải quảng cáo, quảng cáo bằng mọi cách. Ở Âu Mỹ quy-luật kinh doanh ghi rằng phải chi tiêu vào khoản quảng cáo độ mười phần trăm tổng số tiền lãi.

Ông Cử cười :

— Mình đâu có nhiều chữ nghĩa đề làm thơ ? Lo tháo chỉ quần Đại-hàn bắt mỗi con mắt.

Quan niệm về sự quảng cáo, tôi nói ra một cách thành thật nhưng tôi sợ ông Cử có thể phật-ý. Chúng ta sống trong một thời đại mà mọi việc lớn nhỏ đều phải được quảng cáo thành ra ta đã xem sự quảng cáo như một công-thức không-thể-thiếu-được trong cuộc sống. Bắt đầu là mấy xe bán cao đơn hoàn tán mở máy nói oang oang ở những góc chợ. Đến quảng cáo thuốc mọc tóc mọc lông, xé tàn nhang, nở nhũ hoa. Trường học cũng phải quảng cáo : học trò thi không đậu thì trường không nhận học phí cũng như thầy

bói đã từng hứa : nếu đoán không đúng thì xin không nhận thù-kim. Văn-chương thì quảng cáo rằng : đây là tờ báo, là cuốn sách, là tập thơ, là bản nhạc được hoan nghênh nhất, số in nhiều nhất, được tác giả ưng ý nhất.. Thậm chí đến cương-vị một nước mà nước nào cũng phải nịnh miệng quảng-cáo cho chính-sách của nước mình. Ông Cửu bực không thể hiểu tầm mức quan trọng và tính-chất lộ-liếu của sự quảng-cáo trong đời sống văn-minh hiện tại. Tôi tìm cách lái câu chuyện sang một đề-mục khác thì mẹ tôi hỏi ông Cửu :

— Anh có định về ngoài quê thăm ít bữa không ?

— Thôi, chị. Đi đúng tốn kém. Nhà cửa bị bom nát tan hoang ngoài đó, còn gì nữa mà thăm. Tu-bồ thì không có tiền. Trông trúng cái số độc đắc mà đợi hoài không thấy trúng.

— Anh có mua giấy số sêo mà mong trúng ?

— Kỳ nào cũng nhớ mua hai vé.

Trông mong làm giàu bằng vé số kiến-thiết ! Tôi nhớ tôi có được nghe, do miệng ông Cửu hay do một người quen nào đó, về phong-trào mua vé số kiến-thiết ở ngoài quê tôi. Một người ở miệt Xuân-lãnh trúng một trăm ngàn. Tin đồn vang khắp quận, lan ra các quận lân cận. Tiếp tới một người ở An-nghiệp trúng một trăm ngàn. Không một khó khăn nào hết, không một nỗ-lực nào hết, với vé số kiến-thiết người ta có thể làm giàu một cách dễ dàng. Nhiều người nghĩ rằng trường-hợp trúng số đó sẽ lặp lại và tại sao lần sau lại không phải là mình ? Ai cũng nuôi hy-vọng và do đó vé số gửi về quận bán không đủ, phải nhờ người quen đi Tuy-hòa mua giùm với giá chợ đen. Người nhà quê vốn dĩ có ít tiền mà lại dư nhiều thì gì nên việc mua một tờ giấy số kiến-thiết được chuẩn-bị chu-đáo, nghiên-cứu kỹ-lưỡng, được quan-trọng hóa đặc-biệt bằng những lời đoán căn-cứ theo những giấc chiêm-bao, những điềm-triệu vắn vơ tửn mồn. Nhưng mua đến cái vé số thứ tám thứ chín thì nhiều người đuối sức. Họ phải rủ nhau hùn tiền mua chung, hai người một vé, rồi ba, bốn người một vé. Thần tài đã rời bỏ quận Tuy-An và quận Đồng-Xuân, đi tìm về một quận khác của tỉnh An-Giang, ở tỉnh Tuyên-đức để quảng-cáo cho chương-trình xổ số kiến-thiết. Ông Cửu đã vào Tân-bình nhưng quả tình ông vẫn còn giữ được niềm tin ngây thơ nơi Thần Tài như những ngày còn ở nhà quê.

Câu chuyện đang vui-vẻ thì con Thu, con gái lớn của anh Tiêm chạy chơi bị vấp té. Nó khóc rùm nhà lên, tưởng chừng cái thề-tích nhỏ bé của căn nhà bị đầy nghẹt toàn những tiếng khóc. Tôi chạy lại bế Thu lên và chị Tiêm đi tìm lọ dầu. Tìm ở bộ ván, ở kẹt cửa, ở bàn máy may, ở cái bàn nước.

— Lạ kỳ. Cái ve dầu khuy nh-diệp mới đề đây.

Ông Cửu nói to :

— Kiểm ở dưới chân con ngựa coi, tao thấy tui bay hay nằm thò tay xuống nhét dưới đó.

— Con kiểm rồi. Không có.

Thư tiếp-tục khóc, khóc to, khóc kéo dài, có vẻ không phải vì thành-thật bị đau mà vì muốn làm nũng. Anh Tiêm có kinh-nghiệm về nó nên nạt lên :

— Im miệng. Tao đánh liền bây giờ. Cô Năm và Ba đây là bà con chó không phải là khách lạ, nghe chưa ? Câm miệng liền.

— Tôi bế nó đi lại phía cái bàn thờ nhỏ, hy-vọng tìm thấy lọ dầu nơi đó, hoặc bắt gặp một trái mận, một trái ổi để ăn-ủi nó.

Một cặp đèn thờ bằng đồng, chắc là mang ở nhà quê ra. Một cái nắp bình thủy lật ngửa đựng đầy gạo trong cấm một rùng chân hương. Một quả đu đủ đặt trong cái đĩa, đã chín hươm làm con Thư nhìn không chớp mắt. Một tấm bìa lịch cũ dựng nghiêng ở giữa ghế và sát vách, trên có dán tờ giấy trắng biên nhiều chữ Nho.

Anh Tiêm tìm được lọ dầu, lại đứng cạnh tôi và xoa dầu lên trán con. Tôi chỉ tờ giấy biên chữ Nho và hỏi nhỏ anh :

— Bài vị của Thần nào đó, Anh Tiêm ?

Anh nói thì-thầm :

— Của Thần-Tài xò số kiến-thiết,

Thấy tôi ngần ngơ không hiểu, anh nói thêm :

— Sáng kiến của ông cụ tôi đó, Đem từ nhà quê ra. Ở ngoài quê, các ông cụ đều chia nhau chép một bản thỉnh-nguyện như vậy đặt ở bàn thờ để đạo-đặt lên ông Thần Tài. Đêm nào cũng thắp hương vái.

— Anh đọc được hết số chữ Nho đó không ? Tôi thì chỉ biết lỏng lỏng có mấy chữ.

— Tôi có hỏi ông già nên tôi đọc được.

— A-lê, đọc lên.

Tôi dùng giọng đùa cợt để anh Tiêm thêm hăng hái. Anh vừa ngó chừng ông cụ vừa chỉ một ngón tay lên từng chữ vừa đọc nhỏ nhỏ :

— Nguyên-cầu Ngọc-hoàng Thượng-đế. Đại Thiên-tôn tịnh (tịnh nghĩa là và, — anh Tiêm ngó lên tôi giải-thích) Hoàng-thiên Hậu-thờ. Ngũ hành : Kim mộc thủy hỏa thổ. Ngũ kỳ : Gia, môn, hộ, tinh, táo. Thần Lục-đỉnh Lục-giáp. Thập vị Thần số kiến-thiết 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 Đồng phù-hộ Trúng số Độc-đắc nhất triệu nguyên. Nguyên mỗi nhật nhật bán dạ tam canh Thần Tài kiến-thiết linh-cảm ứng báo mộng thi-hành.

Bính-ngọ niên thập nguyệt sơ nhị nhật nguyên cầu.

Tôi hỏi :

— Ý nghĩa làm sao, anh ?

— Chị thấy đó, dễ mà. Đại khái cầu-nguyện ngọc-hoàng Thượng-đế, Hoàng-thiên Hậu-thờ, Ngũ hành Kim mộc thủy hỏa thổ, thần Lục-đỉnh Lục-giáp, các vị Thần trong đó có mười vị Thần số Kiến-thiết là 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

— Đây ý hân là ông Thần thuộc Đợt sống mới.

— Có lẽ, — anh Tiêm che miệng cười. Xin hết cả các vị Thần đó phù-hộ trúng số độc đắc một triệu đồng.

— Bây giờ số độc đắc lên hai triệu đồng rồi.

— Ông cụ chưa kịp sửa.

— Ông cụ không hứa sẽ lễ tạ gì nếu Thần cho trúng số độc đắc thật. Tôi có ông cậu cũng ham đánh số kiến-thiết lắm. Ông cậu tôi cần-thận hơn, van vái xin Thần cho ông trúng số độc đắc và ông sẽ cúng heo, bò và trăm trà hoa quả. Tôi chắc ông Thần không chịu đâu. Món cúng đáng giá không tới mười lăm ngàn trong khi ông Thần cho lợi một triệu. Vả lại mười lăm ngàn phẩm-vật cúng đó, thật ra đâu có mất ? Sắm ra, đem đặt lên bàn rồi dọn xuống ăn. Chả mất mác chút nào hết. Tôi nghĩ rằng người ta van vái theo thói quen chứ không tin ở kết quả bao nhiêu. Cũng như khi làm kiến nghị vậy. Đó chỉ là một hình thức không-thề-không-có.

— Ông cụ tôi thì tin khá mạnh. Cứ vài ngày là hứa sẽ mua cho đứa này cái này mua cho đứa kia cái kia nếu nay mai trúng số độc đắc. Con Thư sẽ có một con búp bê nhắm mắt mở mắt được. Nhà tôi sẽ được cụ mua tặng một bộ lò nấu bằng «ga» để khỏi bại tay vì chẻ củi.

— Còn anh ?

— Một cái xe Honda nhà binh 30cc sơn đỏ.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

sorbitol delalande



BỔ DƯỠNG GAN MẬT BIỀU HÒA TIÊU HÓA

khiến mọi người vui vẻ yêu đời

VIỆN BẢO CHẾ DELALANDE PHÁP QUỐC

Có bán tại các nhà thuốc tây

KN 915 BYT. QCDP — 23-7-64

Lá thư CAMBRIDGE

(Xin xem BK. TĐ. từ số 258)

— Hôm nay thì giờ rảnh, lại viết thăm anh, kể tiếp chuyện đông-dài. Và đây Cambridge..., hiện tại và quá-khứ.

Vì bản-tính cũng như nghề-nghiệp, tôi rất ham cuộc sống phiêu lưu, nay đây mai đó. Đề không thể phủ nhận Cambridge là một trong số các đô thị được biết, có một sắc-thái đặc biệt, khung cảnh chung trầm lặng mà vẫn không kém phần náo nhiệt. Một thứ náo nhiệt có kỷ-cương, tùy khu, tùy xóm. Trung tâm thành-phố, với các tiệm buôn, ngân-hàng, tửu-quán, cao-lâu, còn thì chỉ toàn là các trường học, giảng đường, bảo viện, phòng thí nghiệm... và các thánh-đường, thăm cỏ, chiếu hoa, sân thể thao, trường vận động... Nói tóm lại, rất nên thơ, dung hòa kim cổ ; phong nhã một cách rất thanh-niên, mà khi vui nhộn cũng vẫn thật điều phong nhã...

Giống như Oxford, Cambridge được nhiều ý-nghĩa, ngay từ cái tên của các nhà mặc khách tiền nhân để lại.

Oxford do hai chữ *ox* và *ford*. *Ox* là con bò ; *ford* là dòng sông nơi mà khi nước cạn, người có thể lội qua, khiến các chàng mục tử thi đua chần bò và cừu ra để tắm hay cho uống nước.

Còn Cambridge là do hai chữ *Cam* và *bridge*. *Cam* là tên dòng sông ; *bridge* là chiếc cầu lớn bắc ngang. Tại nơi này, thời trung cổ, dòng sông *Cam* là phương tiện giao-thông độc nhất để vận tải hàng hóa : dân-cư họp nhau có định-kỳ trên bờ sông, khoảng đất từ chiếc cối xay lúa có cánh quạt to màu nâu in nổi trên nền trời xanh cho tới chiếc cầu lớn nhất bắc ngang dòng nước biếc, để nhận hàng chở đến, và trao hàng sẽ gửi đi...

Từ thế kỷ thứ 12, các thương-gia

không những ở Anh, mà còn từ các chân trời xa lạ, tới Cambridge hội họp và hoạt động. Các tu sĩ tới lui du thuyết. Các thánh đường được thành lập. Các học-giả gặp nhau, đề trao đổi ý-kiến, đề trao đổi tư-tưởng, rồi sốt sắng giảng dạy cho cho các môn sinh thi đua học tập. Các học-đường được xây cất, đại cường theo đà phát triển như ở Oxford.

Trong một thời gian khá dài lâu, hai giới học giả và thương-gia, hữu ý vô tình, đối với nhau có kém phần thuận thảo. Các phú ông không dám coi khinh, nhưng nhận thấy học giả đôi khi thật « viển vông, viển vọng » nói chuyện toàn « dưới biển trên trời ». Đã vậy, còn rất nghèo tiền bạc ! Về phần các học-giả ngược lại, không quên các phú ông thường chỉ giàu bạc tiền, nhưng lại kém sung-túc về văn chương, tư tưởng... Nhưng rồi sau, hai giới cũng cảm-thông, cộng tác với nhau, khiến đô-thị Cambridge mỗi

ngày thêm phồn thịnh. Phồn-thịnh mà vẫn bảo tồn được tính cách văn-nhân, thật dung hòa, tế nhị. Nhiều hay ít, ai nấy đều hiểu rằng : một xã-hội chỉ sống với văn chương, bằng lý thuyết, tất nhiên sẽ thiếu thực-tế. Còn hoàn toàn ngược lại, cuộc đời sẽ trở nên quá tầm thường vì kém vẻ thanh tao.

Nhận chân sự thực hiển nhiên kia, người dân Cambridge sống đời xã hội, thật ôn hòa, kính trên, nhường dưới. Giới trí thức không có quyền, nhưng có nhiều ảnh hưởng ; nhất là có tuổi lại càng được chiều chuộng, nể vì... Được bầu hay cử làm Giám-đốc (Master) một trường đại học (College) tại Cambridge, là một vinh dự vô song, không phải chỉ đối riêng với giới mặc-khách, mà còn trước toàn thể dư-luận, nghĩa là đủ mọi tầng lớp xã-hội. Nhà chánh-trị kiêm học-giả Butler đã từng sung chức Tổng-trưởng Nội-vụ, Tổng - trưởng Tài - chánh, đã từng được làm Thủ-tướng Anh, thế mà kiêu hãnh của ông ngày nay lại « chỉ » là chức vụ Master của Trinity College. Lẽ dĩ nhiên trường này lớn nhất, danh tiếng nhất Cambridge. (Đông cung thái tử Charles nhập học kỳ tựu-trường tháng 10-1967. Chúng ta sẽ có dịp viếng thăm tường tận).

Tiếng Anh, *Town* nghĩa là đô-thị ; « *Gown* », chiếc « áo văn-nhân » màu đen, của các giáo sư và sinh viên đã tốt nghiệp. Đề diễn tả ý kiến hai giới kinh-tài mặc-khách, thương-mại văn-nhân, cảm thông nhau, các cuốn sách về Cambridge thường ca ngợi đại-ý như sau : « Những tư-tưởng bất đồng ngày nay đều thuộc về dĩ-vãng. Cơ-quan hàng tỉnh và người dân thành phố cùng với các văn-nhân học-giả, đã chung sức bắt tay làm việc ích-lợi chung » (Unfriendly

differences of opinion are now things of the past, and « Town and Gown » work together for the common good..)

Trên đây, có nói tới Cambridge nên thơ. Nên thơ ngay từ cái tên Cambridge, và các tên phố, tên đường, hăng hà sa số. Du khách chỉ tìm đường rồi đọc tên, cũng một đôi khi khả dĩ hiểu qua được địa-dư, vị-trí, quá-khứ, hiện-tại... Đường xá sạch sẽ, không một chút rác rưởi, vì đã có các thùng bày theo dọc lộ, chờ đón những giấy tờ hay những đồ dùng nhỏ, mà khách bộ hành không cần tới sẽ bỏ vào đó. Và các tấm biển nhỏ, kín đáo, yêu cầu, nhắc nhở, ai nấy « vì quyền lợi chung và lòng yêu mỹ thuật », hãy cố gắng góp phần cho thành phố được vệ sinh, ngăn nắp. Trừ nơi trung-tâm thành-phố thương-mại sầm-uất, còn thì thông-lệ là ngay bên vỉa hè, hay lẫn theo giải đường đi nhỏ, phải có làn cỏ tư-hữu, xanh rờn bao phủ.

Chúng ta nên nhớ người Anh bản-tính rất ưa cỏ, cây, hoa, lá. Bất cứ một người Anh nào, dù thanh bạch đến đâu cũng cố gắng sao cho có được một thửa vườn cỏ, dăm chiếc bồn cây, nếu không đằng trước thì đằng sau nhà, mà nếu đằng trước đằng sau nhà không được, thì cũng đành ngậm ngùi ở ngay trong phòng khách, hay nơi cửa sổ. Phải nhìn người Anh, khi ngày nghỉ, mang máy cắt cỏ ra làm việc hay săn sóc mấy chậu hoa, cây cảnh, một cách say sưa, mới hiểu được phần nào...

Về phần các đường phố, ngoài tên các văn-sĩ, vĩ nhân, các vị thánh-hiền, quân tử, các bậc tiên đế, tiên vương .., còn biết bao nhiêu tên khác, mà ta ít thấy ở một nơi nào khác. Hill Avenue, chắc phải là đường lên đồi, hay gần đồi và ngọn đồi hãy còn, hay không còn nữa.., Honey Road, chắc trước kia có cây cao

bóng cả, và cô mặt ong. Fulbrooke Road không gì ngoài ý-niệm gần đó có giòng nước chảy, nhỏ, trong, và mát. Hartington Grove, gần một khoảnh rừng xinh mát. Mill End Close, Mill End Road, Mill Lane Mill Street..., tất nhiên trước kia phải có cối xay lúa mì, đường đi lớn hay nhỏ, có cỏ mọc, gạch lát, hay nhựa giải, và ngõ cụt hay còn có thể thông tới một nơi nào khác... Maids Causeway, chắc trước kia phải có đường đi « lát gạch bát-tràng », bóng cây râm mát để các thiếu-nữ dạo chơi. Midsummer Common, nơi bờ sông, thửa đất công với bãi cỏ thênh-thang, dân chúng tới nơi hứng gió giải nồng giữa mùa hè... Và còn biết bao nhiêu trường hợp tương tự nữa...

Ngay trung tâm thành phố, sầm-uất, phồn-hoa, cửa cao, nhà rộng, bỗng đứng như lạc từ một tiên cảnh nào tới nơi hạ giới, bên hông một thánh-đường trang nghiêm không xa bến xe đò phàm tục, là một chiếc lầu mái gỗ thô-sơ, với những chiếc ghế dài giản-dị. Xung quanh là ánh sáng mặt trời êm dịu đã lọc qua hoa, lá... Du-khách không thể làm ngờ trước những giòng chữ tâm-tĩnh nồng-nhiệt, đại-ý như sau : « Đây là chiếc lầu do mỹ-ý hảo-tâm của một số tín-hữu : thân-mến mời quý-vị mệt-mỏi hãy dừng bước nghỉ chân... »

Từ trên phi-cơ nhìn xuống, hay coi tấm bản đồ có tô màu, hoặc ngao-du ở trong hay ven thành-phố, ta phải ngạc-nhiên về kiến-trúc chung của đô-thị Cambridge. Có địa-diềm thật náo-nhiệt, sầm-uất, mà chỉ ngay gần cạnh, là đã thấy xuất-hiện những thảm cỏ xanh rờn, bát ngát... Cỏ lẫn-tẩn, đều-đặn, tựa như rêu, mà không phải là rêu ; có thể đánh vọt, đá cầu, ngồi sưởi nắng, nằm hóng

mát, ngắm chuyện đời, thật là thú vị... Thảm cỏ mênh-mông có thể là công-cộng, ai nấy đều được quyền thông-thả tới lui, xử dụng hay thưởng-thức ; mà cũng có thể là riêng của trường học (College), thoát trông chẳng khác nào nơi ngự-uyên, với những lâu-đài cồ-kính...

Nói đến vườn hoa, thảm cỏ của nhà trường (college), phải công-nhận đó là một kỳ-công tuyệt-tác. Bát-ngát mênh-mông, và một toán lao-công ngày ngày chỉ biết có chuyên lo cắt cỏ, sửa cây, nhặt rác. Một người ngồi trên xe điều-khiển máy, cắt cỏ lần lượt từng hàng. Mỗi lần « khứ hồi » cắt hết một hàng cỏ, là chiếc máy lại phun nhả ra một góc. Một người khác mang cỏ vụn đó đựng trong bao tải. Một người khác nữa mang xe đến chở đi. Có thể chỉ là dọn dẹp cho quang - đãng, mà cũng có thể là còn để dành làm phân bón, hay nuôi bò, ngựa, khi mùa đông, gió táp, mưa sa, tuyết phủ.

Không biết năm, sáu, bảy, tám trăm năm trước ra sao ? Vì thời đó còn thấp đèn dầu, đèn đất ? Nhưng nay, mặc dù dùng hơi điện, mà bóng đèn lại ẩn sau tấm kính lồng trong những chiếc khung bằng sắt, bằng đồng, thoát trông tưởng chừng như những « đèn dầu lạc » nơi sáng chói, nơi le lói, tùy chỗ, tùy giờ...

Những tấm biển nhỏ xinh, yêu cầu du khách đừng dẫm chân lên thảm cỏ, lời lẽ thật lễ độ, ý-nghị. Những bản bố-cáo lưu ý ai nấy không nên quá ồn ào huyên náo, thảo bằng một thể-văn đặc biệt, có đượm một phần nào kiểu cách nhưng thật tâm-lý và « tình-tứ » ! Du khách dù vô tri đến đâu, cũng không nỡ làm điều trái ý...

Chúng ta hãy đưa một vài dẫn chứng. Tại King's College và Trini y College, có những bản bố cáo mà đại ý có thể tìm thấy ở bất cứ một trường nào khác ở Cambridge. :

« ... The College is private property to which the public is admitted by courtesy : People live and study here. Please, therefore, honour the above requests. » Hay : « Visitors are asked to respect the privilege of those living in the College and to avoid creating noise and disturbance. »

Có thể tạm dịch : « Trường học là tư hữu tài sản : Các vị được phép viếng thăm là do lòng hiếu khách của nhà trường. Nơi đây có nhiều người ở và học. Vì vậy tha thiết yêu cầu quý vị hãy thỏa-mãn những thỉnh-nguyện trên. » Và ...yêu cầu du khách hãy tôn trọng các đặc-ân dành cho những ai lưu trú ở trường này. Xin đừng làm huyên-náo và làm mất trật tự. »

Những bản bố-cáo làm ta liên tưởng tới những bản bố-cáo khác, tại một tòa lâu-đài lịch sử, ở gần tỉnh-ly Caen, bên Pháp. Ban bảo-tu lâu đài ngăn cấm du - khách viết tên lên tường, lưu niệm. Điều đó rất dễ hiểu và hợp lý. Nhưng trên tường, ở những nơi tương đối khuất nẻo, vẫn thấy nhiều tên du-khách, viết bằng vôi, phấn, sơn, mực, đôi khi khác còn đục sâu bằng dao, kéo. Bản bố cáo như sau : « Chỉ những kẻ ngu xuẩn mới ghi tên lên tường, » (Seuls les imbéciles inscrivent leur nom sur les murs du château). Và tôi tự đã hỏi : Tại vì du khách quá sỗ sàng sàm sỡ, nên ban bảo-tu đã nặng lời khiển trách ? Hay tại vì ban bảo-tu thiếu tế-nhị, khiến một số du khách phật lòng, phản ứng, cứ ghi tên?...

Chúng ta trở lại với các trường (Colle-

ges) Cambridge. Du khách tới thăm viếng rất đông, ai nấy đều tôn trọng kỷ-luật, trật tự, không làm điều trái với lời bố cáo. Không những vậy, nơi nhà nguyện trong trường, du khách còn tự động tặng tiền, cầu phước.

Muốn tiếp xúc với một nhân viên nhà trường, phải hẹn trước. Khi tới, lễ dĩ nhiên nhận chuông, gọi cửa. Có nhiều trường hợp, viết « nhận chuông » như vậy không đúng với sự thực. Vì mặc dù chuông điện, nhưng lại có dây bằng sắt màu đen, kéo như chuông tay, để giữ vẻ cổ-kính cho tòa nhà khả-ái...

Nhà trường có quy-chế tài-chánh tự-trị. Có nhiều nhà mạnh-thường-quân, cựu sinh viên đã thành tài, gửi tặng tiền, có khi tới hàng trăm ngàn bảng Anh, (mỗi bảng Anh trị-giá lối 3 Mỹ-Kim) : Vì vậy nhà trường có những nguồn lợi riêng, đặc-biệt. Tổng số chi hàng năm cho một college có thể từ 500.000 tới nửa triệu bảng Anh, mà nhà trường vẫn không hề « bi-cực ». Một lần có một College cần trùng-tu thư-viện. Ban giám-đốc kêu gọi các nhà hảo-tâm để thực-hiện ngân-khoản 100.000 bảng. Chưa 3 tháng đã thu góp được một nửa số cần dùng.

Sự- kiện như vậy chứng tỏ nhiều ý-nghĩa. Trước hết, có nhiều nhà mạnh-thường-quân, lúc nào cũng say-sưa khuyến-khích văn-hóa, ủng-hộ nhân-tài, sốt-sắng góp phần đào-tạo mầm non cho đất nước. (Ngoài tiền bạc còn có người gửi tặng nhà trường những bộ đồ sứ cổ, những cuốn sách xưa, những di-cảo cũ của những văn-sĩ thời-danh đã qua đời...) Thứ, là ban giám-đốc, giới văn-nhân, được quốc-dân tín-nhiệm. Vì với những công-cuộc lớn lao như vậy, cần phải « chọn mặt » mới khả-di « gửi vàng » ! Biết bao nhiêu công tác lớn

được thực hiện, từ qua bao thế hệ, mà tình chưa có một vụ « lộn xộn » nào, đã xảy ra...

Muốn được theo học tại Cambridge University, phải được một College thu-nhận, nghĩa là quy-chế cũng tương tự như ở Oxford. Thí-sinh phải có bằng GCE (General certificate of education), tương đương với tú-tái toàn-phần Pháp, số điểm từ bao nhiêu trở lên, và thông lệ là sau một kỳ « vấn đáp », tiếng Anh kêu là « phỏng vấn » (interview).

Đô-thị Cambridge có hơn 100.000 dân, nghĩa là một phần hai mươi (1/20) dân số Saigon-Cholon hiện tại, một phần nửa (1/2) dân số Hà-nội trước chiến tranh. Ấy thế mà Cambridge có nhiều tiệm buôn rất lớn vào cỡ cả thương xá TAX Saigon vì khách hàng không phải chỉ ở ngay đô-thị, mà còn từ các nơi lân cận tới.

Trong niên học du khách đi ngoài đường phố, gặp khoảng trên 10 người thì trong số tất nhiên phải có một sinh viên. Vì tổng số sinh viên Cambridge lối 10.000 : khoảng trên 8000 sinh viên « tại chức » (undergraduate) và còn 2000 « lão sinh viên » nghĩa là đã tốt nghiệp, nhưng còn tiếp tục học thêm hay khảo cứu, tiếng Anh kêu là graduate. Tổng số giáo sư, giảng sư... khoảng trên 500, nghĩa là cũng tương đương như ở Oxford.

[[Sinh viên Oxford Cambridge, một khi tốt-nghiệp, kêu là Bachelor of Arts. Tại London và các nơi khác, Bachelor of Arts xong, phải học thêm 3 năm, thi đậu, mới được mang danh dự Master of Arts. Riêng ở Oxford / Cambridge, đậu Bachelor of Arts ba bốn năm sau, chỉ việc ghi tên, nộp lệ-phí, là được mang danh dự Master of Arts. Còn nếu muốn mang

danh dự P h. D (Philosophy Degree = bác sĩ, tiến sĩ), phải học thêm, khảo- cứu, và đệ trình luận-án.

Một người bạn Anh nói với tôi : văn-bằng, do trường Đại-học Oxford hay Cambridge cấp, thật giá-trị. Có lần hai thí sinh có văn bằng giống nhau, cùng kiếm việc làm. Thí sinh tốt nghiệp tại London ưu hạng ; thí sinh tốt nghiệp tại Cambridge bình thường. Ấy thế mà sau khi « phỏng vấn », thí sinh tốt nghiệp tại Cambridge lại được tuyển dụng.

Cambridge University có tới 30 Colleges (1) Có College nhỏ như Corpus Christi với chừng 200 sinh viên, College lớn như Trinity với khoảng 800 sinh viên. Chúng ta sẽ viếng thăm hai trường học điển-hình này.

(còn nữa)

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

(1) Danh sách các Colleges tại Cambridge University theo thứ tự thời gian : Nam sinh viên : Peterhouse 1284 ; Clare 1338, Pembroke 1347, Gonville and Caius 1348/1557, Trinity Hall 1350, Corpus Christi 1352, King's 1400, Queen's 1448, St Catherine's 1473, Jesus 1496, Christ's 1505, St John's 1511, Magdelene 1542, Trinity 1546, Emmanuel 1584, Sidney Sussex 1596, Downing 1800, Ridley Hall 1879, Westcott House 1881, Selwyn 1882, Fitzwilliam House 1887, St Edmund House 1896, Westminster College 1899, Cheshunt College 1905, Wesley House 1921, Churchill College 1959. Nữ sinh viên : Girton College (Hitchin) 1869, Newham College 1871, Girton College (Cambridge) 1872, New Hall 1954.

VÂN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie

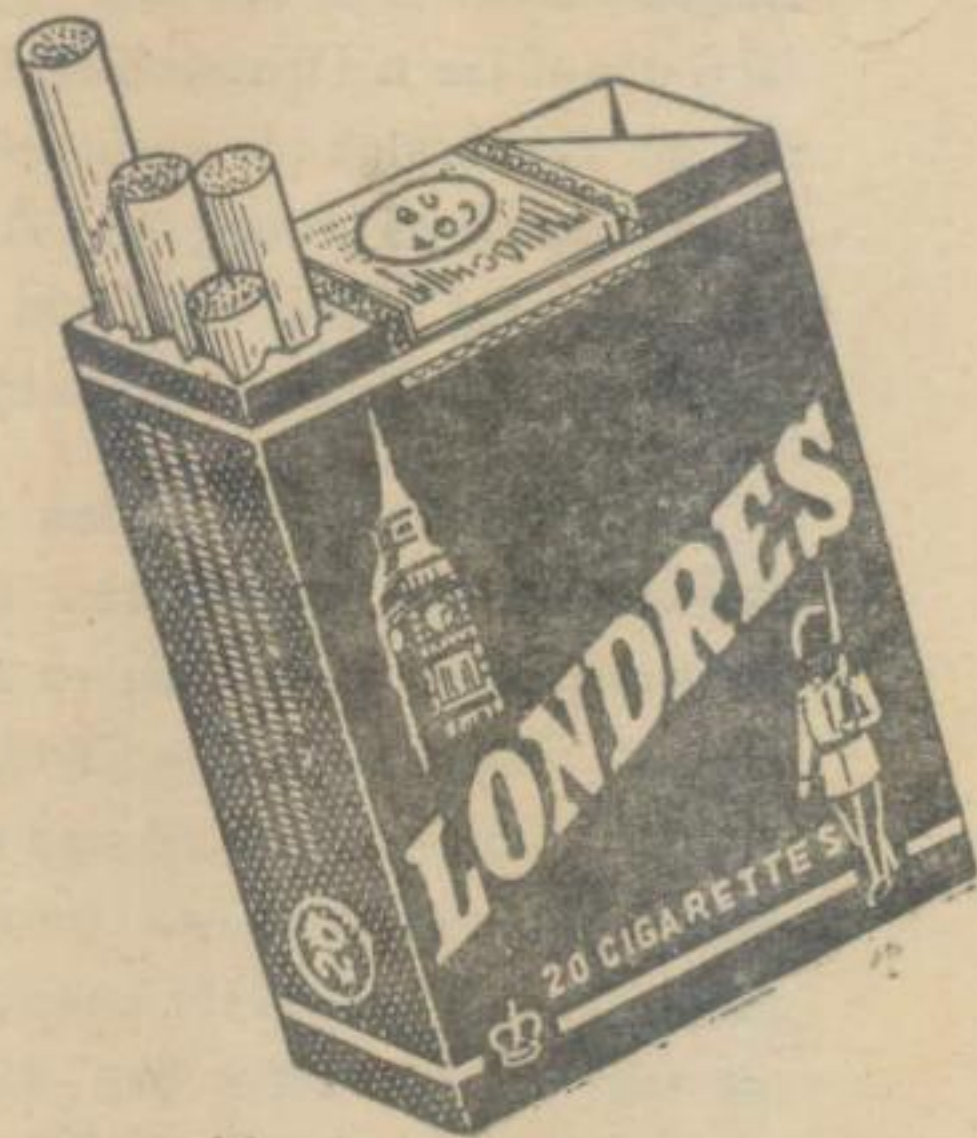


LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng
— với

3 đặc điểm

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

TRUYỆN NGẮN

TRẦN - ĐẠI

Giữa đường

Vách tôn rỉ màu đỏ xám. Hai khung cửa mắt cánh trống không. Gió lạnh lùa vào trong nhà làm rung rinh mấy sợi tóc của lũ trẻ nhỏ. Ba tấm gỗ xẻ vội vàng đóng ngang từ vách bên này tới vách bên kia làm bàn. Lũ học trò đang tỉ tay trên đó, chăm chú chép bài. Chúng ngồi trên những chiếc ghế thấp do chúng đóng mang tới lớp.

Hùng kê một khuỷu tay trên tấm bảng lơ đễnh nhìn xuống bọn chúng. Anh quay sang tôi nói nhỏ :

— Đề cho tụi nó về sớm !

Bọn học trò chép bài xong. Hùng vẫy tay ra hiệu cho chúng về. Chúng nhìn Hùng ngạc nhiên, mắt sáng lên đôi chút, không có chút gì ồn ào. Chúng xách ghế, lần lượt ra khỏi cửa. Hùng đứng ở cửa lớp, mắt nhìn theo những bàn chân xinh xắn bước thoăn thoắt trên hàng cỏ gai. Tóc anh bỗng bồng bềnh trôi trước gió. Khói thuốc từ môi bay tạt qua một bên mặt. Lẽ ra chẳng nên ở đây. Vóc dáng và cử chỉ giống một tài tử xi nê hơn là một ông giáo làng.

Hai người lặng lẽ bước chân trên con đường mòn trơn, đất dính nhão. Hai đôi giày đã đổi màu đen thành màu đỏ. Hùng thở khói qua mũi. Anh phá tan sự im lặng trước :

— Lớp còn mười đứa. Mày tính sao ?

Tôi không trả lời. Hình ảnh của lớp học tiêu điều, càng thêm tiêu điều vì tình trạng thừa thớt sỉ số chạy trong óc.

Mấy hôm trước ngày khai giảng, dân xã kéo nhau lên núi đốn cây mang về làm bàn cho lớp học. Không khí nhộn nhịp và vui vẻ. Lũ trẻ con quây quanh «xưởng chế tạo bàn ghế» «xưởng chế tạo» ở giữa làng. Thanh niên kéo gỗ hạ ở trên núi về đặt ở đó, hì hục cưa xẻ. Những khuôn mặt lấm tẩm mồ hôi những cánh tay rắn chắc, tất cả hình như dồn vào một công việc : tạo một tương lai cho lũ trẻ. Mạnh, người thanh niên vui tính nhất trong bọn, chỉ vào đám trẻ con mắng yêu:

— Bớ tụi bay, ông xẻ gỗ cho tụi mày có chỗ học. Không học thì như đờn !..

Mấy đứa trẻ lớn cũng lui cui ngồi đóng mấy chiếc ghế con để xách tới trường. Hùng, Bảo và tôi đứng giữa đám đông. Khung cảnh đó khiến ba đứa không nghĩ được trong bọn cả dân xã và chúng tôi — có thể có kẻ nào bỏ cuộc.

Nhưng nay căn nhà bỏ hoang được dân xã cho mượn lại sắp trở về tình trạng cũ. Bảo đã «dọt» về tỉnh. Hùng ở lại đây. Tôi không tin Hùng có thể bỏ cuộc, nhưng tôi cũng không thể tin rằng anh không may mắn thất vọng.

Tôi hỏi Hùng :

— Bảo về từ bao giờ ?

Hùng đặt một tay trên túi quần sau, anh ngàng mặt lên :

— Từ sáng hôm qua, tưởng gặp cậu rồi ?

— Không ! Tôi chưa gặp hẳn.

— Hẳn bảo còn ít học trò quá, hẳn không thể dạy nữa. Một mình tôi là đủ.

Tôi xoay nhìn Hùng. Nét mặt Hùng vẫn không có gì thay đổi. Đôi mắt suy nghĩ hiện trong hai con mắt sâu. Hùng nói, vẫn giọng thản nhiên :

— Một phần, vì gần ngày bầu cử, tình hình không được an-ninh.

Chỉ ở mấy chữ cuối cùng, Hùng trầm hẳn giọng xuống, phảng phất chút gì lo ngại trong tâm hồn anh.

oOo

Bữa cơm trưa gồm có mấy món : Một đĩa trứng chiên, một đĩa rau muống xào tỏi, một bát canh rau cải nấu với tôm khô. Hùng ghé tai tôi nói nhỏ, khi ông cụ chủ nhà xuống bếp :

— Hôm nay là sang nhất đấy. Có cậu nên thêm đĩa rau muống xào !

Ông cụ trở lên, bưng theo nồi cơm. Hùng đỡ lấy nồi cơm trên tay cụ :

— Cụ để cho cháu. Mời cụ ngồi.

Ông cụ ngồi xuống ghế, đối diện với tôi. Cụ so đĩa :

— Cơm nhà quê, hai thầy giáo dùng tạm. Ở đây núi rừng chợ búa không có, chẳng có cái ăn, cái uống gì cả.

Hùng cười :

— Cụ cứ dạy thế, chúng cháu ăn thế nào cũng được.

Cụ chủ nhà đã ngoài sáu mươi tuổi. Tóc cụ còn nhiều màu đen hơn trắng. Gò má đen xạm, đôi mắt hơi lơ lơ. Cụ bưng bát cơm. Khói trắng tỏa lên, che một phần khuôn mặt :

— Nào mời hai thầy.

Hùng nhìn quanh nhà, như kiểm ai, sau cùng anh quay xuống bếp :

— Còn cụ bà đâu, lên dùng cơm với chúng cháu cho vui ?

Ông cụ cười :

— Kệ bu cháu. Bà ấy ăn ở dưới bếp cũng được !

Cuộc đối thoại tuy ngắn-ngủi nhưng đủ sức lôi cuốn bà cụ lên. Bà đứng ở chiếc

cửa ngăn nhà bếp với chỗ bọn tôi ngồi. Một tay cầm đũa, bà dơ lên dụi mắt vì khói :

— Các thầy cứ tự nhiên. Tôi ăn ở dưới này là được rồi ! Đàn bà ai lại . . . Khói còn cay mắt bà cụ. Bà bỏ tay xuống, cười. Nước mắt dàn hai bên khóe

— Các thầy cứ dùng . . .

Tôi nói với bà cụ :

— Cụ ở dưới bếp khói chết. Xin cụ cứ dùng cơm với chúng cháu. Đề chấm dứt tình trạng «hội thảo» kéo dài. Ông cụ ra lệnh :

— Thôi bà xuống bếp đi. Đã có tôi lo tiếp hai thầy.

Bà cụ lần xuống bếp, ông cụ nâng bát lên :

— Nào, mời hai thầy !

Quyết định nhanh chóng của cụ chủ nhà khiến cho sự can thiệp của Hùng và tôi trở thành vô hiệu quả. Ông cụ xem chừng còn đang nghĩ ngợi điều gì. Chiếc miệng của ông bắt đầu nhóp nhép nhai. Những vết nhăn trên má khi xuất hiện, khi biến mất. Ông cụ ăn, nét mặt càng thêm vẻ khắc khổ. Tôi gọi chuyện :

— Thưa cụ, chắc cụ ở Bắc di cư vô ?

— Vâng, tôi di cư !

Hùng lấy đũa xăn đĩa trứng, anh vừa ngoái lại phía ông cụ :

— Cháu tưởng, nơi này chỉ đề cho các đồng bào tị nạn Cộng-sản miền Trung thôi ?

— Vâng, tôi ở Bắc vô miền Trung làm ăn, nhưng thất bại quá. Lại thêm đạo này ở ngoài đó mất an ninh luôn, chính phủ cho di cư, tôi xin vào đây.

Tôi biết Hùng chỉ hỏi lấy lệ. Anh đã biết rõ thành phần dân chúng ở trong ấp. Đa số là dân người Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, một ít người thuộc người Việt gốc Mên. Và một số khác thuộc ngay dân ở trong tỉnh, cũng tới xin định cư bằng cách chỉ lấy đất dựng chiếc nhà trống, ngăn hàng rào để giữ gìn và tiếp tục đi xe hơi trong thành phố, đợi giá đất lên cao, là bán lại cho đồng bào.

Căn nhà chỉ có một chiếc giường rộng kê ở góc phòng, phía ngoài là một quầy hàng gỗ, bày một ít bánh kẹo lèo tèo và ít hàng tạp hóa vụn vặt. Chiếc quầy kê sát khung cửa sổ làm bằng phen tre. Ánh nắng hắt vào phía trong gần lan tới chỗ bàn ăn. Tôi bắt đầu cảm thấy nóng. Hùng cũng vậy, anh cởi áo ngoài, vắt lên chiếc đinh đóng trên vách. Tôi áy náy, nghĩ tới bà cụ đang ngồi ở trong bếp, cạnh lửa và dưới mái tôn thấp lè tè. Ánh nắng gay gắt ở ngoài sân soi trên những hàng hành ta trồng ở trước nhà. Tôi nhìn ông cụ. Ông cụ vẫn lơ đãng nhóp nhép nhai. Nét mặt khắc khổ mà bình thản như những cuộc phiêu lưu trong đời. Ông cụ đột nhiên quay hỏi Hùng :

— Thầy định dạy trong bao lâu nữa ?

— Cháu cũng không biết nữa. Còn tùy...

Hùng quay sang tôi, dò hỏi. Tôi giúp Hùng câu trả lời :

— Chương trình của chúng cháu chỉ còn có trong ba tháng hè thôi. Bây giờ được hơn một tháng rồi. Nhưng cháu thấy mấy em nghỉ học nhiều quá. Nếu không có học trò, hết tháng này phải chấm dứt chương-trình !

Ông cụ không có một cử chỉ nào lộ vẻ ngạc nhiên. Ông chép miệng :

— Như vậy tội nhỏ học ở đâu ? May nhờ có mấy thầy. Mùa này tội nó nghỉ học nhiều để đi hái bắp, với lại trồng cà-phê. Thầy tin đi, chỉ trong mười, mười lăm hôm chúng nó lại về học cho mà xem.

Hùng cười :

— Cháu biết. Nhưng chương trình dạy chỉ có ba tháng, mà nghỉ gần một tháng còn gì...

Ông cụ hình như không để ý gì tới lời của Hùng. Cụ lại chép miệng :

— Tội tội nhỏ !

oOo

Buổi chiều tôi rủ Hùng đi thăm một vòng trong ấp, để gặp một vài người có uy tín. Tôi cần hỏi ý kiến của họ để quyết định có nên tiếp tục lớp dạy miễn phí trong ba tháng hè nữa hay không. Nắng chiều vàng tỏa trên ấp. Mấy chiếc nhà tranh xơ xác, im lìm. Gió thổi làm tung những hàng cỏ gai. Chúng tôi đứng ở giữa con đường đất chính của ấp. Con đường dẫn từ ngoài lộ xuyên qua ấp chạy sâu vào buôn. Thượng ở phía trong. Đoàn « Ong Biền » của Mỹ đã dùng máy ủi hoàn thành con đường đó khi bắt đầu lập ấp. Hùng chỉ về phía lộ cười :

— Hôm qua có một chiếc xe, định vào đây vận động bầu cử, tới chỗ gốc cây kia thấy hoang vắng quá vội « dọt » ra !

— Sao cậu biết ?

— Tôi thấy hai ông dừng xe lại ở đó bước xuống bàn tán một hồi, tay cầm tờ bích-chương có lẽ định dán ở trong này, rồi sau đó quay xe chạy thẳng.

— Tôi có mấy người bạn đã khoe vào tận trong này vận động. Cậu có thấy họ vào không ?

— Có.

Hùng quệt giầy trên cỏ lau một vết bùn vừa dính vào. Anh tiếp :

— Tội thằng Yển, quen cả tôi. Tội hẳn có đi từng nhà nói chuyện, phát truyền đơn. Nó cũng gặp Bảo và tôi, nhờ vận-động giùm. Đó là lý-do chính Bảo bỏ đây về tỉnh.

— À, chắc hẳn sợ.

Hùng nhìn vào mặt tôi :

— Hẳn sợ là phải. Chút nữa cậu đi vòng quanh ấp sẽ biết. Tôi không hiểu tại sao. Hùng lại bảo tôi phải đi một vòng quanh ấp sẽ biết. Khi xuống ấp này, qua quận tôi cũng đã gặp một đoàn vận động. Chắc là mấy cậu học sinh. Họ dán bích-chương và phát truyền đơn ở trong chợ. Tôi đứng ở bến xe, gần ngay đó. Một ông cụ đứng cạnh tôi. Ông cụ có vẻ áy náy điều gì khi nhìn mấy cậu học trò. Sau cùng ông cất cao tiếng gọi :

— Này, mấy cháu !

Mấy cậu đang thi hành-công tác ngạc nhiên nhìn ông cụ. Một cậu chạy lại :

— Thưa bác, bác bảo chi vậy ?

Ông cụ nghiêm giọng :

— Dán ở trong chợ thôi nghe ! đừng có đi xa nghe mấy cháu nguy hiểm lắm đó...

Ông cụ đưa tay trở về một phía :

— Vô vùng kia cẩn thận đó nghe. Hôm qua thằng con tôi ham tiền cũng đi như vậy vô trong ấp bị mấy ông bắn, chạy có cờ. Mấy cháu cũng bằng tuổi con tôi nên tôi chỉ giùm.

Những lời đối thoại đó, buổi sáng ở quận, tôi không quên. Nét mặt lầm lì và lời nói của Hùng chỉ làm tôi có thêm ý nghĩ : Tối nay, ở lại ấp này không ít thì nhiều, có thể gặp nguy hiểm.

Hùng quẹo vào một con đường nhỏ. Tôi bước theo. Hai bên đường này, nhà cửa xen kẽ mọc nhiều hơn ở lộ chính. Hùng dừng lại chờ tôi bước tới. Anh dơ tay chỉ một vách nhà. Dấu những tờ truyền đơn và bích-chương mới bị xé vẫn còn nguyên-vẹn. Hùng nói với tôi, vẻ mặt trở thành khôi hài, không nghiêm trang như cũ :

— Cụ tưởng cụ can đảm lắm. Tụi nó tới đây dán bích chương dân chúng sợ thấy mẹ. Nhưng tụi nó đi là họ xé liền.

Hùng ngược mắt nhìn ba mặt núi rừng trùng điệp vây quanh. Những ngọn cây trên đỉnh núi nhìn xa chỉ còn nhỏ bằng tầm vóc đứa trẻ con. Anh giả vờ nghiêm nét mặt ; với tôi :

— Thưa lãnh tụ, lãnh tụ muốn em hô lên một tiếng không ? Tụi nó xuống là xèo... «chim» của lãnh tụ ngay !

Tôi biết rằng nếu câu khôi hài của Hùng chỉ làm tôi cười mỉm được, thì chắc chắn không làm cho người dân trong ấp vui vẻ đề mấy tấm giấy «nguy hiểm» trên vách nhà họ. Trên núi kia dù bây giờ có khi chẳng có một người nào, nhưng cũng chẳng có ai đủ sức hùng biện để nói cho mọi người tịn điều đó.

Tôi hỏi Hùng :

— Sao ở đây không có nghĩa quân ?

— Ấp mới lập được hơn một năm, chưa kịp tổ chức.

— Kề thì nguy hiểm thực !

Hùng đá chân trên một bụi gai. Những chiếc lá cụp hẳn lại. Anh dơ tay trở lữ trẻ con đứng ở xa :

— Tụi học trò tôi kia kìa.

Một đám con nít đang cử động giữa những hàng cây bắp nghiêng ngả trong gió. Chúng tôi tiến lại gần.

Lữ trẻ con chào Hùng :

— Lạy thầy ạ.

Hùng cười, chỉ một đứa :

— Hái bắp thích hơn đi học heng ?

Lữ trẻ cùng cười, ngượng ngập không trả lời. Bọn chúng vào khoảng sáu bảy đứa. Hai ba đứa thấp thoáng sau hàng bắp. Mấy đứa đối diện trước mặt tôi và Hùng.

Đứa lớn nhất chừng 12 tuổi, bé nhất 6,7 tuổi. Tụi lớn có phận sự ngắt trái từ trên cây xuống. Lữ nhỏ hơn, cứ hai đứa một khiêng một cái gửi đựng theo sau. Bọn chúng thoăn thoắt làm việc. Chỉ khi tôi và Hùng tới, chúng mới có vẻ nghịch ngợm. Có đứa cầm lấy một chiếc bắp non, không hạt, ném vào mấy thằng ở sâu phía trong rồi cười khúc khích.

Hùng bảo với tôi :

— Coi bộ tụi nó làm việc đứng đắn hơn khi học hành.

Tôi hỏi Hùng

— Tụi nó đều là con cháu trong một gia đình ?

— Không....

Hùng chỉ một thằng :

— Ruộng bắp là của nhà thằng này. Còn tụi kia làm công. Năm chục một ngày.

Hùng cười. Mặt quay hẳn vào phía tôi :

— Đi làm việc thế này, hợp đúng sở trường của tụi nó. Lại được tiền. Sướng hơn đi học nhiều. Đã hơn một tháng rồi, đánh vẫn vẫn còn bắp bẹ. Xem chừng bố mẹ tụi nó không bó buộc, thì tụi nó dứt trường học từ lâu rồi...

Hùng kéo tôi ngồi xuống đám cỏ khô. Anh cầm một cục đất liệng về cuối ruộng bắp. Hùng im lặng một lát. Sau cùng anh nói nhỏ. Giọng nói không còn vẻ chế giễu gì nữa :

— Nhiều phụ-huynh cho là chương-trình không thiết thực. Có ba tháng. Sau đó con họ học ở đâu ? Xem chừng họ bớt vẻ tha thiết như buổi đầu.

Tôi đặt một bàn tay lên đùi Hùng :

— Tôi cũng biết điều đó. Nhưng như cậu biết, chương trình giáo dục này chỉ có tính cách thí nghiệm. Nếu thành công, sang năm sẽ bắt đầu lại với tính cách đại qui mô hơn. Nghĩa là bất cứ ấp nào còn thiếu trường cũng sẽ gửi người tình nguyện tới dạy...

— Nếu thất bại ?

Hùng lại quay về phía tôi, mắt anh đặt đối diện với mặt tôi để đợi câu trả lời. Câu hỏi của Hùng tôi đã nghĩ tới mà vẫn lúng túng. Tôi muốn cười với Hùng, nhưng tôi không muốn Hùng hiểu nụ cười thú nhận một bất lực.

— Cậu hiểu rằng : Bất cứ vấn đề nào của mình cũng là vấn đề khó khăn. Nó không được giải quyết trong tầm tay của mình. Nhưng hi-vọng . . .

Tôi ngừng lại một giây, kiếm một danh từ cho ý nghĩa của câu nói đỡ phần to tát. Thằng nhỏ nào đó ở trong ruộng ném một cục đất trúng vào bả vai Hùng. Cả tôi và Hùng đều quay lại phía chúng. Tụi nó đang tổ nhau ầm ĩ :

— Thằng Binh ném đó thầy !

— Không phải em, thằng đó, đó.

Đứa nói sau nhỏ con hơn và cũng ngượng nghịu hơn trong lời nói. Tụi nhỏ đứng bên reo cười.

Hùng giả vờ nghiêm mặt dọa :

— Thằng nào ném ? Thằng Binh hả ? Lên đây !

Nét mặt nghiêm trang của Hùng chỉ diễn được có nửa chừng. Có tiếng di chuyển mạnh mẽ từ khoảng giữa ruộng bắp. Rồi bóng một người đàn bà xuất hiện. Một người đàn bà còn trẻ. Bà ta nhận ra Hùng trước. Bà đơn dả :

— Thầy Hùng, thầy đi chơi ?

Bà vừa nói vừa cúi xuống, bỏ ống quần xuống ; Ống quần vén cao vượt quá đầu gối. Sau đó bà mới cúi chào tôi, cử chỉ không được tự nhiên. Hùng giới thiệu

— Ông này ở trên tỉnh lo tổ-chức vụ dạy.

Người đàn bà không để ý đến lời nói đó; Bà chỉ lủ nhỏ :

— Xin phép hai thầy cho mấy đứa nhỏ nghỉ học vài bữa. Gớm, mấy hôm nay cực mà chẳng có ai cả...

Không đợi Hùng trả lời, bà tiếp theo :

— Nhà chúng tôi nghèo, phải lo kiếm gạo trước đã !

(Còn tiếp một kỳ)

TRẦN ĐẠI

Hãy tới đông đủ theo dõi cuộc tranh tài của tám Quốc gia tham dự giải túc cầu Quốc Khánh 1-11 tại vận động trường Cọng hòa.

ít tài liệu về nhà Tây-sơn

Tài liệu đây là tài liệu truyền khẩu tại quê hương ba anh em Tây-sơn mà ban Quản trị điện Tây-sơn (1) thu thập được. Trong dịp ra Bình-khê dự lễ sinh nhật đầu tiên của Quang-Trung, tôi được đọc một số và nghe kể đôi điều, xin ghi lại đây để làm quà bạn đọc.

Về ngày sinh của Quang-Trung.

Sử sách ta xưa ít chú trọng đến ngày sinh của các danh nhân, mà thường ghi lại ngày mất. Riêng Quang-Trung thì ta có đến hai ngày !

Theo Phan-Huy-Ích, thì đó là ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792).

Còn Đại-Nam chính biên, sơ tập, lại ghi : ngày 29 tháng 9 năm Nhâm Tý.

Cách nhau hơn hai tháng ! Biết lấy ngày nào ?

Về tuổi Ngài, sử sách ghi. Ngài mất lúc tuổi đã bốn mươi.

Ban Quản trị điện Tây-sơn nghĩ rằng đề nhắc nhở công đức của những vĩ nhân, những anh hùng cứu thế, hợp lí hơn cả là kỉ niệm ngày vị ấy chào đời, như Phật tử chọn ngày sinh của Phật, tín đồ Ki-tô giáo chọn ngày Chúa ra đời. Nên họ đã cố công thử tìm ngày sinh của Nguyễn-Huệ.

Vài vị bô lão vùng Tây-sơn còn nhớ lại lời truyền miệng của cha ông : Nguyễn-Huệ sinh nhằm ba cái năm : tháng thứ

năm, ngày thứ năm và giờ thứ năm (giờ Thìn) năm Quý Dậu. Theo tử vi đẩu số, thì ứng vào kẻ có mạng Đế Vương. Lại có người, thời tiền chiến, được xem một ít tài liệu viết tay về dã sử anh em Tây-sơn tại thư viện trường Bác cổ Đông-phương (2) ở Hà-nội, thì Nguyễn-Huệ sinh ngày mồng năm tháng năm năm Quý Dậu. Như thế là có sự trùng hợp giữa hai "nguồn tin". Vì vậy mà ban Quản trị điện Tây-sơn mới chọn ngày này để làm lễ sinh nhật đầu tiên của Quang-Trung.

Về vị thứ Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ.

Những người trên dưới bốn mươi, lúc nhỏ học sử nước nhà trong các quyển Sử kí giáo khoa thư ở trường, lớn lên, đọc «Việt-nam sử lược» của Trần-Trọng-Kim, hầu hết đều in trí : Nhạc là anh lớn, Lữ là em thứ, Huệ là em út.

Các sách sử sau này phần nhiều dựa vào quyển Trần-Trọng - Kim, nên cũng cho Lữ là anh Huệ.

Nhưng người dân Tây-sơn còn truyền gọi ba người con trai của ông Hồ-Phi-Phúc là :

Ông hai Nhạc, Chú ba Thơm, Thầy tư Lữ.

Và đây là lời giải thích ba tiếng : ông, chú, thầy.

Ông, vì Nhạc lớn hơn em kế mười tuổi, lại phải thay cha cầm đầu đoàn buôn trâu ; hai, vì ở đây, người con đầu không gọi như từ Bắc vào Thừa thiên là cả, mà là hai, (ở

(1) Tên đầy đủ : Ban Quản trị điện Tây-sơn và lăng mộ Mai-Xuân-Thường

(2) Tức École française d'Extrême-Orient

Quảng-nam, gọi cả mà cũng gọi là hai ; từ Quảng-ngãi trở vô, thì gọi là hai)

Chú, dân địa phương bắt chước Nhạc gọi Huệ là chú ba vốn theo việc học nghề văn nghiệp vô cho đến khi phất cờ khởi nghĩa. Còn tên *Thơm* thì có hai thuyết : một thuyết cho rằng vì tên Huệ chỉ một loài hoa có mùi hương, nên bạn bè gọi đùa là Thơm, chú ba Thơm ; một thuyết cho rằng con sanh ngày mừng năm tháng năm, theo tục lệ sợ khó nuôi, nên ngoài cái tên cúng cơm văn về Huệ, còn đặt thêm tên tục nôm na là Thơm, và chỉ gọi con trai thứ mình bằng tên tục.

Thầy, vì Lữ là người nhân hậu, lại sớm đi tu. Đây, lại có hai thuyết : một thuyết cho Lữ xuất gia đầu Phật ; một thuyết cho Lữ tu theo đạo đồng bào Thượng, vốn thờ thần Lửa, để dễ bề tôn giáo vận : người ta nhớ thầy tư Lữ còn được gọi là Ba-Ni giáo-chủ, và mặt trời ở cò Tây-sơn có hàm dụng ý thu hút các tín đồ thần Lửa : Lửa do mặt trời mà ra.

Còn khi gọi ba anh em một lượt, người đồng hương với Tây-sơn Tam Kiệt đều nói : «ông Nhạc, ông Huệ, ông Lữ.»

Vậy, Huệ là anh Lữ. Nhưng tại sao sách sử hầu hết đều chép Lữ là anh Huệ. Có người nghĩ có lẽ các nhà viết sử đó vốn người «đàng ngoài», không hiểu rõ phong tục nước non Bình-định, họ nghe dân ở đây gọi Nguyễn-Huệ là chú ba Thơm, họ tưởng đâu Huệ đứng vào hàng thứ ba trong gia đình có ba anh em ấy, như thế thì người đứng vào hàng thứ hai, hẳn là Lữ, vì Nhạc đã là anh cả. Nhưng có người chưa chịu cái lí này. Đã nghe dân địa phương gọi chú ba Thơm, thì sao lại chẳng nghe ông hai Nhạc và thầy hai Lữ ; mà nếu chỉ có nghe chú ba Thơm đi nữa, sao lại chẳng tò mò hỏi thêm : còn Nhạc ? còn Lữ ?

Trên đây chỉ là tài liệu «miệng». Có người nhắc đến một tài liệu mực tàu lấy bản : Nguyễn-Siêu, đời Tự-Đức, trong «Phương-dinh địa dư chí», mục nói về tỉnh Bình-định, có ghi em thứ hai Nguyễn-Văn-Nhạc là Huệ, em thứ ba và Lữ.

Đến đây, ta có thể cho vị thứ trên dưới của Huệ, Lữ trong gia đình đã được giải quyết.

Về lễ Thường-tân hay lễ Ba-Vua

Nhà Nguyễn tìm đủ mọi cách để «loại» nhà Tây-sơn. Qui-nhơn dời ra Bình-định. Lãng tâm san bằng ; hải cốt nghiền nát nhồi với thuốc súng bắn xuống sông. Sử sách ghi là giặc cướp, là nguy triều. Nhưng không làm thế nào xóa được nỗi kính miến thượng trong lòng dân ấp (3) Tây-sơn.

Ở xã Bình-thành, (quê hương ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ) quận Bình-kê giờ đây, lúc ấy, có vị thần được nhà Nguyễn sắc phong.

Dân địa phương cất đình thờ vị thần làng, ngay trên đám đất trước kia là vườn nhà cũ của Tây-sơn Tam-Kiệt, (thôn Kiên-mĩ ngày nay). Đình làng thì lớn ; nhưng sắc thần thì không đề đó. Vì với họ, đó là nơi họ bí mật thờ ba kẻ anh hùng áo vải xuất thân tại nơi này để «Giúp dân dựng nước, xiết bao công trình». Và để che giấu vua tôi nhà Nguyễn, họ tổ chức lễ *Thường tân* hằng năm tại đình làng rất trọng thể. Lễ này tục gọi là lễ «Cơm Mới», để tỏ lòng nhớ ơn Người đã bày ra cách cày cấy. Bề ngoài làm lễ tưởng niệm Ba Vua Tây-sơn. Vì lễ Thường tân nhằm ngày rằm

(3) Ấp hồi xưa không phải như ấp bây giờ ; ấp Tây sơn thời ấy gồm cả vùng An-kê và quận Bình-kê thời Pháp thuộc, tức nay là ba quận An-túc, Vĩnh-thạnh và Bình-kê.

tháng mười một, mà Nguyễn-Nhạc mất ngày rằm năm Quý Sửu (1793). Như ngày qua đời của người anh cả mà giỗ chung cho cả ba anh em, trùng ngày với lễ «Cơm mới», tưởng không còn gì hợp lí cho bằng.

Thành ra lễ Thường tân ở đây lớn hơn và ý nghĩa hơn bất cứ làng nào trong cõi Việt. Vào ngày lịch sử này, già trẻ gái trai đem hương trà hoa quả đến đình cúng lạy, vừa đề tỏ lòng sùng kính biết ơn, vừa đề có dịp nhắc nhở đến sự tích và sự nghiệp «Ba Ngải».

Lòng tưởng nhớ của người dân vùng này sâu bền và tha thiết đến nỗi trong thời kháng chiến vừa qua, đình bị phá, chỉ còn có cái nền mà hễ tới ngày rằm tháng mười một, đồng bào địa phương vẫn đến đó, thiết bàn hương án giữa trời mà cúng bái.

Hiệp định Genève 1954 đưa đất Qui-nhơn về với chánh thể Quốc gia. Bốn năm sau, nhân dân địa phương, với sự ủng hộ của chánh quyền sở tại, đã góp

công góp của đề dựng điện Tây-sơn trên nền đình cũ, nơi vườn nhà cũ của Ba Vua. Và từ đó, hằng năm, ban Quản trị tổ chức lễ Giỗ Trận Đống-đa (mùng năm tháng giêng âm lịch) và lễ Thường tân đề tưởng nhớ Người xưa và gọi lại truyền thống hào hùng của dân tộc. Năm nay, lại thêm lễ sinh-nhật Quang-Trung.

Năm tới, nhằm các lễ này, nếu bạn có dịp thăm quê hương Nhạc-Huệ-Lữ, bạn sẽ chứng kiến cảnh người người lớp lớp chảy về một địa điểm lịch sử oai hùng của dân tộc — như nước chảy về nguồn — với niềm thành kính và ước mong, hẳn bạn sẽ thấy lòng mình hưng khởi giữa thời phân hóa và rẽ chia này.

NGÊ BÁ LÍ ghi thuật

ĐÍNH CHÁNH

B.K. số 252, mục *Sinh hoạt*, bài «Lễ sinh nhật đầu tiên vua Quang-Trung», có in sai ngày Giỗ Trận Đống-đa : mùng 9 tháng giêng, thay vì mùng 5. Chắc các bạn đã sửa lại giùm rồi.

Tăng cường sinh lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Thơ PHAN-NHỰ-THỨC

(mê kung)

và ngoài kia

- ★ Cánh cửa sổ đã mở,
hãy thả hồn bay cao
Sự nguyên lành đã vỡ
hãy chôn tôi xuống hào
Trái bom này đã nổ
hãy đưa tay lên chào
- ★ ngoài kia trời đã chết
hãy đứng cùng bóng đêm
ngoài kia người đã mệt
hãy yên và lặng im.
Không còn gì nữa hết
ngoài vết lệ trái tim
- ★ xin em một lần nhớ
xin Tôi một lần vui
đêm về trên cánh gió
bằng hai chân ngậm ngùi
Tôi về trên đồ vỡ
hai chân cũng ngậm ngùi...

một mờ

con sông vỗ sóng quanh hồn,
chao thân thể nọ, chân chồn bước kia,
một đời tôi — nổi chia lìa,
hai tay tiễn-biệt làm bia mộ người
theo cùng gió núi biển khơi
lạnh từ chân tóc xuống mười ngón thơ
ngước lên cao, ngó đôi bờ
Trái tim nghe bỗng một mờ sương đêm...

KHI VỀ BÀ DI

Thơ TRẦN-HOÀI-NHU

Đơn vị mình về vùng đồi cao đất sỏi
Trời tàn thu sao nắng rực da người
Sáng với chiều nhìn sông ngủ đều hiu
Những bãi cát màu da người con gái
Đơn vị mình về bên tháp Chăm thương hại
Mỗi mắt chân đồi khóc thuở vàng son
Con nước ngàn năm chết ở trong hồn
Con nước trở về cuối miền dĩ vãng
Đơn vị mình về, đồi cao lửa bỏng
Ngày hắt hiu nhìn bóng dáng mặt trời
Ru giọng hời trong đêm ngủ ma trời
Thấy ánh lửa lé loi từ tháp cổ
Đơn vị mình về chiều nay mưa đổ
Lòng mang mang giấc ngủ của thiên thần
Ôm nỗi buồn như dòng nước sông Ngân
Và ray rứt như người đi trận mạc
Đơn vị mình về, có vì sao lạc
Một vì sao ôi lại một vì sao
Mình không mang nhưng nhớ ở trời cao
Sao mình thấy mắt em mình yêu dấu
Hai lần trực-thăng, điều hâu xuống trận
Và nghênh ngang như những kẻ kỳ hồ
Những xóm làng ngày nọ rách tả tơi
Nay đã khoác màu bình yên hạnh phúc
Đơn vị mình về, An-kê, An-túc
Người lính già Y-Sik đái la-de
Và nói rằng tôi người gốc Rhadé
(Chuẩn úy hôm nào về nhà một bữa)
Một chút rượu cần, ngồi bên bếp lửa
Tôi kể chuyện rừng chuyện rú cho nghe
Không rượu cần, mời chuẩn-úy la-de...

Đơn vị mình về, ngày này thứ mấy
Sao lòng ta vương một chút lạnh lùng
Hỡi những tháp Chăm, rừng núi mù sương
Xin một nhóm lửa hiền nhen tâm sự

(tặng đ-đ 405 thám kích)

ĐƯỜNG HOA TRỞ LẠI

Thơ Ý - YÊN

.. còn đây song tối chờ thao thức
những nẻo trời xa, những dặm trường
núi cản tầm nhìn, sông chắn bước
và hồn tràn ngập gió quê-hương

.. mây trắng xuôi ngàn qua cửa sổ
người không cố cánh loài chim bay
yêu nhau, chưa đến mà thương nhớ
xa cách ? — bản đồ dưới bóng tay

.. tất cả mai về, vui dựng xây
tháo tung binh - khí hết tù-đầy
người hiền như thuở còn thơ ấu
trái-đất Mùa Xuân đẹp tháng ngày

.. ca-đạo đồng-vọng nhạc theo cày
lúa trái xanh rờn át nẻo mây
khung cửu thôn làng gieo nhạc suối
này đây Xuân khép vòng tay say

.. xe hoa về khắp đường sông núi
buồm hát Tự-do, sóng gió cười
ơ thuở Thiên-dàng về trái-đất
chim lành ca hát trên vai người.

(lời ca du tử)

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả dịch giả và nhà xuất bản gửi cho những sách sau đây :

— Văn-hóa từng-thư số 29 và số 30 :

Đại-Nam nhất-thống chí : Tỉnh Sơn-Tây dịch-giả Tu-Trai Nguyễn-Tạo ; dày 150 trang gồm tỉnh Sơn-Tây và tỉnh Vĩnh-Yên, Ưc-Trai tương-công di-tập : Dư địa-chí dịch giả Á-Nam Trần-Tuấn-Khải ; dày 138 trang, gồm 50 chương. Cả 2 tập đều có phần phụ-lục bằng chữ Hán, giá mỗi tập 50đ do Nha văn-hóa thuộc Tổng bộ Văn hóa xã-hội xuất bản và gửi tặng.

— **Cộng-sản và tôn-giáo Việt-Nam** của Hoàng Phương, Tuấn Giang đề tựa. Sách dày 348 trang, gồm 3 chương lớn, có nhiều hình ảnh các vị lãnh đạo tôn giáo tại V.N. Giá 150đ.

Thượng cổ sử Tây-Phương

Tập 1 : Tây Á và Ai-Cập, của Phạm Cao Dương, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày hơn 300 trang gồm 9 chương, biên soạn công phu, được ấn hành trong chương trình xuất bản của nhóm nghiên cứu Sử Địa Việt-Nam cộng tác cùng nhà xuất bản Trình Bầy. Bản đặc biệt.

— **Nghiên cứu Việt-Nam** số 7-8 Mùa Thu. Mùa Đông 1967, tập khảo văn-hóa dân tộc của Trung-tâm nghiên cứu Nhân văn Huế, do G-s. Lê văn Hảo chủ trương biên tập Báo in ronéo khổ 21x27, gồm nhiều bài biên khảo giá trị của Nguyễn văn Trung, Tạ quang Phát, Nguyễn bặt Tuy, Nguyễn tiến Hữu, Lý Nghi v.v...

Bạn đọc đón coi :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN (Tập I) của ĐOÀN THÊM

Hồi-ký thuật lại những biến cố trọng-đại của Việt-Nam, từ đầu Thế-chiến thứ hai, dưới mắt tác-giả « Hai mươi năm qua »

Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản

Nhà xuất bản THÁI ĐỘ đã phát hành toàn quốc

NGHĨ TRONG MỘT XÃ HỘI TAN RÃ

tiểu-luận THẾ-UYÊN

Thân-hữu Thái-độ hãy tìm đọc trước khi giấy phép xuất-bản bị thu hồi.

Giá 65đ.

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ TRÌ

Trong những tuần qua một sự kiện mà các quan-sát-viên chính trị chú ý tới; nhất là việc Ngoại trưởng Lỗ mã ni đắc cử chủ-tịch Đại hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc. Sự kiện này cùng với chính sách đối ngoại của Tây-Đức, của Pháp và Cam-bốt cho ta thấy rõ là các quốc-gia nhỏ vẫn đi tìm một đường lối để thoát khỏi ảnh-hưởng của các đại cường Nga, Mỹ.

Liên-Hiệp-Quốc : một vị chủ-tịch cộng-sản.

Tháng 9-1967 khóa 22 của Đại-hội-đồng Liên Hiệp Quốc bắt đầu nhóm họp. Tuy các vấn-đề quốc-tế vẫn chưa được Đại-hội-đồng khóa 21 giải quyết, nhưng lần này Đại-hội-đồng được nhóm họp với một bầu không khí vui vẻ khác hẳn với không khí nặng nề chán rầu năm ngoái (1).

Thật ra năm nay tình hình quốc-tế còn có phần trầm trọng hơn năm ngoái nữa. Với sự leo thang của chiến cuộc Việt-Nam, với sự bùng nổ của chiến tranh Trung - Đông, với những cuộc tranh chấp chủng-tộc ở Hoa-kỳ, hòa bình quốc tế đang bị đe dọa nguy ngập hơn bao giờ hết. Nhưng đại-diện các quốc gia hội viên giờ đây hầu như yên phận, họ đã hiểu rằng Liên-Hiệp-Quốc hiện nay chỉ là một diễn-đàn, một lương tâm quốc tế, nên không đòi hỏi tổ-chức này những điều mà tổ chức không làm nổi.

Như thường lệ, ông U-Thant, Tổng-thư-lý trong bản phúc trình thường niên,

(1) Xin xem bài «U-Thant và Liên-Hiệp Quốc», Bách Khoa số 237 ngày 15-11-1966.

đã trình bày trước Đại hội-đồng hiện trạng cực kỳ đen tối của thế-giới. Ông đề nghị rằng từ nay các nước hội viên của Hội-đồng Bảo-an nên thảo luận mật với nhau để có thể giải-quyết những khủng hoảng một cách hữu hiệu hơn. Đại Sứ Golberg đã trình bày quan điểm của Mỹ về chiến tranh ở Việt Nam. Ông tuyên bố là Mỹ sẽ ngưng oanh tạc Bắc-Việt nếu Hà nội cam đoan sẽ thương thuyết và xuống thang chiến tranh. Ngoại trưởng Nga Gromyko đã lớn tiếng đả kích cuộc «xâm lăng Mỹ» ở Việt-Nam và gọi lời đề nghị của Golberg là một «cái bọt sà bông». Gromyko còn yêu cầu Liên-Hiệp-Quốc cấp tốc loại trừ những hậu quả của chiến tranh Trung Đông.

Các quốc gia hội viên đều đề dặt trước những bài diễn-văn trên. Vì họ biết rằng Bắc-Việt còn ngoan cố không chịu thương thuyết và Liên-Hiệp-Quốc không thể và không có phương-tiện giải quyết vấn đề Trung-Đông. Ngoài ra họ cũng bất đồng ý kiến với U Thant, vì nếu giao những việc quốc tế quan trọng cho các quốc-gia hội-viên Hội-đồng Bảo-an, tức là trao cho 4 quốc gia Anh, Pháp, Nga, Mỹ toàn quyền giải quyết. Hơn nữa, Do-thái luôn luôn chủ trương đàm phán tay đôi với Ả-Rập sẽ không thừa nhận một đệ-tam nhân giải quyết.

Tuy nhiên các đại cường quốc Nga, Mỹ, Pháp, Anh, đã cố gắng thảo luận về các vấn-đề quốc-tế. Ông U Thant đã mời 4 ngoại trưởng Brown (Anh), Couve de

Murville (Pháp), Rusk (Mỹ) và Gromyko (Nga) dự dạ tiệc. Đây là lần đầu tiên từ 2 năm nay mà 4 vị này gặp nhau. Những đề-tài được bàn cãi không được tiết lộ, nhưng các quan-sát-viên cho rằng Nga sẽ tỏ ra cứng rắn cho tới 7/11 là ngày kỷ-niệm năm thứ 50 của cuộc Cách-mạng tháng 10 Nga, vì chính phủ Nga phải biểu dương lập trường thực « cách mạng » cho xứng với ngày kỷ-niệm trên đây.

Về vấn đề Trung-Đông, hình như cả Nga và Mỹ đã đi tới thỏa-hiệp là kiểm-soát cuộc thi-đua vũ-trang ở miền này bằng cách bí mật báo cho nhau biết số vũ khí mỗi nước viện trợ cho Do-Thái và Á-Rập. Ngoài mặt, Nga vẫn đã kích quân xâm lăng Do-Thái, nhưng bên trong, Nga hầu như đã chấp nhận tình trạng thực-tại (situation de fait) do Do-Thái gây ra từ tháng 6 vừa qua.

Một điều đáng chú ý tại Liên-Hiệp - Quốc vào khóa 22 này là lần đầu tiên trong lịch sử của tổ-chức này, một nhân vật cộng sản đã được bầu làm Chủ-tịch Đại-hội-đồng. Đó là ông Corneliu Manescu, ngoại trưởng Lô-mã-Ni.

Ông Corneliu Manescu 51 tuổi là một nhà trí-thức, đáng đáp, cử chỉ thanh nhã. Chuyên về luật và kinh-tế ông đã từng làm Phó Chủ-tịch Ủy-ban kế-hoạch Nhà-nước, Đại-sứ, trước khi làm Tổng trưởng Ngoại Giao. Cha ông là Constantin Manescu là một trong những người sáng lập đảng Cộng sản Lô-mã ni. Ông Corneliu Manescu gia nhập đảng này vào năm 1916, khi mới 20 tuổi.

Manescu tuy mới bước vào lãnh vực ngoại giao từ năm 1960 nhưng ông đã có một chính sách rõ rệt là độc lập đối với Nga, xiết chặt tình thân hữu với các

quốc gia Tây phương và thân thiện với Trung-cộng. Đầu năm nay, ông đã thiết lập ngoại giao với Tây Đức mặc dầu Nga không bằng lòng. Ngoài ra ông còn từ chối không chịu lên án Do-Thái như các nước cộng-sản khác.

Sự đắc cử của ông Manescu có ba ý nghĩa : ý nghĩa đầu tiên là chủ nghĩa cộng sản đã trở nên hết sức ôn hòa và không còn là một đe dọa hòa-bình thế giới nữa ; ý nghĩa thứ hai là các quốc gia cộng-sản không còn có thể dùng luận-điều là Liên-Hiệp-Quốc chỉ là một công cụ của Mỹ để thống-trị thế giới ! Ý nghĩa thứ ba là chính sách độc lập đối với Nga đã được dân chúng quốc-tế tán thưởng, và hiện thời một phong trào độc lập đang phát triển mạnh trong hàng ngũ các quốc gia cộng sản.

Nhưng không phải chỉ ở các quốc gia cộng sản người ta mới tỏ ý chí độc-lập. Tại các quốc gia Tây-Âu các nhà lãnh đạo cũng tỏ ra độc-lập đối với Mỹ.

Âu-châu : Tây Đức và Pháp chủ trương một đường lối độc lập

Bách-Khoa đã đề cập rất nhiều lần trong mục này tại Tây Đức, Thủ tướng Kiesinger, từ khi lên cầm quyền, đã tỏ ra cứng rắn với Huê-Kỳ. Ông đã giảm quân đội mà không hỏi ý kiến Mỹ, ông đã thiết lập liên lạc ngoại giao với các nước cộng sản. Gần đây ông lại còn gửi thư cho chủ-tịch nhà-nước Đông Đức, là Willi Stoph, đề-nghị thương-thuyết để thống nhất nước Đức. Nhưng trong vụ này, Thủ-tướng Kiesinger bị thất bại vì ông Willi Stoph không những bác những lời đề-ngị của ông Kiesinger mà lại còn tố cáo là ông này có mộng xâm lăng. Ngoài ra ông Stoph còn ra điều kiện là nếu ông Kiesinger muốn thương thuyết với Đông

Đức thì phải thừa nhận là có hai nước Đức, phải rút lui khỏi khối Bắc Đại-tây dương và Thị-trường-chung ; toàn những điều kiện không sao chấp nhận được.

Tổng thống Pháp, De Gaulle, cũng tiếp tục chính sách độc lập của ông. Tháng 9 vừa qua, ông đã qua viếng chính thức Ba-lan. Chính phủ Varsovie đã lo ngại rằng ông sẽ nhắc lại lúc ông cầm quân đánh Nga hộ Ba-lan năm 1919. Nhưng lần này tướng De Gaulle hết sức kín đáo, ông không súi dân Ba-lan nổi loạn, không súi họ ly khai và cũng không súi họ chống Nga. Vì thủ tướng Ba-lan Gromulka đã nhắc khéo rằng liên-minh với Nga là điều tối cần thiết của Ba-lan và ly khai với Nga để đồng minh với Pháp là một điều không thể được vì cách đây 30 năm một hiệp-ước phòng-thủ với Pháp đã không cứu nổi Ba-lan khỏi móng vuốt của Hitler. Chuyển đi này thực ra là một sự thất bại đối với De Gaulle, nhưng ông vẫn không chịu thua. Đến mùa xuân sang năm ông sẽ sang thăm Lỗ-mã-ni. Tại nước này, có lẽ ông sẽ được nhiều kết quả hơn một chút, vì Lỗ-mã-ni là một nước đang tỏ ý hướng chống Nga.

Tại Á-Châu : Cam-bốt cứng rắn đối với Trung-cộng.

Cam-bốt là một nước nhỏ, nên một cò đôi ba tròn. Thái tử Sihanouk hiểu như vậy nên ông dùng một chính sách di-chuyển như quả lắc đồng hồ. Khi nhượng bộ Mỹ đã kích Trung Cộng khi thì ông làm ngược lại. Lần này quả lắc đồng hồ chạy về phía Trung cộng, Sihanouk tỏ ra e ngại sự bành trướng của cuộc Cách-mạng Văn-hóa Trung-cộng tràn sang nước ông nên ông đã cho đóng

biên giới, kiểm soát gắt gao các trường học của Trung-cộng, cách chức hai Tổng trưởng thân cộng. Sau cùng ông đã cho lệnh triệu hồi nhân viên Tòa Đại-sứ Cam bốt về nước.

Nhưng Chu - ân - Lai đã gửi cho Sihanouk một lá thư lời lẽ ôn hòa và Sihanouk lại gửi một phái bộ ngoại giao sang Bắc-kinh. Rất kiêu hãnh về vụ này, Sihanouk tuyên bố rằng hành động mạnh-dạn của ông đã buộc Trung cộng phải công nhận rằng : « trái Cam-bốt chưa đủ chín để có thể hái được ».

Như vậy ta thấy rằng Cam-bốt luôn luôn bị đe dọa, và sự thôn tính Cam-bốt chỉ là một kế-hoạch dài hạn của Trung Cộng mà thôi.

Hiện thời không phải chỉ có Á-Châu bị Cộng-sản đe dọa. Châu-Mỹ la-tinh cũng đang ở trong tình-trạng đó.

Mỹ-Châu : Fidel Castro tiếp tục tìm cách phát động cách mạng ở Mỹ-Châu

Tại Châu-Mỹ La-tinh Fidel Castro đang hùng hổ tìm cách lật đổ các chính phủ để thiết lập chính - thể Cộng-sản. Nạn nhân của Castro lúc này là nước Bolivie. Theo nhà cầm quyền Bolivie thì hiện thời tại đây này, du-kích-quân Cộng sản đang phá rối không phải là người bản xứ mà là người ngoại quốc, nhất là người Cuba, dưới sự điều khiển của « Che » Guevara. « Che » Guevara là một nhân vật bí mật. Y-si trở thành cách mạng, Che Guevara, người Argentine, đã sang giúp Fidel Castro cướp chính quyền. Sau đó « Che » Guevara là cánh tay phải của Fidel Castro. Đến năm 1965, y đột nhiên biến

mất. Người ta đồn là y bị Castro thủ tiêu, nhưng Castro lại tuyên bố rằng Guevara được lệnh xâm nhập lục-địa Mỹ Châu để tổ chức nhiều cuộc «chiến tranh Việt Nam» tại châu Mỹ. Hiện thời Guevara còn sống hay chết, chưa ai biết rõ, nhưng theo chính phủ Bolivie thì y còn sống. Trong một phiên họp của Tổ chức các Quốc-gia Mỹ-Châu, Tổng trưởng ngoại giao Bolivie là Walter Guevara Arze (không có họ với Che) đã trình bày các tài-liệu chứng tỏ rằng Che Guevara hãy

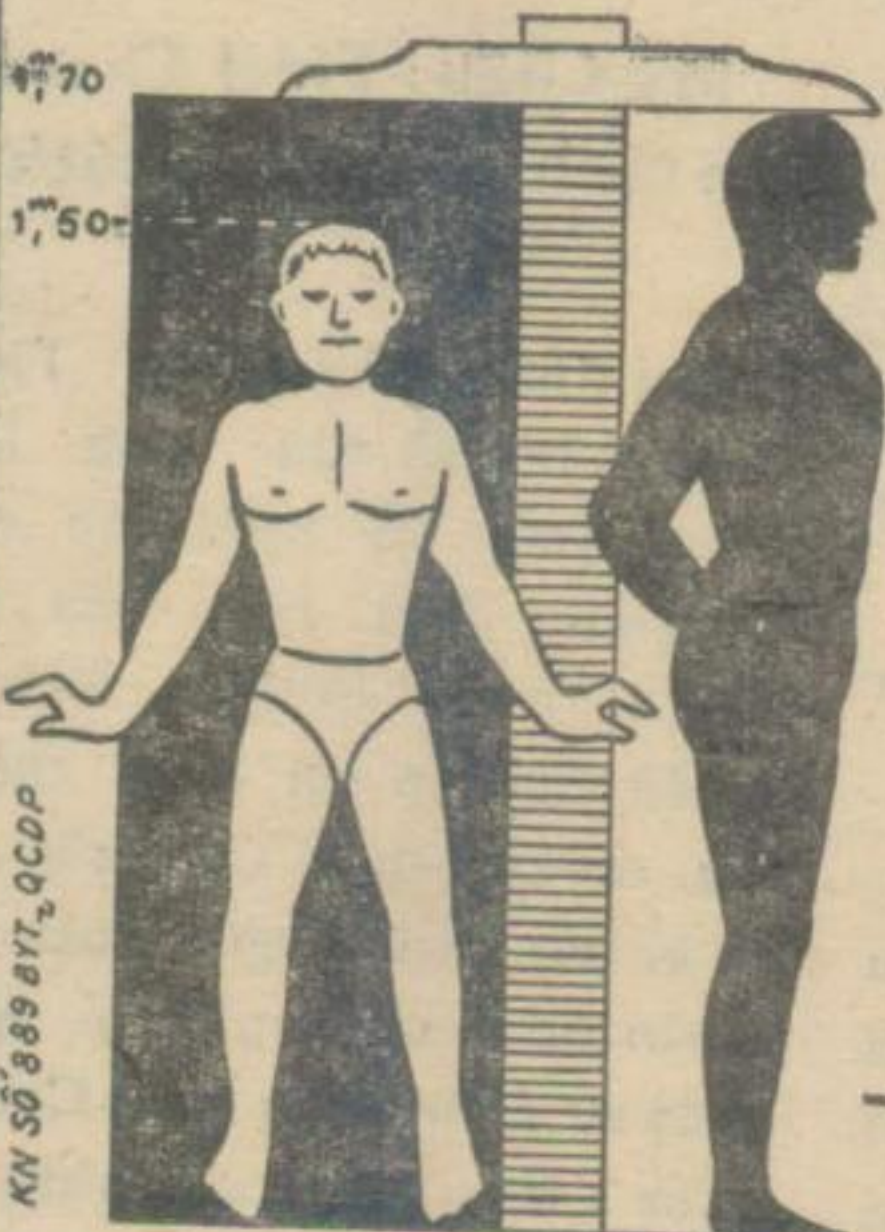
còn sống.

Ngoài ra nhà đương cuộc Bolivie còn bắt được một nhà trí thức trẻ tuổi Pháp, Régis Debray sang Bolivie để gia nhập hàng ngũ du kích nhưng Debray tuyên bố là y sang Che Guevara để tìm phỏng vấn. Hiện thời Debray đang bị-tòa án Bolivie xét xử cho rằng y là một lý-thuyết-gia của chính thể Castro ở Cuba.

TỪ TRÌ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



KN SỐ 889 8YT-QCOP

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO _ MỆT MỎI .
- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BÔ?

Lễ sinh nhật đức Khổng - Tử

Lễ cử hành ngày 25 tháng 8 âm lịch, nhằm ngày thứ năm 28 tháng 9 năm 1967, tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ. Tổng ủy viên Văn-hóa Xã-hội báo việc, nên cử người thay đề chủ tọa lễ này, là ông đồng lý văn phòng Tô-Văn-Quế.

Đặc biệt năm nay, Tổng bộ Văn hóa phối hợp với hội Khổng học Việt-Nam để tổ chức, cho nên phần trang nghiêm và trọng thể có hơn những năm về trước.

Tiểu sử vị «vạn-thế sư biểu» của miền Đông-Á được ông Nguyễn-Văn-Tự, quyền hội trưởng hội Khổng học nước nhà nhắc đến trong bài diễn văn khai mạc.

Tiếp theo, ông Tô Văn Quế, đại diện ông Phó Chủ-tịch Ủy-ban hành pháp Trung-uơng kiêm Tổng ủy viên Văn hóa Xã hội, nói đến ảnh hưởng đậm đà và sâu rộng của nền Khổng-giáo tại mảnh đất chữ S này, từ 2500 năm nay. Ông nhấn mạnh ở điểm luôn luôn hợp thời của những chân lý do đức Khổng-tử truyền dạy, mặc dầu khoa học loài người có dồn dập tiến bộ, vì đức Khổng không bận tâm đến Thần Thánh Quỷ Ma mà chỉ lo âu về thân phận con người. Ông mong rằng trước hiện tình sa đọa của miền Nam, do máy móc và tiền tài gây ra, người Việt trong mọi giai tầng xã hội hãy đồng tâm hợp lực để vừa phục hưng vừa phát huy rộng rãi và sâu xa những tinh hoa của kho tàng Khổng học, hầu tạo một xã hội tương lai trong sạch và lành mạnh.

Lời ông được tán thưởng nhiệt liệt.

Luôn đây, xin ghi vài con số, do ông quyền hội trưởng hội Khổng-học tiết lộ: Hiện nay, khắp nước có 30 tỉnh hội qui tụ lối 500.000 đoàn viên; ; — Vừa thành lập một Tổng-đoàn Thanh-Niên Khổng-học với 200 đoàn viên, (sinh viên và học sinh), riêng ở ngành Văn khoa, có hơn 1000 sinh viên theo học chương chỉ Nho học.

NGÊ BA LÍ

Nhớ Đinh-Hùng

Đó là đề tài của buổi chuyện đề tưởng niệm nhà thơ Trường-ban Tao-Đàn tác giả « Đường vào tình sử », do Trung-tâm Văn-bút V.N. tổ chức tại giảng-đường Viện Đại học Vạn-Hạnh hồi 10 sáng chủ nhật 8-10-67. Thính giả ngồi chật tất cả các ghế của giảng-đường, phần đông là thanh niên, sinh viên; có một số tu-sĩ, một số nhà văn, thơ, nhà báo và một vài người trong thân quyến của nhà thơ đã mất.

Mở đầu, thi-sĩ Đông-Hồ mời mọi người đứng lên dành một phút tưởng-niệm Đinh-Hùng trong khi ứng ngâm đôi câu ai điệu đã được đọc trước mộ-địa Mạc Đình Chi ngày 27-8-67 :

*Gấm trải vàng rơi, Tình-sử đường mê hồn nghệ-sĩ
Mây tan khói tỏa, Tao-đàn dài vắng tiếng thi nhân*

Ông lại xin mọi người một tràng vỗ tay rồi mới giới thiệu các diễn-giả sẽ nói về thân thế và văn nghiệp của Đinh Hùng là hai nhà thơ nổi danh từ thời Tiền-chiến : Vũ Hoàng Chương và Bằng-Bá-Lân, hai ngôi sao sáng của thi-đàn V.N. sẽ nói về « một vì sao vừa đời ngôi », một vì sao đã tắt.

Tiếp đó, thi-sĩ Vũ Hoàng Chương, trước khi vào đề — đề nói về thân thế Đinh Hùng — có ngâm bài thơ « Tiếng đó người đâu » (1) mà ông đã làm nhân xúc cảm vì chợt nghe phát thanh lại tiếng nói của nhà thơ Trưởng-ban Tao-đàn, nửa khuya 28-8, bốn ngày sau khi Đinh Hùng nhắm mắt.

Rồi bằng một giọng ầm áp' xen lẫn những lời thơ được ngâm lên dẫn chứng diễn-giả đã cho ta biết những nét chính sau đây : Đinh Hùng sinh ngày 3/7/1910 tại làng Trung Phụng, sát Hà Nội, là con út của một gia đình trung lưu. (Có một anh trai (Đinh Lân) và 4 chị : Loan, Yến, Hồng, Oanh). Hồi trẻ, học trường Bưởi, đậu bằng Trung học rồi đương học tú-tài thì bỏ dở. Người con gái đầu tiên để lại dấu vết trong thi-phẩm Đinh-Hùng là *Kiều Hương* mà nhà thơ có khi đổi lại gọi là *Tần Hương* cho kín đáo. Nhưng ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc đời của thi nhân là một cô bé họ xa, tên là *Bích Liên*, từ trần vào năm 1940 vì bệnh phôi. Cái chết của người yêu đã làm Đinh-Hùng đau đớn đến bỏ cả học hành, và tên người yêu đã được gọi lên trong thơ Đinh Hùng, từ những bài trong « Truyện Lòng » và « Tiếc bướm » đến bài « Trái tim hồng ngọc » đăng trên Nguyệt-san Vạn-Hạnh gần đây : Khi thì là Liên, Phượng Liên, lúc thì là Diệu hương, Diệu thư, thần nữ, kỳ nữ, bích họa hoa sen, v.v... Một điều người đọc dễ nhận thấy là sự chết ám ảnh nhà thơ rất nhiều. Nguyên do : những cái chết của các người thân yêu đã đè nặng tâm tư anh. Trong thời thơ ấu, thì chị Tuyết Hồng, thân phụ, rồi chị Loan của Đinh Hùng từ trần trong mấy năm liên tiếp; rồi đến khi lớn thì người yêu chết, sau đó bạn thân nhất là Thạch-Lam cũng lìa đời (1942), do đó mà không khí chết chóc bao bọc Đinh-Hùng và lẩn mạn trong thi phẩm của chàng.

Tác phẩm xuất bản đầu tiên của Đinh-Hùng là tập văn xuôi « Đám ma tôi » nhưng theo diễn giả thì anh được nhiều người chú ý đến là khi Thế-Lữ cho xuất bản cuốn « Trại Bồ-Tùng-Linh » lấy bài thơ « Kỳ nữ » của Đinh Hùng đưa vào trong truyện. Đinh-Hùng và Vũ-Hoàng-Chương gặp nhau rồi thân nhau là do thời đó họ Vũ cần một diễn viên đóng vai nàng Vân-Muội trong kịch thơ « Vân Muội » và Đinh Hùng đã nhận vai nữ ấy (cuối 1942). Cũng từ đó cuộc đời của hai nhà thơ có nhiều liên quan mật thiết, họ Vũ trở thành một người trong thân quyến và người bạn của Đinh-Hùng. Họ cùng bỏ Hà Nội, tản cư, dạy học, viết báo, rồi hồi cư và sau lại di cư. Cuộc đời của Đinh Hùng được đánh dấu bằng các sáng tác và hoạt động văn nghệ của anh : Bai ca man rợ... Thần tụng... Kinh đồ văn nghệ... Cuộc đời đức Phật... Mê hồn ca... Đường vào tình sử... Từ khi vào miền Nam anh còn làm Trưởng ban Tao-Đàn cho Đài phát thanh Saigon, làm báo Tự-do, viết truyện dã sử, viết thơ trào phúng v.v... Cũng theo Vũ Hoàng Chương thì vào những năm

(1) Bài thơ có đăng trên Văn số 91 (1-10-67) trang 100

cuối cùng 1953 - 67, theo những bài thơ đi đượ; đăng trên các tạp chí «Sáng đội miền Nam và «Vai-Hai» thì dường như Đinh Hùng đi hướng về ánh từ bi màu nhiệm».

Nhà thơ họ Vũ rời diễn đàn thi lúc đó đã 1915. Có lẽ vì thấy thính giả ngồi nghe đã hơi lâu nên đến lượt mình, nhà thơ Bình-Bá-Lân có nhã ý rút ngắn bài lại để chỉ nói trong vòng 20 phút. Không đề cập đến toàn văn nghiệp của Đinh Hùng diễn giả chỉ trình bày những cảm nghĩ đầu tiên của mình qua «Bài ca man rợ», bài thơ đầu tiên của Đinh Hùng mà ông được đọc và thi phẩm xuất bản cuối cùng «Đường vào tình sử» mà «nội dung chỉ có thể gói trong 2 chữ Em và Yêu». Ông đã phân tích tỷ mỉ từng đoạn, từng bài nhấn mạnh về trí tưởng tượng phong phú, chữ dùng táo bạo, gợi hình của tác giả.

Cuộc nói chuyện thân mật và cảm động được bế mạc sau khi ông Tổng thư ký của Trung-tâm văn-bút V.N. lên cảm ơn thính giả.

THẾ NHÂN

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Xin gia tăng luyện ái

«Yêu cầu các đồng chí hãy làm ái tình» Đó là chỉ thị của đảng Cộng sản Đức, phổ biến trên tờ *Nues Deutshland* cơ quan ngôn luận chính thức của cộng đảng Đông Đức.

Tại sao đảng lại lên tiếng yêu cầu các đồng chí khoản ấy? Nguyên là gần đây, để chứng tỏ rằng dưới sự lãnh đạo của nhà nước xã hội chủ nghĩa Đông Đức đang tiến tới sự thịnh vượng, cuộc đời mỗi ngày mỗi tốt đẹp, chính quyền bèn cho nhân viên nghỉ một tuần hai ngày. Tuần lễ năm ngày làm việc. Thế là tuyệt. Từ đây con người có thêm thì giờ nhàn nhã để hưởng sinh thú. Nhưng hưởng như thế nào? Từ ngày kỹ thuật Tây Phương đem lại cho con người nhiều rảnh rỗi nhàn hạ thì một số đông đã lấp đầy khoảng thời gian trống đó bằng rượu chè bài bạc, lái xe vùn vụt một cách nguy hiểm, xem những mục nhắm nhĩ trên vô tuyến truyền hình v.v..

Đảng cộng sản cho rằng tiêu thì giờ như thế thì phí cả kiếp nhân sinh. Có thêm được một chút nào rảnh rỗi, hãy lợi dụng để yêu nhau hơn. Yêu nhau, đó là nhất, đời không có gì sung sướng hơn quý bán hơn, cao cả hơn.v.v...

Một số công dân Đông Đức, nhiệm cá nhân chủ nghĩa tới xương tủy, Vội phản kháng: Đảng bị méo mó nghề nghiệp rồi! Đảng quên thói lãnh đạo nện lãnh đạo cho đến cả những giờ nhàn rỗi của người ta. Đảng đã ban cho thì giờ để giải trí lại đòi chỉ huy cả việc giải trí tôi còn đêch gì thú vị của người ta nữa.

Nhưng những công dân khác, những đồng chí khác của Đông Đức thì ngoan ngoãn: «Hoan hô chỉ thị của Đảng. Vâng, chúng tôi xin tận lực luyện ái trong tinh thần thi đua.»

Nghiên cứu dưới ánh sáng của sử quan thì đường lối của cộng đảng Đông Đức là một đường lối sáng suốt nhất là hợp thời.

Thực vậy, xưa kia, khi các tôn giáo khuyên người đàn bà nên coi chừng xác thịt, tốt hơn là nên coi rẻ nó, thực rẻ. Đàn bà chỉ cần chiều chồng trong phạm vi bốn phận thiêng liêng truyền giống mà thôi, đừng có bao giờ đem thân xác ra làm một phương tiện tìm lạc thú. Lúc bấy giờ hề nghe nói tới cái chuyện tục tĩu xấu xa nọ, tức thì người đàn bà đỏ mặt lên chối đây đẩy. Ấy thế mà các đảng ông chồng lại cứ chồm chm tới đòi tòm tem.

Sau này, Khoa học đem chuyện phòng the nói tuệch nói toạc cả ra, phá tan mỗi mặc cảm kiêng kỵ, mời các bà các cô cứ việc tận hưởng thú của bầu trời cho. Các bà đáp, vâng một tiếng theo Khoa học, mang của bầu mạnh dạn đi tìm lạc thú. Bấy giờ, hỡi ôi ! các đảng nam nhi lại hò hững thờ ơ. Bác sĩ Richard R. Gikenson mở cuộc điều tra tại Hoa Kỳ, so sánh tình hình trước và sau đệ nhị thế chiến, ghi nhận rằng sau này đàn bà Mỹ phần lớn đều phản nên là chồng không được siêng năng như trước.

Tại sao vậy ? Nhịp sống túi bụi của của đô-thị làm tâm trí người đàn ông bị bận rộn nhiều quá mà đâm lơ là chuyện luyện-ái chẳng ? Những nỗi hoang mang khắc khoải trong xã-hội văn minh làm người ta quên sống ? Chưa biết. Chỉ e rằng Cộng đảng mà chủ trương hợp thời quá như thế, không khéo đàn ông

các nước Tây-phương bị vợ xúi vào Đảng hết, gây nên một rắc rối lớn về chính trị.

Xin bớt tự do

Trong khi ấy, ở Tiệp-Khắc, nhà nước cộng sản đang bị rắc rối với các giới trí-thức, văn nghệ. Số là trước đây, từ 1963 về sau, văn nghệ Tiệp Khắc được Đảng cho hưởng một chế độ tự do rộng rãi hơn ở các nước Cộng sản khác. Giới cầm bút xử dụng tự do một cách ác ôn, nghĩa là đề quật lại Đảng. Ladislav Mnacko cho ra cuốn *Reportages différents*, làm dư luận xôn xao đến nỗi khi ông lăm le đưa ra một cuốn truyện (*Legout du pouvoir*) cuốn đó bị cấm ngay. Giới phim ảnh cũng phóng túng thả cửa. Phim *Les amours d'une blonde* của Milos Forman được các nước Tây Phương khoái lắm. Trong phim có đoạn một người con gái nằm tênh hênh, không có tí vải nào dính trên người. May cho cô ta, đúng vào cái chỗ mục tiêu trách cứ của thuần phong mỹ tục, một cậu con trai đã gác lên đó cái đầu của cậu. Cậu con trai cũng không có y phục. Thế rồi, trong cuộc chiến tranh Trung Đông vừa qua, nhà nước Tiệp Khắc dĩ nhiên phải xỉ vả Do-Thái đúng theo đường lối ngoại giao của toàn phe Cộng, trong khi ấy nhiều nhà văn Tiệp lại bênh vực Do-Thái.

Đảng không chịu được, Jiri

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

nhà văn LÊ-TẮT-ĐIỀU sẽ làm lễ thành hôn với cô LÊ-THỊ HIỀN-LÀNH vào ngày 18-10-1967,

chân thành chúc tân-lang và tân-giai-nhân trăm năm hạnh phúc.

Tòa-soạn tạp-chí BACH-KHOA và các anh chị em cộng tác.

Heindrych, rồi Antonin Novotny (Tổng bí thư Cộng đảng Tiệp) lên tiếng chỉ trích giới trí thức văn nghệ, rồi chế độ kiểm-đuyệt thêm gắt gao.

Tháng 7-1967 Jean Benès quyền góp đề giúp hai nhà văn Siniavski và Daniel bị tù ở Nga, Jean Benès bị nhà cầm quyền Tiệp Khắc kết án 5 năm tù. Tháng 8-1967, Ladislav Mnacko qua Do thái bày tỏ cảm tình với xứ này, Mnacko bị khai trừ khỏi Cộng đảng và tước quyền công dân Tiệp Khắc. (1)

Ngày 1 tháng 9-1967, Tổng bí thư Đảng nói toạc: « Từ nay chúng ta không thể tha thứ cho báo chí, sách vở, phim ảnh, vô tuyến truyền thanh và truyền hình của chúng ta phản ảnh quan-niệm đạo-lý tư-bản và ý-thức-hệ tư-sản nữa ».

Ngày 3-9-1967, tờ *Sunday Times* ở Anh đăng tải một bản Tuyên ngôn từ Tiệp Khắc bí mật chuyển tới, mệnh danh là « Lời kêu gọi của các nhà văn Tiệp gửi đến dư-luận thế-giới ». Bản kêu gọi do 300 nhà trí thức, 183 nhà văn, 69 nghệ sĩ, 21 nhà phim ảnh, 56 bác học, cùng ký tên.

Đừng hỏi tại sao

Nhà văn Hoa kỳ Norman Mailer cho ra đời một cuốn tiểu thuyết dính liền với thời sự : *Why we are in Vietnam*, Vì sao chúng ta đến Việt-nam ?

Đề tài liên quan đến dân Texas và đến Tổng-thống L. B. Johnson. (Và dĩ nhiên đến cả người Việt-nam).

Leon Uris

Tác giả cuốn tiểu thuyết danh tiếng *Exodus* lại mới hoàn thành một cuốn khác, về vấn đề Do thái, và lại vẫn theo sát những biến cố trong thực tại chính

trị. Lần này là chuyện chiến tranh với Ai Cập vừa rồi.

Chiến tranh hết sức chớp nhoáng. Tiểu thuyết viết cũng chớp nhoáng. Chiến tranh sáu ngày chấm dứt. Tiểu thuyết cũng chấm dứt liền ngay trong tháng 6-1967. Chiến sĩ cầm bút xứng đáng với chiến sĩ cầm súng. Tác phẩm mang tên : *Frappe, Sian*, viết chung với một ký giả Gia-nã-đại : William Stevenson.

Louis Aragon

Ông cụ viết một câu chuyện tình, nhưng tâm trí bị cái chết ám ảnh, cho nên có kẻ cho rằng ông đã viết một bản chúc-thư.

Tuy là một ông cụ, Louis Aragon không chịu lỗi thời trước những kỹ-thuật mới của bộ môn tiểu thuyết. Về lối kết cấu câu chuyện thì Geoffroy Gaifier kể những mẫu tình của cặp Marie Noire với Philippe trong khi ấy thì L. Aragon lại tiết lộ mối tình của G. Gaifier với Blanche. G. Gaifier làm một tiểu thuyết gia đối với các nhân vật Marie Noire và Philippe, những anh ta lại bị một tiểu thuyết gia cừ hơn là L. Aragon sửa lưng. Đối với Louis Aragon thì anh ta là nhân vật.

Nhân vật Geoffroy Gaifier sinh cùng một năm với tác giả Aragon cũng là nhà văn như tác giả, cũng khuynh tả như tác giả v.v... ; nhưng L. Aragon đe dọa trước : nếu cho rằng tác giả là G. Gaifier thì lầm đó nhé !

Về văn loại, cũng có điều dễ làm lộn nữa. *Blanche ou l'oubli* gọi là một cuốn tiểu thuyết, thế mà có nhiều đoạn trong ấy khiến người ta nghĩ rằng nó là một cuốn tiểu luận về vấn đề tiểu thuyết. Người ta lợm lặt đây đó những ý kiến

như sau : Tiểu thuyết, khoa «thiên văn học về con người», tiểu thuyết, «cái máy biến đổi con người»; tiểu thuyết, «trung gian giữa cuộc đời và tôi.» «Người sơ khai cần dùng da thú với hang đá. Con người hôm nay cần có tiểu thuyết.»

A ! Nếu thế thì hạnh phúc cho con người hôm nay, vì tiểu thuyết bao giờ cũng sẵn và đang ế ẩm ở thị trường chữ nghĩa Việt-Nam.

André Maurois

André Maurois không còn nữa. Mất vào ngày 10-10-1967, hưởng thọ 82 tuổi.

Văn học Việt-Nam từ lâu đã có bản dịch cuốn « Một nghệ thuật sống » của A. Maurois. Trong nghệ thuật sống có nghệ thuật gì, nghệ thuật chết. Nhưng một người như A. Maurois, dầu chết đẹp thế nào vẫn khiến thiên hạ bàng khuâng.

TRÀNG THIÊN

TIN THI-CA

Kính gửi Nam Nữ Thi-Sĩ Miền Trung. Chúng tôi đang soạn quyển :

THI-CA MIỀN TRUNG VIỆT NAM

● Rất mong sự đóng góp của các Thi-hữu Miền Trung lưu-lạc bốn phương trời để thi-tuyển được đầy đủ, phong-phú.

● Mỗi thi-hữu gửi về cho chúng tôi :

a) Mười bài thơ ưng ý nhất

b) Tiểu sử.

c) Một cái bóng 6x9

Lập trường thi-ca : Thuần túy dân tộc

● Nói lên tình quê hương đất nước nông nân

● Tình cảm cá nhân chan hòa tình yêu vũ-trụ nhân sinh.

Xin gửi về : LƯƠNG-TRỌNG-MINH

Giáo sư Trung Học Bồ-Đề Quý-Nhơn

LÀM ĐƯỢC GÌ?

ĐƯỢC LÀM GÌ?

LÀM GÌ ĐƯỢC?

ĐỌC

ĐẤT NƯỚC

Số 1 ra ngày 25-10-1967

Chủ nhiệm : NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Thư ký tòa soạn : THẾ-NGUYỄN